

Quảng Trí thiên sư

thập mục ngư đồ

Trần Đình Sơn

dịch và chú thích



NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

THẬP MỤC NGŨ ĐỒ

Thực hiện theo:

THẬP MỤC NGŨU ĐỒ.

Nguyên tác: Quảng Trí thiên sư.

Trần Đình Sơn *dịch và chú thích*.

Viện Nghiên cứu Phật học Tp. Hồ Chí Minh ấn hành, 1991.

Nxb An Tiêm. Paris, 2000.

Tái bản có chỉnh lý và tăng bổ.

Copyright © 2007 Tc. Văn Hóa Phật Giáo & Cửu Đức Co. Ltd.

QUẢNG TRÍ THIÊN SƯ

THẬP MỤC
NGƯỜI ĐỒ



Trần Đình Sơn

Dịch và chú thích

NHÀ XUẤT BẢN PHƯƠNG ĐÔNG

2007

Lời giới thiệu

Mười bức tranh chẵn trâu (Thập mục ngư đồ) là hình thức dạy “thuật luyện tâm”. Nó được hình thành từ lúc nào không rõ. Chính ngài Văn Thê Châu Hoằng đời nhà Minh-Trung Quốc, trong lời tựa cho mười bức tranh ấy cũng nói là chưa rõ có phải do tay một người hay không?

Trong Tục tạng hiện có hai loại tranh chẵn trâu. Một là tranh Đại thừa, hai là tranh Thiền tông. Phổ Minh thiền sư và Cự Triệt thiền sư, mỗi vị lại làm mười bài thi tụng cho mười bức tranh này (ngài Châu Hoằng cũng không rõ Phổ Minh là ai? ở đâu?). Trong bản Tân khắc Thiền tông Thập mục ngư đồ do Hồ Văn Hoán soạn, tập còn in thêm mười bức tranh “khổ lạc nhơn duyên” cũng một ý nghĩa là dạy “thuật luyện tâm”.

Mười bức tranh thi tụng này đến Việt Nam lúc nào không rõ. Trong các cuốn lịch sử Phật giáo Việt Nam hiện có cũng không thấy đề cập vị thiền sư hay cư sĩ nào nhắc nhở đến mười bức tranh này. Nay Phật tử Trần Đình Sơn đưa tới nhờ tôi xem tập Thập mục ngữ đồ tụng luận giải của ngài Quảng Trí, thiền sư Việt Nam thời vua Lê Dụ Tông, mà Phật tử đã sưu tầm, phiên dịch từ bản chữ Hán và chú thích kỹ lưỡng. Nhận được sách tôi rất mừng vì thấy đây là một phát hiện mới làm phong phú thêm cho cuốn lịch sử của Phật giáo Việt Nam được đầy đủ hơn.

Ngài Quảng Trí đã giải luận mười bài thi tụng của Phổ Minh thiền sư, lời văn rất sáng sủa, ý nghĩa rất uyên bác, chú trọng thức tỉnh lòng người học tu đúng chánh pháp, như ngài nói: “Lập luận không phải quý ở chỗ đàm luận rỗng tuếch vô bổ, mà quý chính là ở lời nhắc nhở, cảnh tỉnh người đời”. Thật vậy, đọc Ngài ta mới thấy chỗ dụng tâm tha thiết đó. Ngài lại được nhà vua đương thời tới chùa thăm viếng, hỏi chỗ hành trì mà viết ra văn bản giải luận này để trình bày nhà vua. Như vậy, chứng tỏ rằng Ngài cũng là một vị thiền sư thạch trụ chốn tông lâm. Tuy không được như ngài Chân Nguyên thiền sư đương thời từng được vua Lê Dụ Tông phong chức Quốc sư và có một vị trí sáng chói trong lịch sử Phật giáo ở Đàng Ngoài thời đại Lê Dụ Tông.

Trước khi vào chính luận, Ngài có viết một đoạn về chưa chẵn, toàn đề cập những hạng trong giới xuất gia mà không nói gì đến hạng tại gia. Phải chăng Ngài cho rằng hạng tại gia đã hẳn là hạng chưa chẵn cho nên không nói đến mà chỉ cốt nói đến những hạng người trong giới xuất gia là hạng gọi là chẵn, hoặc chẵn chưa tới nơi tới chốn. Quả đây là lời nhắc nhở thâm hậu của Ngài đối với kẻ tu hành.

Để khởi phát lạc một bản văn quý báu như vậy, tôi thành kính giới thiệu đến quý độc giả công trình sưu tập và dịch thuật này của Phật tử Trần Đình Sơn.

Từ Đàm, ngày 04 tháng 3 năm 1990

HT. Thích Thiện Siêu

LỜI ĐẦU SÁCH

Năm 1985, lên thăm Đà Lạt, duyên may gặp lại anh Phan Thái, người bạn vong niên mà tôi rất quý mến. Biết tôi thích cổ ngoạn, lúc chia tay anh có trao tặng một tập sách xưa, tựa là *Thập mục ngâu đồ tụng luận giải*. Sách là vật trân bảo, được gia đình đưa từ Huế vào sau biến cố Mậu Thân (1968). Nhận sách quý, lòng tôi vô cùng hoan hỉ. Đây là tác phẩm của cao tăng Việt Nam ở Đàng Ngoài vào thời Lê Trịnh và được chép lại vào khoảng thời Nguyễn-Tự Đức, nội dung chứa đựng những kiến giải uyên thâm về pháp môn *Chấn trầu* rất phổ biến trong giới tu thiền.

Tôi phát tâm chuyển dịch sang Việt ngữ không ngoài mục đích lợi mình và lợi người trong việc học Phật, khiến cho lời dạy của Tổ xưa mãi

mãi vang lên để cảnh tỉnh hàng sơ cơ học đạo như tôi, tránh được đường tà mà tiến vào cửa giải thoát. Đồng thời cũng là để giới thiệu một tài liệu chữ Hán của tiền nhân đã trải qua ba trăm năm nay may mắn chưa bị mai một vì binh lửa. Hạt sương công đức này thành tựu là nhờ sự tùy hỷ và duyệt chính của nhiều thiện tri thức mà tôi may mắn được gần gũi.

Nguyện được hoà nhập trong biển công đức vô biên của công việc hoằng pháp lợi sinh.

Pl. 2535. Mùa Vu Lan thắng hội

Phật tử Trần Đình Sơn.

TIẾP LỜI ĐẦU SÁCH

Kể từ lúc có duyên lành được cư sĩ Long Hoa Phan Thái trao tặng sách quý “Thập Mục Ngưu Đồ Tụng Luận Giải” của thiền sư Quảng Trí thời Lê, đến nay đã 22 năm trôi qua ...

Do ước muốn công bố rộng rãi tác phẩm văn học của Phật giáo Việt Nam nên tôi chuyển dịch từ Hán văn sang Việt ngữ để Viện Nghiên Cứu Phật Học TP. HCM ấn hành vào năm 1991. Mùa Vu Lan năm nay đem sách cũ ra đọc, tham khảo các tài liệu liên quan, đặc biệt là sách *Luận Giải Thi Tụng Mười Bức Tranh Chấn Trâu* của Hòa thượng Thanh Từ (Nhà xuất bản Tổng hợp Tp HCM-1999). Tôi nhận thấy có những điểm trước đây vì trình độ Phật học hạn chế, tôi chuyển dịch bị sai lệch, thiếu sót.

Phát tâm sám hối tôi xin sửa chữa, bổ túc bản dịch cũ, để tái bản lần thứ ba. Trong phần *Phụ lục* tôi có bổ sung thêm *Bộ tranh chữ trầu* của Trung Quốc (do cư sĩ Phan Thế Khương khắc lại theo bản của Hội Phật Học Huế thời vua Bảo Đại, 1933); bài nghiên cứu: *Thích giải Mục ngưu đồ* của cư sĩ Tâm Minh-Lê Đình Thám (1897-1969); và *Phật dạy chữ trầu* của thiền sư Tuệ Sỹ, nhằm để cung cấp thêm tài liệu tham khảo, đối chiếu.

Biển pháp vô biên cầu mong chư thiện hữu tri thức tùy hỷ.

Vu Lan thắng hội Phật Lịch 2551.

Nhật Cao Trần Đình Sơn

LUẬN GIẢI
CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU
(MỤC NGƯU ĐỒ TỤNG LUẬN GIẢI)

Kính dâng Thánh thượng bản sơ luận các bài
tụng về tranh **chặn trâu**

Tu sĩ Pháp Thông, hiệu Quảng Trí, chùa Trấn Hải.

Kính nhớ vào tháng 3 năm Kỷ Hợi⁽¹⁾ mong ơn,
Thánh Thượng ngự giá tới chùa vào ngày vía Di Đà,
trong lúc chúng Tăng quỳ lạy nghênh tiếp, riêng tôi
được đặc ân gọi vào. Thánh thượng đoái thương cho
ngồi uống trà lại chiếu cố hỏi han sau trước. Lòng
tôi vô cùng cảm sợ, mỗi mỗi đều giải đáp, trình bày,
mất chẳng dám nhìn lên, chỉ biết cúi đầu cung kính.

Ơn Thánh thượng to lớn, Ngài đã chiếu cố hỏi
han về đời tôi, từ ngày còn tại tục cho tới lúc xuất gia.
Ngài còn gạn rằng: “Suốt bao năm qua, người bỏ việc

đời sống vào rừng sâu, vậy có trường dưỡng được thêm điều gì chăng?”.

Tôi cung kính xem thấy đáng thiên tử có Phật tâm thường không quên lời vàng phó chúc của đức Thế tôn. Đó là huấn thị về việc thay cũ đổi mới để cho đất Phật được sống động một cách quy mô, cũng chính là đem lại sự thuận lợi cho quần dân cả nước.

Quả thật Thiên tử khi xét thì chí chân, khi nghiệm thì cùng đích. Ngần ấy nhân lành cũng đủ cảm hóa lương nhân, làm cho phước tăng tội diệt và đem lại sự thịnh vượng đời đời vậy.

Hoàng thượng cũng thường sắm sửa những đồ quý báu để dâng cúng vào trong mỗi dịp lễ Tam Nguyên⁽²⁾, lại cung cấp vật dụng thích hợp thời tiết bốn mùa, nhờ vậy hàng Tăng lữ không bao giờ thiếu hụt. Quả thật là ân đức lớn trong của Phật. Chúng tôi thật khó ngăn nổi sự vui mừng bộc lộ. Kể đó tôi lại được Thánh thượng gạn hỏi về “Sách dạy Chấn Trâu”. Lúc ấy thật tình thì tôi thừa thốt chẳng chút gì rõ ràng. Đợi đến hôm nay, tôi mới cẩn trọng đem lời giải thích của sách xưa và có kèm theo chút phần xét nghiệm riêng có. Đó là nếu sự giải thích trong sách chưa được đầy đủ rộng rãi thì được sửa đổi thêm thắt đôi lời, nếu thấy rườm rà không cần thiết lại lược thâu, bỏ bớt.

Giờ đây một bản mới được thành hình. Trong đây, trên mỗi bức tranh lại vẽ thêm tranh để được xem như lời trùng giải. Với tất cả lòng cung kính xin đệ trình và ngưỡng cầu ý chỉ của Hoàng thượng. Dù mạo cảm rằng Ngài vốn bận rộn vạn việc, nhưng cúi xin được xem qua thoáng lúc rỗi rảnh. Nếu trong sự mạo muội giải bày này có chỗ nào sai ngoa xin Ngài xóa bỏ, bằng được chút gì xác đáng, xin Ngài cho phổ biến rộng rãi thêm ra. Được vậy, hậu bối chẳng mất vốn học thuật ngày trước, lại tăng trưởng bội phần kiến thức hiện thời. Nhờ đó người tu hành có được thượng duyên hân hữu để hoạch đắc những thắng quả rạng ngời.

Tôi trộm xét các tình tiết trong sự sắp xếp của chư Tổ xưa cũng dựa vào ý nghĩa việc *Chăn Trâu*. Nhưng ở đây, lời giải thích của tôi có chỗ hạn hẹp thiếu sót e làm cho Thánh thượng nhầm chán khi xem qua.

Thánh thượng quả có sức học uyên thâm đã hỏi đến chỗ dụng trí “điều khiển trâu”. Chúng tôi chẳng nề sự dốt nát của mình cung kính đệ trình lên Thánh thượng bản luận giải này với lòng mong mỏi được thẩm định.

Ngày rằm tháng 5 - năm Vĩnh Thạnh thứ 16⁽³⁾.

BÀI TỰA TRANH CHẶN TRÂU

Phàm chư Phật Tổ ra đời đều do lời nguyện lớn là làm lợi ích cho chúng sinh. Lòng thương yêu muôn vật rất sâu đậm, nên các Ngài mới bày ra nhiều pháp môn. Tuy bảo rằng người người vốn đủ một tính “viên minh”, nhưng vì vô minh, vọng động nên mãi luân hồi, bao giờ mới biết phản tỉnh. Do đó mà bấy giờ đức Thích Ca rời bỏ cung vua, thẳng lên núi Tuyết⁽⁴⁾, trải qua sáu năm khổ hạnh, sau đó thuyết pháp độ sinh, mở lòng từ bi rộng lớn, nhổ gốc mê nhiều đời. Chỉ lòng từ viên mãn mới nói pháp thật tận nguồn, chấm dứt sự hôn mê đánh mất bốn tính. Bởi vậy giáo pháp ba thừa⁽⁵⁾ tùy căn cơ mà nói ngang nói dọc, nhưng diệu đạo nhất thừa⁽⁶⁾ chỉ dạy thẳng sự đốn giác viên thành⁽⁷⁾ khiến cho hai cõi Trời, Người không riêng sai

ngịch lại tông chủ. Còn riêng nơi đường khổ-hoặc chốn trầm luân lại càng thêm gần ý Phật, chẳng chút trở ngại nào, dầu bị che mờ cũng tìm ra ánh sáng. Bởi tánh đức thường hằng viên mãn nên dù đang thiếu duyên tự giải cũng có cơ nhiếp thọ. Bởi ngài Đạt-ma⁽⁸⁾ từ phương Tây đến thực hiện phép chín năm ngó vách, sau đó truyền riêng pháp môn chỉ thẳng, lấy tâm ấn tâm. Nhị tổ Thần Quang⁽⁹⁾ xuất hiện đứng dưới tuyết cầu hỏi, chặt tay xin được an tâm, nên bảo rằng có người được truyền nối vậy. Từ đó về sau các Tổ truyền nối nhau, trên mặt pháp thí, thì dùng phương tiện hiển, mật, xa, gần hoặc dùng phép tán thán, giảng pháp ngữ, tham vấn, vấn đáp, hội thoại, dùng kệ văn. Hết thấy các phương tiện đều dùng để thúc đẩy dẫn dắt, và sau đó kết tập thành vô số sách.

Riêng pháp môn Tranh Chăn Trâu này không rõ là của ai, chỉ biết cũng không ra ngoài kinh giáo của Phật tổ. Tranh Chăn Trâu gồm mười bức, bắt đầu ở bức *Chưa chăn* chấm dứt ở bức *Cả hai cùng vắng mặt*. Con trâu ban đầu đen rồi trắng ra, và cuối cùng thì không còn nữa. Về sau thiền sư Phổ Minh⁽¹⁰⁾ kèm thêm bài tụng vào mỗi bức. Phần tranh vẽ thì hình rõ ràng mà ý sâu xa, phần tụng thì lời gần gũi mà ý cao vời. Quả thật là một ân huệ lớn cho người học đạo, bổ ích rất nhiều, phương tiện cũng chẳng ít.

Nhưng về tranh vẽ, vốn là pháp môn chỉ thẳng, tiếc thay lại không có lời dẫn trực tiếp. Tôi chẳng nề sự thô lậu của mình, cũng trộm lấy các lời dạy của người xưa, lại góp nhặt, tuyển chọn lời trong kinh điển mà đưa ra làm bằng cứ, rồi xen vào một, hai ý của mình mong nhân đó bổ túc sự thiếu sót để tiện lợi cho người mới học, dám đâu nhận mình đủ tài biên soạn. Cũng như bệnh có nhiều chứng, thuốc không phải là một vị; nên bảo rằng bệnh lành tức thuốc quý. Tuy thuốc tầm thường nhưng cũng chính là cam lồ vậy. Thuốc mà không đúng bệnh thì sâm, linh cũng thành độc hại; há bảo rằng ngọc tiết, san hô là thứ thuốc tốt nhất sao? Phạm đệ tử sơ cơ của nhà Phật, thì phải lấy sự tu thân mà soi mình. Hễ cứ ham thích trí tuệ ngông cuồng tất có điều sai sót, khó tránh được tiếng chê cười. Tôi nay miễn cưỡng mà viết lời tựa.

Vĩnh Thạnh thứ 15 – tháng 12 ngày mồng 8,

vía Phật thành đạo

Kính ghi ở Hải Thiên Phật Quốc

(Ngôi chùa ở vùng biển)

QUYỂN THƯỢNG

LUẬN GIẢI

VỀ CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU

Tỳ-kheo Quảng Trí, hiệu Pháp Thông ở tại Kinh đô nước Việt luận giải.

NÓI VỀ CHƯA CHẶN

*Cúi đầu đánh lễ đấng Viên mãn Chánh biến tri.
Nay con nương tựa vào mười hai phần giáo điển⁽¹¹⁾.
Cung kính hướng về các bậc Hiền Thánh mười
phương.*

*Cúi xin chiếu ánh sáng chấn động, uy dũng vào
nơi đây.*

Tôi thường dạy bảo các đệ tử: Người ta bảo rằng thuốc không cần phải là sâm, linh, đơn, thạch, hễ chữa lành được bệnh tức thuốc tốt. Lời không cần

phải bàn bạc hùng hồn, giải thích rộng rãi; hễ xua tan mê muội tức lời hay. Vì thế những thứ mà hạng thầy thuốc tầm thường bỏ đi chính là thứ mà ông Lô Biển⁽¹²⁾ nhặt lấy. Những thứ mà hạng học trò tầm thường coi nhẹ chính là thứ mà bậc trí sĩ coi trọng vậy.

Cho nên lập ngôn không phải quý ở chỗ bàn luận rỗng tuếch, vô bổ mà quý chính là ở lời nhắc nhở cảnh tỉnh người đời. Người xưa có nói: Kẻ tốt nghi vấn, người đáp, tự rút kiếm chém, là để phá nghi. Cũng như linh đơn ra khỏi đỉnh, là bệnh nặng được trừ xong.

Này quý vị! Hãy ngay đây trấn định tinh thần, chỉ một niệm hồi quang là bỗng nhiên tự sáng. Khác chi mặt trời ở giữa không trung bao la tự chiếu, nào phải dụng tâm; tự hạt minh châu tròn sáng trong mâm không cần ai đẩy, mà nó tự chuyển. Ngay lúc này đây mà không nghiên cứu tận nguồn, lại chờ mai sau hỏi han Di-lặc⁽¹³⁾ há chẳng muộn sao?

Tôi nay dầu ngu muội, đạo đức tầm thường, học vấn kém cỏi, hành giải mỏng manh, cũng thấy được những bài tụng của *Tranh Chấn Trâu* là việc căn bản của người tu tập. Ở đây tuy lời văn thì tóm lược mà ý nghĩa thì thâm u, lý diệu huyền, sự hiển lộ. Cho nên trong giây phút phấn khởi niệm

tình mà có ý định chú giải, để phổ biến rộng thêm. Dựa vào lời trình bày trên giấy mà bàn thêm “biệt thừa” do vậy thành phép “nói thẳng”. Ở đây xin lược dẫn ra một số điều. Nếu như chưa sáng tỏ cho cùng lý, bàn sai, nghĩa trật thì tôi xin sám hối, nếu như lời lẽ đúng nghĩa lý, xin được phổ biến rộng rãi, thì mới không phụ với lời nguyện này. Nên bảo rằng: Bạc Thánh bỏ ngô tẩm lòng lão bà⁽¹⁴⁾, kẻ tri âm thì không đợi phải kêu gọi mãi. Nay ở bài đầu về tranh *Chưa chẵn*, xin thử nêu ra. Vì trong lúc mê mà tạm nêu giáo lý ba thừa, chứ sau khi giác ngộ rồi mới biết không có một chữ nào cả.

Xưa kia, đức Thích-ca Như Lai thẳng đến núi Tuyết, xả bỏ mọi thứ vinh hoa tôn quý của bậc vua chúa mà chịu sáu năm đói lạnh. Vào ngày mồng 8 tháng 12, giữa đêm sao sáng, lúc mới thành bậc Chánh giác, Ngài tự bảo rằng: Lạ thay! Tâm này quả là Phật. Tất cả chúng sanh đều có đủ đức tướng và trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước mà không chứng ngộ được. Nên tại Bồ-đề đạo tràng, Ngài mới thuyết giảng kinh Hoa Nghiêm, đó là pháp môn vi diệu về sự viên đốn của nhất thừa, mở bày cho chúng sanh hiểu. Cũng như sách của họ Khổng truyền lại rằng: “Từ bậc vua chúa đến hàng thứ dân đều lấy việc tu thân làm căn bản”.

Còn pháp môn này, trước khi bảo rằng chưa chán, là cũng chưa biết, chưa biết tức là chưa tu, chưa tu tức là chưa chán vậy. Sách Nho bảo: “Từ bậc vua chúa đến nhân dân” thì nên biết trong đó gồm cả vương, hầu, công, khanh, sĩ đại phu.

Bậc vua chúa mà chưa chán là thế nào?

Đó là thân ở chốn giàu sang, quyền quý, có con trai, con gái, ngọc gấm, châu báu, kho tàng, hàng ngày giải quyết vạn việc, làm sao có lúc rảnh rỗi để “hồi quang phản tỉnh” ngộ hầu có thể chán được?

Các bậc hầu vương mà chưa chán là thế nào?

Đó là họ cứ bận lòng con cái, thê thiếp, ngọc gấm, nắm quyền bính, mưu xâm lăng nên không thể chán được.

Hàng công hầu, sĩ đại phu thì lo đua nịnh quyền thế, đắm say bổng lộc, khoe khoang danh lợi, hoặc lo góp nhặt của dân chỉ để cho mình quý hiển, nên không thể chán vậy.

Còn như đám học trò thì lao tâm nhọc sức mưu đồ công danh, vinh hiển há rảnh được mà chán đâu? Đến hạng nông, công, thương lo việc sinh sống, phải bận rộn gieo trồng, gánh nước, bừa cửi, dệt vải, may vá, gặt, phơi, sàng, giã... bận rộn lăng xăng, siêng năng lao nhọc, đêm ngày lo nghĩ cho đủ sự chi dùng, trăm cách ngàn kế. Nói về

chuyện gia đình thì nhiều việc nhỏ nhặt lôi thôi, không bút nào tả hết, chỉ vì gốc nghiệp sâu nặng, ngày tháng miên man làm sao chán được?

Từ vua chúa đến hàng thứ dân, hãy gác lại không bàn đến nữa. Còn ngay đây trong bốn hàng đệ tử nhà Phật⁽¹⁵⁾, do làm được chút ít việc thiện nên sanh làm người, may gặp được truyền thống xưa mà xuất gia, cắt tóc, mặc nâu sồng, lam hưởng sự cung kính, ăn rồi xúm đầu bàn chuyện huyền thuyên, chỉ nói toàn là chuyện tạp nhạp của thế gian (Linh Hựu, *Cảnh sách văn*). Noi theo dấu cũ tham lam hưởng thụ, chẳng làm nên việc gì hoặc nhiễm thói xấu ở đời mà thành thô lậu, hoặc theo dòng ứng phó để mưu lợi dưỡng quên hết sơ tâm, cô phụ chí xuất gia, ngày nào mới biết bật ý, ngưng duyên phản tỉnh mà chịu chán?

Cứ suy các thứ như vậy đều gọi là chưa chân.

LUẬN VỀ CHƯA CHẴN

Hết thầy mê tình đều được sanh từ “kiến”,
dắm vào thì như rừng rậm, chìm vào thì như biển
sôi. Cũng như loài tằm làm kén, nơi đẹp là chỗ
buộc ràng. Tựa như loài thiêu thân bay vào đèn,
chỗ sáng là gốc chôn xác. Cho nên bậc Tiên đạt
đã bảo rằng: kẻ lãng tử bỏ nhà đáng thương thay.
Người lữ hành cô đơn sống trong cảnh lạc loài đối
lạnh, mới biết đủ nỗi khổ của kẻ cùng đường,
không có cách gì cứu được. Những kiến giải ấy
thật là đáng trách. Đây là chỉ mong nghe theo lời
Phật mà lại nương tựa vào sự dẫn dắt của ma.

Nay tôi xin thuyết phá rõ ràng, mà thuyết
phá ắt bị người ghét. Người xưa có bảo: “Lời nói
đúng đắn thì không sợ bị cắt lưỡi”. Nên tôi chỉ
lược nêu trong đám tăng chúng bản xứ, họ gồm

năm loại dọa, năm loại truy, cộng lại là mười loại người chưa chịu chẵn vậy.

LOẠI THỨ NHẤT, là loại do cuồng vọng, túng tú mà không chịu chẵn. Sao vậy? Trong kinh có dạy: “Có một loại ma chuyên thích trí tuệ ngông cuồng, không chịu giữ giới tu hành”. Họ nắm lấy một cách sai lầm những lời lẽ có tính cách tương tự ở kinh điển mà bảo rằng: Phiền não tức Bồ-đề; dâm, nộ, si là phạm hạnh. Theo lời mà sinh ra kiến giải, theo sự giải thích mà phát ra độc hại. Họ có tâm ý phóng túng, lời lẽ ngông cuồng, tội thực không thể kể hết. Cứ nói chuyện giải thoát ở cửa miệng, thì thừa và giới đều mất, đều chẳng tu hành. Hòa thượng Vĩnh Minh có dạy rằng: “Khi tập khí⁽¹⁶⁾ bị nghiệp cảnh sai khiến, thì hiện hành sao khỏi bị trói buộc của duyên?”. Cũng như bảo rằng: “Ngàn ngày học tập lý giải, không bằng một ngày tu trì giới luật”. Sao lại ham cái hư danh của lý sự để phải chịu hậu quả của địa ngục, dối mình, gạt người, chịu trầm luân dọa lạc một cách oan uổng? Đó chỉ là bọn sửa càn, thực đáng thương thay!

Những người này tức là những người không chịu chẵn.

LOẠI NGƯỜI THỨ HAI, rơi vào sự chi li mà không chịu chẵn. Sao vậy? Tổ sư dạy: “Có nhiều người thông minh học hết giáo điển, ghi nhớ

chương cú, chấp vào cái giả danh của pháp thân⁽¹⁷⁾, phân tích ra mọi loại danh tướng thêm thất chỗ này, bổ sung chỗ nọ. Quanh năm suốt tháng chỉ cố tranh kiến giải của mình, mà chẳng tu hành thực sự". Vì thế nên biết: Đứa bé đói qua hàng thịt, nhìn thấy mà nhai ngồm ngoàm, chỉ tăng lòng thèm khát chứ không cứu được bụng đói. Những người như thế chỉ làm khách thiện ngoài miệng, tuy ghi chú chương cú nhưng trong lòng ngã mạn, khinh chê mọi người. Đây là hạnh thô bỉ nhất trong tăng chúng, hướng chi là không có công hạnh thực sự! Như thế chỉ làm tăng thêm khẩu nghiệp, thực quả đáng thương! Hạng người này cũng không chịu chẵn.

HẠNG THỨ BA, bị rơi vào si mê cái "không" mà chẳng chịu chẵn. Sao vậy? Người xưa có dạy: "Kẻ học đạo mới thấy sơ về cái "không" của các pháp, nghe người khác tụng kinh, niệm Phật, lễ bái, làm các pháp tu hành, bèn bảo rằng "pháp tách rời danh tự, nếu chấp vào danh giả và thuyết tạm thì càng tăng thêm sự hư vọng". Hạng người như thế lòng và miệng trái ngược nhau.

Há chẳng thấy kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: "Nếu trong định kia mà các thiện nam tử thấy rằng các uẩn⁽¹⁸⁾ tiêu mất, thọ uẩn⁽¹⁸⁾ rõ ràng, tự cho mình đã đủ, tức có phần ngã mạn lớn, ma nhập vào tâm phủ". Họ còn bảo rằng: "Một niệm vượt qua ba tăng kỳ kiếp"⁽¹⁹⁾ để rồi trong lòng xem thường

mười phương chư Phật, hướng chỉ các bậc thấp như hàng Thanh-văn, Duyên-giác. Họ không chịu lễ bái thấp miếu, khinh mạn kinh tượng, cho đây chỉ là vàng, đồng, đất, gỗ, rồi bảo rằng “nhục thân chơn thường thì không tự cung kính mà lại sùng bái gỗ đất!”. Như thế thật là điên đảo, làm nghi ngờ sai lạc cho người sau. Nên biết rằng “Chấp không, phá tướng đều là quyến thuộc của Ma”. Cho dù có bảo tất cả đều “không”, sống cũng không, chết cũng không, nhưng còn cái không của Đại Diêm Vương làm sao như thế được? Thật đáng thương! Những người này chấp vào không mà chẳng chịu chân.

HẠNG THỨ TƯ, rơi vào tùy duyên mà không chịu chân. Sao vậy? Họ bảo rằng người xưa có dạy: “Theo duyên mà làm tiêu nghiệp cũ, tùy thời mà mặc áo quần thì hãy thuận theo ý trời mà vạn hạnh tự đầy đủ, nhắc chân, bỏ chân, có cái gì không phải là tịnh nghiệp đâu mà phải làm bao nhiêu chuyện?”. Họ lại bảo: Có bậc Tiên đức bảo rằng “Tức tâm là Phật”, cần chi vào việc tu hành?.

Bọn người như thế cũng như con chó đuổi theo cục đất vậy, không biết rằng đó chỉ là nói tạm một lúc của các bậc Tổ sư, vì bệnh mà cho thuốc. Nên biết rằng: Theo duyên thuận thời, không phải là không làm gì cả. Đây là nhận lầm Tổ cơ⁽²⁰⁾, tưởng đá là ngọc vậy, thật đáng thương xót. Cũng

vì kiến giải sai lầm như thế mà hạng người này không chịu chán.

HẠNG THỨ NĂM, bị rơi vào hạng ý quyền thế mà không chịu chán. Sao vậy? Do họ không biết liêm sỉ, chạy theo danh lợi, quên đạo đức, bỏ bê giới luật, bỏ đi phép tắc, mang lấy tình riêng mà ra vậy. Thế rồi họ lại chê trách người chân chính tu hành là hạng bỉ lậu, khen ngợi bọn tự đắc ngông nghênh là hạng lỗi lạc. Do đó không biết hổ thẹn gì, chỉ cứ lo nịnh hót quyền thế, ý lại chôn giàu sang để mưu lấy danh lợi. Bọn người này không thể hiện được gốc đạo, chìm đắm trong sông ái biển dục, đành chịu sự trầm trụy. Một ngày kia họa đến, phước hết, trời người đều ghét, làm lụy đến thầy, bạn. Hạng người này cũng không chịu chán.

HẠNG THỨ SÁU, là thân tuy xuất gia mà chẳng chịu an tâm học đạo. Họ thuận theo cái không của các pháp, chỉ mong giữ lấy cái thân huyễn ảo, làm bộ làm dáng bị dọa lạc mà chẳng chịu chán. Sao vậy? Hòa thượng Thiên Như dạy: “Gần đây có bọn người xuất gia tuy bảo rằng bỏ thế tục nhưng thói quen tục lụy vẫn không chữa”. Họ bảo rằng thoát khỏi trần ai, nhưng họ thì duyên trần không dứt bỏ, kinh giáo không biết, tham thiền chẳng hay, vượn tâm⁽²¹⁾ rong ruổi, ngựa ý bốn ba. Họ nhóm lại thành bầy, qua ngày đoạn

tháng. Như thế chẳng những uống phí của cúng dường mà mai một tâm linh của chính họ. Đến khi nhấm mất xuôi tay biết đi về đâu? Quả thực là muồn vào “cửa không” mà trở nên sống hư chết lãng. Bọn người như thế là bọn vì cơm áo, vì sự yên ổn mà đi xuất gia, thiệt đáng thương xót. Há chẳng biết kinh Bửu Tích dạy rằng: “Quán nơi thân thấy có bốn mươi thứ lỗi lầm, tai hoạn. Hoặc bảo đó là cái ngục tham dục vẫn thường bị phiền não trói buộc. Cái hầm dơ bẩn luôn bị loài trùng bọ rúc rĩa, tựa như nhà xí, có năm loại không sạch, chẳng khác gì cái bị rách có chín lỗ thường chảy ra. Rắn độc sâu hận nổi lên hòng hại người làm tổn tuệ mạng. Con quỷ ngu si vì nắm lấy ngã kiến mà nuốt cái thân trí, như bọn giặc ác mà người đời đều ghét, như loài chó chết mà người hiền vứt bỏ. Không cứng rắn, giống như cây chuối, bọt nước, vô thường như ánh chớp, tia lửa. Tuy cho nó ăn uống mà trở lại thành oán thù, thường chăm sóc mà chẳng biết đền ơn...”. Điều đáng trách không phải là ít, thực khó nói cho hết. Nếu không xét lỗi lầm sâu xa này rồi cứ chấp chặt cái bánh vẽ một cách mê muội, thì không thể nào tiến tu được, tức trí tuệ, đức hạnh trở thành thiếu kém, lý và sự đều tiêu tan.

Trước hết cần phải biết chán ghét, biết các điều sai quấy thì lửa dục mới tiêu được. Nếu đối

trị hết từ gốc, thì cái chân nguyên tự hiện ra. Phàm hạng người như thế đều từ vì trong không có sự chiếu sáng của trí, lại bỏ gốc, nắm ngọn, sáng chiếu chạy theo bọn bị động, làm hỗn loạn nguồn chân, vẫn đục dòng tính. Hạng người này cũng không chịu chẵn.

HẠNG THỨ BẢY, chạy theo việc người, càng ngày càng tinh chuyên mà không chịu chẵn. Vì sao? Kinh Pháp Cú dạy: “Như tờ giấy bao hương, như sợi dây cột cá vược”. Phàm vật vốn tịnh nhưng vì duyên mà khởi tội phước. Có bạn hiền minh thì đạo nghĩa càng ngày càng tăng tiến. Bạn bè ngu ác thì tai ương càng ngày càng tụ tập. Giống như giấy sạch gần hương mà thơm, gần vật dơ mà bị hôi hám. Lâu dần thành thói quen đều không tự biết. Tiên đức có bảo: “Thôi, thôi, thôi hãy tu cho sớm. Khi trời khô tạnh, không chịu đi, lại đợi cho đến lúc mưa xối xả!”. Bọn người này thuận theo bánh xe nghiệp, đem chôn mất gốc Đạo, mà không chịu chẵn.

HẠNG THỨ TÁM, dùng Phật pháp để làm việc đời, rồi lười biếng chẳng chịu chẵn. Vì sao? Chỉ vì tài trí không đủ, kiến thức không có mà ra như vậy. Hòa thượng Phật Trí Dụ dạy: “Ngựa hay rong chạy thì không dám giữ chân lại, chỉ còn cách gò dây cương mà chế ngự. Ý thức trôi chảy lung tung mà không thể nương vào duyên là nhờ sức

mạnh của sự thức tỉnh vậy”. Than ôi! Dùng Phật pháp mà làm việc đời, quả thật là bọn ngoắt đuôi mà xin thương hại, là kẻ không thức tỉnh. Bọn người này thì không chịu chẵn.

HẠNG THỨ CHÍN, thì lười biếng, uể oải, cầu an mà không chịu chẵn. Vì sao? Chỉ vì họ tự mang, tự bỏ mà ra như thế. Bậc tiên đức có bảo: “Cái dung lượng tài năng của con người thì có lớn, có nhỏ, nên không thể dạy được”. Nên bảo rằng: “Giấy nhỏ thì không thể bao bọc vật lớn; dây gấu ngắn thì không thể lấy nước ở sâu”. Chim cú ban đêm nhìn thấy loài trùng nhỏ nhất rất rõ, nhưng ban ngày mất lại mờ tối, không thể thấy gò núi, không phân định gì được. Người như vậy, tự cho mình là đủ nên chẳng còn mong cầu gì xa hơn. Sống chẳng có ích gì cho đương thời, chết chẳng để tiếng tăm cho hậu thế. Hạng người này cũng không chịu chẵn.

HẠNG THỨ MƯỜI, là bọn cờ bạc hư hỏng, tụ tập với nhau, lười mà chẳng chịu chẵn. Vì sao? Họ chỉ mong cái lợi nhỏ trước mắt mà cứ ôm ấp những mưu kế cầu thả. Họ lại còn bảo rằng: “Cầu đạo thì quá xa vời, chẳng bằng cầu cái lợi thiết thực”. Do vậy mà họ quen thói phù hoa, so đo nhỏ nhặt, không tính được cho trọn năm, huống chi là lo chuyện sanh tử!. Việc học đạo càng ngày càng suy, việc tu tập càng lâu càng bỏ phế, tông môn

ngày càng hư hỏng. Hạng người như thế thì không chịu chán.

Mười hạng người kể trên tuy gọi là xuất gia mà chưa bỏ hẳn việc đời; mang lấy thân nam tử nhưng không có cái chí của bậc trượng phu. Vì thế Tổ Quy Sơn⁽²²⁾ dạy: “Tiếc thay một đời luống qua, gặp việc thì quay vào vách”. Suốt ngày cứ lãng xãng, tối lại thì mê mệt. Để rơi vào hầm vô tri, ngồi trong ngục tăm tối, không đạt được yếu chỉ “tức sự tức lý”, mà cứ niệm suông câu phá bệnh, phá chấp. Bậc trí thì than tiếc, kẻ ngu lại bắt chước theo. Lâu thành vết xe mòn, muốn dứt bỏ nhanh càng khó.

Vì thế tôi nay xin quảng dẫn tấm lòng thâm sâu của chư Phật, chư Tổ mà trình bày rõ ràng đại ý của các kinh luận, mong phá bỏ cái chấp cũ, sửa đổi cái sai lầm trước, cùng nhau theo đuổi cái dấu tích để lại của các bậc Thánh đời trước, cùng nhau nhận lấy sắc chỉ từ bi của bậc Giác Vương⁽²³⁾, không để hư cái trí của mình, không phụ tử ân,⁽²⁴⁾ cùng bước vào cửa giải thoát, cùng tiến trên con đường thực hành thành tựu của chư Phật, làm viên mãn trí Bồ-đề, chặn lối tà, mở rộng đường trí, làm vững gốc tin mà nhổ gai chấp, vượt khỏi bến khổ của ba cõi,⁽²⁵⁾ nhập vào biển nguyện của Phổ Hiền,⁽²⁶⁾ vượt khỏi sự phiêu đảng của pháp giới, tiến lên thành lớn Niết-bàn.

Ngưỡng mong chư Phật, chứng cho lòng
thành nhỏ nhất này, mong được phổ biến đến
khắp mọi người đương thời.

Nay kính dẫn tập sách.

NÓI VỀ LÚC MỚI CHẶN

Bài nói về lúc mới chặ này là bốn phậ của giới tăng sĩ chứ không liên hệ gì đến thế tục.

Theo sách Vĩnh Gia⁽²⁷⁾ thì phàm muốn tu Đạo trước hết phải nên lập chí, sau mới làm sáng tỏ các nghi thức của chí mộ Đạo, các nghi tắc thờ thầy, các lời dạy bảo sẵn có. Kế đó là trừ khử cái ý kiêu sa để làm ngưng sự nhiễu động của vọng tâm. Tiếp theo là làm trong sạch ba nghiệp, kiểm xét cho kỹ càng, giữ gìn thân, khẩu, ý khiến cho các lỗi lầm thô thấp không sinh. Có thế mới điều phục thân và tâm vậy.

Tâm chặ thật vốn không hư vọng, tính trí vốn sáng tỏ tinh vi. Do nhìn sai lầm mà sinh ra u tối, làm mất đi sự tinh diệu, để rồi phát sinh trí thức, nên trí chuyển thành thức. Vọng tâm theo hình thì gọi là thức vậy. Tâm vốn không biết, do nơi thức mà biết. Tính vốn không sinh chỉ do nơi thức mà sinh. Từ đấy các chủng tử tạo thân nấy

sinh mầm mống, nở hoa hữu lậu, kết trái sinh tử, khiến cho người ta hiểu lầm bên trong có một vật sáng sửa linh diệu cùng một thể với các sự vật, mà cho rằng đây là “nguyên thân” vậy. Trái lại họ không biết rằng đây chính là ông thần thức của tử tử, sinh sinh, cái chủng tử của luân hồi muôn kiếp.

Vì thế Hòa thượng Cảnh Sầm bảo rằng:

*Học đạo mà không hiểu lẽ chân,
Cứ theo lối cũ nhận thức thân.
Từ vô lượng kiếp gốc sanh tử,
Người ngu cứ gọi bản lai nhân.*

Ồi! Người đời cứ nhận đây tứ làm chủ mà không biết, nhận giặc làm con mà không hay. Nên đức Thế Tôn dạy người ta trước hết phải đoạn trừ các gốc rễ luân hồi từ vô thi vậy. Cái gốc rễ đó một khi được chặt đứt thì cái thức không có chỗ nương tựa, phục hồi cái bản thể thường sáng suốt ban đầu của ta. Nhưng đạo lớn mệnh mông, cần phải ngay đây mà hạ thủ. Nên biết rằng: Muốn sửa áo cho ngay thì phải kéo cổ áo, muốn sửa lười lại cho thẳng thì phải gỡ mối giềng.

Từ xưa, dưới cửa Tổ sư, chỉ nêu có một con đường chính tu hành, dạy người khởi sự từ nguồn suối. Nếu ở đầu nguồn được trong sạch, thì lẽ thật

luôn luôn hiện rõ, thức và niệm tự nhiên, không bị ô nhiễm. Giống như mặt trời đang ở giữa không thì bọ ma quấy mắt tích. Pháp môn tông địa này là cái đạo không thay đổi của ngàn Thánh xưa nay. Vậy nên trái với pháp môn này tức phạm phu, thuận với pháp môn này tức hiền thánh. Không biết nó thì sinh tử bởi bởi, ngộ nó thì luân hồi chấm dứt. Muốn dứt luân hồi thì không có gì bằng thể hiện cái đạo rốt ráo. Muốn thể hiện cái đạo rốt ráo thì không gì bằng quán chiếu bản tâm. Muốn quán chiếu bản tâm thì nên mở toang mắt soi xét vào hư không, thường khiến cho trắng sáng lại sáng rực ra. Cứ mỗi khi tập định hay tuệ quán, luôn luôn giữ được cái “trung”⁽²⁸⁾ của thất tình chưa khởi, luôn luôn giữ được cái thể chưa bị ô nhiễm của tám thức⁽²⁹⁾ tâm vương. Bên ngoài ngưng các duyên, bên trong dứt các vọng. Kiểm soát cái nhìn của mắt, cái nghe của tai, cái ngửi của mũi, cái nếm của lưỡi, tay chân không động. Khiến cho năm thức, mỗi cái quay về cái gốc của nó thì năm thứ linh là tinh, thần, hồn, phách, ý, mỗi thứ đều ở yên chỗ của nó. Trong suốt ngày, lúc nào mắt cũng cần nội quán sự rong chạy của con trâu, tai lắng nghe tung tích của con trâu. Cho đến nhất cử nhất động, niệm niệm đều không tách xa con trâu. Nằm, ngồi, đi, đứng đều để tâm vào con trâu này. Không để cho một giây phút nào là không chiếu

rọi vào. Hễ lơ lửng là trái phạm. Thần quang mới phát ra thì phải thu lại, trước sau không được rời, luôn luôn quán chiếu vào đây như lòng nghĩ đến con thơ vậy. Như ông Tử Tư nói: “Đạo không giây phút nào rời bỏ được!”. Trước hết phải giữ lấy điều ấy để giữ trống cái tâm mình, rồi tiếp theo phải quên đi để mở rộng cái tâm lượng. Bất cứ lúc nào, ở đâu đều không bị trở ngại và được tự tại. Không những người học phải từ bỏ sáu thức⁽³⁰⁾ mà còn phải biết cái trước sau của chúng.

Ý tuy là chủ soái của sáu thức, nhưng mắt thực là đứa tiên phong của năm thằng giặc. Nên Tiên đức bảo: “Tâm là chỗ khu yếu, mắt là kẻ đạo tặc”. Muốn điều phục tâm, trước hết phải nắm lấy mắt. Cái cung phát động tại nơi cơ máy, sự duyên dẫn của tâm là tại con mắt. Cơ máy không động thì cung đứng yên. Mắt không động thì tâm ở yên. Nên biết vọng niệm sinh khởi từ thức căn⁽³¹⁾. Đối cảnh thành vọng, vốn thức chẳng có cái thể riêng. Khi còn là chúng sinh thì trí tuệ yếu kém, mà thức mạnh mẽ nên gọi là thức. Khi vào Phật địa thì trí tuệ mạnh mà thức yếu nên gọi là trí. Đây chỉ là sự thay đổi tên gọi chứ không thay đổi bản thể. Cái suối nguồn của tâm vốn rộng rãi trong lặng, do tri kiến mà lập thành tri, do bụi vọng sanh khởi mà tạo nên vọng niệm. Nếu tri kiến mà không thấy thì đây là Niết-bàn. Tánh của tri trở thành chân tính

lại trở về cái trong sáng linh diệu, rốt ráo, mà ý niệm tiêu tan. Ý niệm đã mất thì từ thức thứ sáu trở xuống không có cái gì là không mất. Tức như Ngài Văn Thù từng bảo: “Một căn đã trở về nguồn gốc thì sáu căn trở thành giải thoát”. Đã không có sáu căn, tức không có sáu trần⁽³¹⁾, không có sáu trần tức không có sáu thức, tức không có hạt giống luân hồi. Không có hạt giống luân hồi thì một điểm chân tâm của ta đứng một mình không nương tựa vào đâu, trống rỗng, mênh mông, sáng sủa, trong lặng, vạn kiếp mãi còn, mãi mãi không sinh diệt. Cái pháp môn “trực chỉ nhân tâm”⁽³⁴⁾ này rõ ràng, xác đáng, thực là rốt ráo, giản dị làm sao! Chỉ cần bồi dưỡng cái nguồn cội mà soi chiếu con trâu này, lâu ngày thuần thục, tâm thành trống rỗng, ngừng lặng vô cùng yên ổn, không động, sáng suốt vô tư, tấm lòng rộng mở, rõ ràng thấy tính. Đó là sự lột bỏ hết vỏ da bên ngoài, kể đến thấy được sự vật vậy. Công phu đến mức đó thì tự nhiên tinh thần sáng sủa, trí tuệ suốt thông, tâm tính linh động, quảng đại tự tại, nên biết rằng tất cả bậc Thánh, đều dùng cái pháp môn tâm địa⁽³⁵⁾ này làm phương tiện nhập đạo để thành Phật, thành Tổ, làm bậc Thầy của trời, người.

Kẻ phàm phu không chứng được là do không biết tâm của mình. Vì thế kinh Phật dạy: “Tất cả chúng sinh, từ bao nhiêu kiếp đến nay, mê muội

điên đảo cái bản tâm mà không tự giác ngộ, nhận lầm tứ đại⁽³⁶⁾ là thân, phan duyên là tâm”. Ví như trăm ngàn biển lớn mà không nhận, lại nhận một giọt nước nhỏ nhoi như vậy. Thế là mê lại tiếp mê, vọng lại tiếp vọng, theo cảnh mà lưu chuyển, để mất vào cảnh mà sinh tình, nắm bắt vạn mối, chẳng lúc nào nghỉ. Từ đó sinh ra nghi hoặc, tạo ra nghiệp báo, quanh quẩn trong sáu đường⁽³⁷⁾ không thể thoát ra. Từ đầu đến cuối đều mắc phải cái lỗi là lấy hư vọng làm mê mờ lẽ chân thực.

Nên biết rằng ba cõi⁽³⁸⁾ là do tâm, người mê thì cầu pháp ở ngoài tâm, người trí thì thấy cảnh chính là tâm, cảnh là cái cảnh của tâm, tâm là tâm của cảnh. Trước cảnh không bị mê, gặp duyên không bị động. Năng sở⁽³⁹⁾ thành một, một thể không khác. Nếu có thể đạt đến chỗ hiểu rằng cảnh chỉ do tâm, thì ngộ được tâm mà thành đạo. Hiểu được các vọng niệm từ vô thi. Nhiếp cảnh về tâm, nhập vào cõi “chân như xuất triền” hưởng được sự “giải thoát ly cấu”, mãi mãi hợp vào cái bản nhiên thanh tịnh, thì không còn sanh ra nữa. Các tướng hữu vi của núi sông, đất lớn, như vàng ra khỏi quặng thì mãi mãi không bị ô nhiễm vì bụi bặm nữa. Như cây cháy thành tro thì làm sao sinh ra cành lá được nữa? Một lần được là mãi mãi được, vĩnh viễn thoát khỏi cảnh giam cầm, mãi mãi ở nơi cõi Thánh.

Nhưng đạo lớn nhất thừa tối thượng này, nếu như kẻ có căn khí bén nhạy, thì vượt thẳng vào cõi Như Lai. Còn đối với kẻ căn trí chậm lụt thì sao? Tức phải công phu đạt được từ cái học thấp lên cao, phải theo phương pháp dẫn nhập từ từ, khiến cho người ta đi được một bước, lên được một cấp thì có cái quy mô của một cấp. Đó cũng là ý nghĩa của câu “đi xa là do từ gần, lên cao là từ nơi thấp” vậy. Nếu như không biết ra tay hạ thủ công phu ngay lúc đầu thì làm sao có thể đạt đến địa vị tột cùng được? Nếu chưa hiểu hết lòng mình thì làm sao biết tính mình? Nếu chưa tỏ tâm thì làm sao thấy tính? Nên biết rằng sự hiểu rõ tâm là mái chèo Trí vượt qua biển sinh tử. Thấy tính là phương pháp tốt để trị phiền não. Sau khi thấy rõ tâm thấy tính thì lấy cảnh giới mà an tịnh tâm mình, lấy tính tiến mà củng cố tâm mình, lấy nhẫn nhục mà làm thanh thản tâm mình, lấy sự giác chiếu mà làm trong sáng tâm mình, lấy trí tuệ mà làm linh lợi tâm mình, lấy trí kiến của Phật mà làm mở bày tâm mình, lấy sự bình đẳng của Phật mà làm rộng lớn tâm mình. Nếu biết rõ tâm này thì vượt ngay được sinh tử, chứng viên mãn Đại Niết-bàn. Nếu không thấy rõ tâm này thì muôn kiếp luân hồi mà mất cái chân tính. Cho nên trước sau vẫn không ra khỏi cái tâm này. Ngoài cái tâm này thì chẳng còn có gì là huyền diệu. Tuy bảo

rằng có công phu trước sau nhưng chẳng qua cũng chính là thành tựu cái này mà thôi vậy.

Những lời nói trên đây là phương pháp tu hành, là yếu thuật thành tiên, chứng thánh, là pháp môn viên mãn để vào đạo, vào đức vậy. Xưa kia ngài A-nan⁽⁴⁰⁾ là bậc nghe nhiều, hiểu rộng, ghi nhớ tất cả kinh điển, mà bao năm vẫn không chứng được Thánh quả, cho đến khi ngưng duyên tự phản chiếu mới chứng được vô sinh. Cái tâm của phàm phu chỉ rong ruổi ngoài đường mà thôi. Phàm người học đạo chẳng sợ là không thành mà chỉ lo là không chuyên cần. Còn cứ luôn tinh tấn siêng năng thì chưa bao giờ có việc không chứng ngộ cả. Nếu như lập chí không vững, tin đạo không mạnh, sáng làm tối bỏ, ban đầu siêng năng nửa chừng lơ lửng, vui trong chốc lát mà chán nản lâu dài, thế mà muốn vào hàng cùng chư Tổ, há chẳng phải ngông cuồng lắm sao?

Về phương pháp lúc mới chân này tôi xin lược nêu vài lời để chư vị cùng chí hướng soi xét. Nếu như không rơi vào chỗ trống tuếch và không phải là tà kiến thì may cho pháp môn này lắm, tôi đây cũng được may mắn lắm lắm. Chương này đại khái như thế, người học nên nhận biết, xin chấm dứt.

LUẬN THĂNG VỀ LÚC MỚI CHẴN

Phàm bụi tình được chứa nhóm nhiều kiếp mà sinh ra biển ái nhiều đời. Tựa như rong rêu bám vào kiếm báu, giống như bùn nhơ chôn vùi ngọc quý. Không mài dũa thì không hiển lộ, phải từ bỏ cái dơ bẩn mới thành trong sáng. Muốn cho tâm được thanh tịnh chỉ có cách làm cho ô trược bị tiêu diệt. Người ngộ thường nên chiếu soi. Người mê cần gia tăng trừ bỏ. Còn cái cùm ái, gông tham thì nên suy nghĩ suốt năm suốt tháng. Đức Khổng Tử có dạy: “Gặp khốn khó mà không chịu học, đấy là sự thấp kém của hạng bình thường”. Hết thấy Thánh hiền đều xứng tâm mà làm.

Tính pháp không cùng, biển hạnh không lường. Vì thế hoặc chỉ trong một sát-na⁽⁴¹⁾ làm trọn ba tăng kỳ kiếp, hoặc trải qua hằng hà sa kiếp không thành một niệm. Đấy cũng là do kẻ hiền, người ngu. Căn cơ có kẻ nhạy bén, có người chùn lụt, nên sự giác ngộ có chậm, có nhanh, hoặc mới ngộ nhập nhưng dứt quá sớm nên trí không vào

được con đường vi diệu, khó thắng được tập khí. Một niệm không dứt đó là gốc rễ của sinh tử, bị ngọn gió nghiệp dẫn dắt, sẽ có ngày nhập vào bào thai. Tựa như Tô Đông Pha là hậu thân của Ngũ Tổ Giới, hoặc như Thanh Thảo Đường tái sinh làm Lỗ Công. Sau khi đã tạo ra cái nhân thì theo duyên mà luân chuyển. Vì thế bảo rằng đạo có tiêu mất mà không có lớn lên, nghiệp có tăng mà không có giảm. Hoặc duyên trí tuệ sâu xa thì không rơi vào ba đường khổ, nhưng việc vào thai ra tạng lại rất đau khổ vậy. Huống chi những người trong thời mạt pháp hôm nay, căn khí thấp kém, nhân vì sự khổ mà đi xuất gia, phát tâm đã không chân chính, công phu chẳng thuần thực, thoáng cảm được chút cơ phong của Phật, Tổ qua tri thức ngôn từ, tưởng lầm rằng ngộ được chỗ “bản lai thành Phật”, dừng trụ ngay đây vậy. Ý thức nghĩ chưa tới, ngôn ngữ nói không đến, tất cả đều là bất khả đắc⁽⁴²⁾. Cái bất bất khả đắc này cũng là bất khả đắc. Lấy câu lấy lời của người xưa phụ họa thì không có chỗ nào là không tương tự. Khi đã có kiến giải như thế thì họ bảo rằng: “Việc cầu tìm đã xong, ta là kẻ đạo nhân vô sự”. Biết được phiền não như huyền ảo thì họ buông thả tình cảm để rồi phóng tứ phiền não. Biết được việc tu hành vốn không thì họ nắm bừa cái ý mà phá hoại việc tu hành. Bảo rằng bố thí vốn không thì họ lại bỏ bố thí ôm lấy sự

keo kiệt. Bảo rằng nhẫn nhục vốn không, rồi họ mang lấy tình mà gác bỏ nhẫn nhục. Hoặc nói về giới thì họ bảo rằng không có giới và không có phạm, cần gì phải coi trọng việc trì giới mà xem nhẹ sự phá giới. Hoặc nói về thiền định thì họ bảo rằng thiền vốn không có định và loạn, cần gì phải bỏ cái loạn mà giữ cái định. Họ nghe theo tình, thuận theo ý, bỏ qua cái hữu mà nói cái không. Họ cứ bảo rằng thương ghét là ngọn lửa hủy diệt thanh danh và liền làm bốc cao ngọn lửa ấy. Ngọn gió sinh, lão, bệnh, tử mới thổi nhẹ, họ đã bị lay động. Họ tranh người, tranh ta, nói trái, nói phải, thậm chí còn lấy tính nóng làm khí phách, lấy ngã mạn làm tính riêng, lấy đối trá làm cơ mưu, lấy vọng ngữ làm phương tiện, lấy phóng túng làm du hý, lấy lời nói bậy làm biện giải, khen ngợi kẻ phá giới luật, không có công hạnh, lại chế điều xua đuổi bậc tu hành chân chính. Họ chỉ rõ được một phía lý giải nên sự huyền diệu cùng cực thì chẳng rõ tung tích ở đâu. Họ bỏ hết các pháp môn tu hành, cứ theo ý mà nắm lấy tâm, không theo quy củ. Miệng bảo việc niệm Phật, tụng kinh, lễ bái là sự chấp tướng của hàng tiểu thừa, cứ dạy người tu tập, riêng mình vẫn an nhiên. Hoặc suốt năm không lạy Phật, suốt năm không sám hối, suốt năm không tụng tới cuốn kinh mà lại có toàn sách của thế gian không cần thiết, ghi chép việc ngoài

đời. Người hành đạo không nên theo những thói quen ở đời, thế mà nay họ cứ theo thói ấy để xưng là bác học. Quả Phật bị hư hỏng mà không lo tu, họ cho rằng việc thiện nhỏ chẳng đáng để làm, khiến cho kẻ truyền nối đời sau chỉ ham thích sự lạnh lợi, chăm lo tìm tòi kiến giải. Mới biết một tí họ đã cho là siêu việt mà nhập thẳng vào, không còn gì phải nói nữa. Họ trở thành ngông cuồng, ngạo mạn, cống cao, phóng tử. Miệng chẳng lựa lời, thân không chọn bạn, chẳng kể các tình dục thế gian, để cho chúng tăng mãi mà không có bờ ngăn. Thế thì làm sao dùng lời nói viên hoạt để phá tan cửa nhân quả? Làm sao tự ngộ và làm cho người ngộ được? Làm sao thoát khỏi trầm luân? Nếu không bị loài ma bắt, chắc chắn cũng sẽ rơi vào ba đường khổ⁽⁴³⁾. Núi đao rừng kiếm báo ứng cho cái nhân đã gieo. Mang lông đội sừng để trả cho cái quả sẽ đến. Chớ nên bảo rằng ta là kẻ đã giác ngộ, giải thoát hoàn toàn, không còn bị nghiệp trói buộc. Phàm bảo rằng không bị nghiệp trói buộc, thì không có ý nói có nghiệp rồi thành không, mà chính là nói không có nghiệp cho nên không bị nghiệp trói buộc. Lúc sống theo cảnh bị xoay chuyển, huống chi lúc chết làm sao không theo nghiệp để thọ sanh? Vì thế một phút có tướng sân hiện trước mắt chính là hình tướng của con rắn độc dữ. Một giây mang tướng tham trước mắt tức

là loài quý đối vậy. Cái nhân vô hình trong chốc lát thực là nhỏ nhưng cái quả báo hữu hình theo sau thực là lớn. Một niệm dù rất nhỏ nhưng cũng được ruộng thức giữ lại, dù trải qua hàng vạn kiếp rồi cũng không mất đi được. Vì thế các bậc Cổ đức có dạy: “Những nhà hiền triết trước sau trí lớn tâm rộng, luôn luôn nghiên cứu lý lẽ mà không lúc nào quên. Có hạnh tiềm ẩn mà thần linh không đo được. Suốt ngày như đi vào vực sâu, như đạp lên băng mỏng. Chứng được thì tự nhiên cứu được sinh mạng của mình. Trọng chân thật mà không trọng sự hư dối, quý việc làm mà không quý sự nói suông, bước qua “hữu” mà không trú vào cái “hữu”, làm hạnh “không” mà chẳng chấp trước cái “không”, theo việc thiện nhỏ mà tích tập thành công lớn, nhờ nhân nhỏ để thành quả lớn”. Huống chi người thời này vô minh, phiền não cháy bùng không dứt, muốn lấy kiến giải tương tự⁽⁴⁴⁾ để tiêu trừ nghiệp ác, ngộ hầu ra khỏi ba đường khổ thì không thể được vậy. Những kẻ như thế không thể lấy cái ít làm đủ mà phải làm theo đúng lời Phật dạy để tu hành, thì mới khỏi bị trở thành kẻ tu thiên bằng đầu mỗi chót lưỡi.

Nếu như nương vào kiến giải tương tự mà nói cho được sướng miệng thì chẳng khác loài trùng ăn cây mà ngẫu nhiên thành vải. Như loài chim biết nói vu vơ, tuyệt chẳng có ý nghĩ gì.

Phiền não không giảm mà ngã mạn lại tăng. Đó chỉ là nắm một cách sai lầm cái tà không, chứ chẳng phải đạt một cách thiện hảo cái pháp thể. Cái dòng mạch của cửa ngộ đời này, tuy bảo rằng không dứt, nhưng kẻ học thiền ở Trung Quốc đông như lúa, như mè, tre, lau mà chứng được giác ngộ vi diệu có mấy người? Bảo rằng từ thời Đường Tống đến nay, có được vài ba cư sĩ tại gia, cứ một đường thẳng mà lưu thông pháp này. Nhưng đã là cư sĩ thì không giống với hàng Sa-môn, Thích-tử. Cần phải có giới luật để bó buộc thân, mới có thể đem thân vào trong nhà lửa,⁽⁴⁵⁾ nhúng tâm vào trong biển phiền não mà không sao. Tuy cang đáng nhiều việc, nhưng bên trong vẫn lơ mờ trước ngưỡng cửa vào Đạo. Ấy là vì đạo lực còn kém vậy. Hoặc có kẻ văn hay chữ tốt, phong lưu tuyệt vời, như các ông Hoàng Lão Trư, Bạch Lạc Thiên, Tô Tử Chiêm, đạo lực như các ông Hồ Khang Hầu, Trương Tử Thiên đều được liệt vào sách Truyền Đăng. Nhưng những vị này đều chưa được gọi là hoàn toàn vô ngại. Huống chi bọn cuồng giải thời nay, rơi vào danh, chấp vào tướng, tức là bọn phạm phu hủ lậu. Nếu như bài bác nhân quả, tức là bọn ngoại đạo chủ trương không kiến. Lại có hạng chướng ngại sâu dày, trí tuệ cạn cợt, học hành không rõ, cái tà nhập vào xương tủy, làm chôn mất chân tính của mình, hoặc vì giới pháp sơ

sài, cương thường rối loạn mà phạm vào giới cấm, hoặc vì giáo lý chưa rõ ràng, nói năng bậy bạ vô nghĩa mà rơi vào ngoại đạo, hoặc vì không giữ hạnh nguyện nên mê lầm vào đường tà, bị rớt vào cõi ma.

Than ôi! Muốn cho người ta không mê mờ thật là khó vậy. Tôi đây không phải là kẻ thông minh, nhưng quả thực thương cho họ lắm, chẳng biết làm sao hơn! Người xưa có bảo: “Dắt tay mà kéo người khác đi thì không thể được, chỉ khi nào người ta chịu đi mới được”. Tổ Quy Sơn khai mở rằng: “Cúi mong dấy lên chí quyết liệt, mở rộng ước mong thành đạt, phải nhìn vào bậc thượng trí đứng theo hạng tầm thường. Trong đời này phải cho xong dứt sự suy nghĩ, lo liệu, không thể do người khác”. Chốn phồn hoa huyền ảo nên tránh xa. Những chỗ như lầu ca, quán rượu, ân nghĩa quen thuộc, thi đàn, văn xã, đấu chương trích cú, phê bình việc xưa nay, so dài tranh ngắn, thuyết giảng thứ học thuật vô nghĩa, vô vị, các nhà lý luận kém trí tuệ khoe danh giải thích sai lầm về sự đồn ngộ trong các tông thừa, khinh thị giới luật, những chỗ như thế đều phải tránh xa. Những đám làm loạn đạo như thế cùng với loài ma có khác gì? Nếu như rời xa các chỗ ấy thì mọi đạo nghiệp đều trở nên rõ ràng. Người xưa còn bảo rằng: “Tất cả ngộ cơ, nếu không có bạn thì không phát ra được. Tất

cả ác pháp, nếu không có bạn lành thì không ngưng lại được". Như nhà Nho bảo: "Lấy văn chương mà kết bạn, lấy bằng hữu để bổ túc lòng nhân". Ví như tính của gió tuy là không, do vì thổi qua rừng chiên đàn mà gió có mùi thơm kỳ diệu, do vì thổi qua đám phân dơ mà có mùi hôi hám. Bạn bè cũng thế. Vì vậy tu hành cần có bạn, mới phân biệt rõ ràng sạch và dơ. Một là bạn bè ở chốn rừng núi an nhàn thì có thể giúp làm ngưng cái tâm nóng nảy. Hai là bạn nghiêm trì giới luật thì có thể làm phai nhạt ngũ dục⁽⁴⁶⁾. Ba là bạn có trí tuệ rộng lớn mới có thể giúp ra khỏi bến mê. Bốn là học hành uyên bác mới có thể giải quyết những điều khó khăn nghi ngại. Năm là bạn trầm tĩnh, mặc nhiên mới giúp thanh thản, tiến thủ được. Sáu là hạng khiêm tốn, nhẫn nhục thì giúp tiêu trừ ngã mạn. Bảy là hạng bạn lòng thẳng nói ngay mới có thể ức chế được các lỗi lầm. Tám là bạn dũng mãnh, tinh tiến, mới giúp thành được đạo quả. Chín là hạng xem thường của cải, thích bố thí mới giúp phá được tính keo kiệt, bõn xén. Mười là bạn nhân từ che chở cho muôn vật mới giúp đuổi trừ được sự chấp ta chấp người.

Nếu không được số bạn trong sạch như thế, thì nên ở riêng một nơi, tự phân biệt lấy đạo nghiệp. Hãy lấy tượng Phật làm thầy, lấy Kinh Luận làm bạn, còn như bọn chơi đùa kia thì nên

dứt sự liên hệ. Như vào trong vườn, tuy không có loài hoa đẹp, cũng không nên trồng cỏ thối, chẳng ích gì cho tâm thưởng thức mà làm tăng sự chán ghét. Vì thế Hoà thượng Vĩnh Minh có dạy: “Thân đang ở trong biển khổ phải nhờ vào các bậc Thiết-la-hán, chứ khi đã rời biển khổ thì phải bỏ cái bè mà lên bờ”. Nên bảo rằng như người trong lòng mang Thánh thai, thì lời nói dững mảnh khác người, không chút do dự gì cả là đấy vậy.

Như người xem qua bản luận cho rằng lời của kẻ hèn này là đúng, nên mau cải hối mà sanh sự hổ thẹn, phát đại dững mảnh mà tự mang lấy trách nhiệm của mình. Đời nay không xong thì đợi đến lúc nào? Xin nhớ rằng từ cõi phàm vào cõi Thánh chưa từng có việc không tu mà đạt được. Nếu muốn thấy rõ cái bốn phận mình và đời nay nắm được sự lý rốt ráo thì xin xem phần dưới đây, giải mười bài tụng mà rõ trước sau vậy.

QUYỂN HẠ

LUẬN GIẢI

VỀ CÁC BÀI TỤNG TRANH CHẶN TRÂU

*Tỳ-kheo Quảng Trí, hiệu Pháp Thông ở tại Kinh
đô nước Việt luận giải.*

Trước khi giải thích về các bài tụng tranh
chặn trâu, xin đưa ra phần hỏi đáp sau đây để
được sáng tỏ.

Kính nghe, đạo Tổ lúc hưng khởi, phần Bồ-
đề vi diệu đã làm mới mẻ hai cõi. Pháp ấy quả là
ngọn gió chân thật, loại sương kỳ đặc, do ngài Đạt-
ma đầu tiên truyền bá ở cõi Đông (Trung Hoa).
May được Ngài đem đạo Tổ từ phương Tây (Ấn
Độ) đến, bí mật bày ra yếu chỉ biệt truyền. Linh cơ
bỗng gõ, trở lại cái không ban đầu của “tâm vô
thánh”. Ngài bẻ cành lau mà vượt qua sông, chín
năm ngó vách, công phu cao vời. Một chiếc giày
quay về, ngàn thuở đạo mãi mãi hưng thịnh. Ân
đức thấm nhuần khắp chốn, rừng thiên nẩy nở vun

bồi. Gương tuệ treo cao, đất học càng phát huy rực rỡ. Cho nên đạo Tổ tùy nghi, cứ theo đời mà rót cuộc vẫn tịch lặng, chưa từng xả bỏ lòng từ, cho đến nay có ai dám chối cãi điều ấy? Chánh pháp nhân tạng⁽⁴⁷⁾ chính do Phật, Tổ truyền lại, rõ ràng cửa cam lồ lớn lao thực là nơi người học hướng đến. Mở rộng tu hành quán xét, những ai bỏ phạm vào Thánh điều lặng lẽ chẳng để dấu vết. Cái yếu chỉ của đức Phật chúng ta xưa nay, vốn thông suốt trời đất, khó nghĩ khó dò, công phu của tự tính là chung và thủy tự toàn. Chỉ vì tâm cấu uế chưa dứt, nếu dứt được, tức Bồ-đề. Khi ấy tâm sạch, dơ đều sáng, xưa nay là Phật vậy.

Phật, Tổ tùy nghi mà bày ra các giáo pháp. Kẻ tu trước hay sau, ai ai cũng được các Ngài ban bố. Đó là việc theo tính, tu thân, để đạt đạo trong đời này. Vui theo tự nhiên mà biết rõ cái mệnh, thì đạt được cảnh thiên thoát ngoài sự vật. Khóa vàng bỗng mở, chẳng kể mình hay người được giải thoát. Mối nghi đã phá xong thì có gì để so đo! Nên bảo rằng: "Tuy nguồn không hai ngã, nhưng phương tiện có nhiều đường".

Loại tranh này là tranh "chỉ thẳng", vốn dùng cho hạng sơ cơ đến hạng trung bình. Riêng hạng có trí tuệ nhạy bén thuộc căn khí đại thừa thì ở đây không bàn đến.

Luận rằng:

Trong kinh có dạy: “Chỉ vì gió cảnh thổi động khiến cho sóng lớn nổi lên”.

Sóng với nước tuy khác nhau nhưng tính của chúng chỉ một. Tuy nhiên nước hay chở thuyền, sóng làm lật thuyền. Vì thế các tranh này gọi thức thứ sáu là người chẵn và năm thức kia là con trâu.

Hỏi: Người chẵn là thế nào?

Đáp: Như người học có thể chuyển biến để quan sát kỳ diệu. Thấy sắc không lắm sắc; nghe tiếng không chấp tiếng; thơm, thối không nệ; ngọt, đắng một vị; thô, tế đồng thể. Cứ thế mà thành trí tự nhiên, đó chính là cái thức thứ sáu tức là người chẵn vậy.

Hỏi: Vì sao gọi năm thức kia là trâu?

Đáp: Năm thức này, mỗi cái đều có phần việc riêng. Mỗi cái đều dựa theo cái thể của nó. Chỉ do vì căn⁽⁴⁸⁾ trong, trần⁽⁴⁸⁾ ngoài, hợp nhau mà thành. Tội và nghiệp do đó mà sinh ra. Như người học chuyển thức thành trí để hoàn thành công phu tu tập. Do vậy gọi năm thức là trâu.

Hỏi: Do ý nghĩa nào mà trên tranh lại vẽ thêm tranh?

Đáp: Dụng⁽⁴⁹⁾ từ thể⁽⁴⁹⁾ mà khởi sinh. Có thể rồi thì dụng mới thể hiện. Cổ đức dạy: “Tâm vốn

không, cảnh vốn lặng”. Theo cái lý của thể thì sai khác, thể mà không sai biệt. Một, hai không ngăn ngại thì mới vào cửa “bất nhị”⁽⁵⁰⁾. Thể, dụng không trái nhau thì mới vào cảnh chân như⁽⁵¹⁾. Nên bức tranh ở trên là thể, bức ở dưới là dụng vậy.

Hỏi: Mạ (lúa non) tốt là gì?

Đáp: Năm thứ dục trong cõi trần gọi là mạ tốt.

Hỏi: Dây thường là gì?

Đáp: Kiên trì giới luật gọi là dây thường.

Hỏi: Cây roi là gì?

Đáp: Ý chí cứng rắn là cây roi.

Hỏi: Vì sao con trâu lúc đầu thì đen?

Đáp: Do vì lâu ngày đắm say ở cõi đời, bị ô nhiễm năm thứ dục mà thành đen.

Hỏi: Vì sao về sau con trâu lại trắng?

Đáp: Đây là màu sắc chân thật của con trâu thuở ban sơ trời đất.

Hỏi: Vì sao trước hết là quên trâu?

Đáp: Đây là do năm căn trở về với bản nguyên, nên trâu được quên trước.

Hỏi: Vì sao không thấy cả người lẫn trâu?

Đáp: Đó là cái tình Thánh, phàm đã dứt. Năm uẩn đều mất, về sau trí bát-nhã⁽⁵²⁾ đầy đủ.

Tâm và cảnh đều mất, nên bảo rằng người và trâu đều không thấy.

Hỏi: Tướng viên mãn xuất hiện là thế nào?

Đáp: Đó là trở lại cái mặt mũi xưa nay⁽⁵³⁾ của ta vậy.

Khi bàn về lúc chưa chán thì có hai ý: chung và riêng. Hết thấy sang và hèn gọi là chung. Tại gia và xuất gia gọi là riêng.



1. Nhà nông đi chơi uống rượu

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ NHẤT

CHÚA CHĂN
(Vị Mục)

Phiên âm:

Sanh nanh đầu giác tứ bào hao,
Bôn tẩu khô sơn lộ chuyển giao.
Nhất phiến hắc vân hoành cốc khẩu,
Thùy tri bộ bộ phạm giai miêu.

Dịch:

*Đầu sừng dữ tợn rống hung hăng,
Vượt suối xuyên ngàn mải chuyển giao.
Một đám mây đen hoành cửa động,
Lúa non giẫm nát biết cùng chăng?*

Giải:

Hung dữ thô bạo, ngu xuẩn mà cứ khoe khoang đùa lộng. Chạy theo cảnh trần mà chẳng

chịu quay đầu lại. Vô minh bao che cái tâm, gây diên đảo chướng ngại nặng nề. Khởi một chút động niệm của tâm thì liền sai với “cửa pháp”.

Luận:

Tất cả bọn ngu ngoan hung dữ, tính tình giống với loài vượn, loài ngựa, không theo pháp luật. Trên không sợ lẽ trời, dưới không tin có địa ngục. Khi tối tâm không sợ quỷ thần, lúc sáng sửa không kiêng phép nước, chỉ dựa vào sức mạnh mà hà hiếp người yếu. Cho nên nói một đời nanh sừng mà còn khoe khoang dũng mãnh. Do cái hung bạo ngu si ấy nên bảo rằng gẫm thét chẳng kiêng ai. Kết bè đảng để làm việc ác, lập nhóm kết đoàn chạy theo cảnh trần, nghiệp thức mang mang, đấy là chạy rong khắp khe núi, đường này qua đường khác. Chỉ vì vô minh che mất ruộng tâm, nên gọi là có đám mây đen che ngang miệng hang; do tham khởi sân, do sân khởi si, tạo nên các thứ tội lỗi mà không nghĩ rằng như thế là làm tổn hại kẻ khác. Nên bảo rằng: “Chẳng biết tới ai”, chỉ say đắm theo năm thứ dục, tức từng bước xâm phạm vào chỗ mạ tốt.

Những lời giải thích trên đây là nói đến sự việc thế gian dính mắc vào cái nghiệp đen tối rồi tạo thành các thứ oan khiên sâu nặng. Người xuất gia không phải như thế, nên Hàn Sơn⁽⁵⁴⁾ có bài thơ:

*“Bạc trí tâm nhay bén,
Nghe qua hiểu lẽ huyền.
Bạc trung tâm trong sạch,
Suy nghĩ thật cần thiết,
Hạng thấp hèn ngu mê,
Bao bọc quá dày chắc,
Đợi đến máu đầy đầu,
Mới biết tự phá bỏ.
Mở mắt nhìn giặc cướp,
Giết người buổi chợ đông.
Xác chết bỏ như bụi,
Lúc đó biết kêu ai.
Nam nhi kẻ trượng phu,
Một đao phân hai đoạn.
Mặt người lòng cầm thú,
Tạo tác biết bao giờ!”*

Đây là lời của bậc thánh từ xưa, người có trí phải nên ghi nhớ.

Lời giải riêng:

*Mất giới luật thì tình kia thô tháo.
Đuổi theo lợi danh thì khó tịnh một đời.*

Vô minh che lấp làm mờ đi chơn tâm.

Hễ khởi tâm động niệm liền sai với phép tắc.

Luận rằng:

Dù cho tuổi cao mà không có giới đức, trống rỗng mà lòng cao ngạo, không chịu gần gũi bạn tốt, chỉ biết kiêu căng, cứ ở riêng một nơi, cứ ý mình mà lãng nhục người khác, thế nên bảo rằng sinh ra có đầu sừng hung dữ. Lại hay rộng miệng la lối mà không suy nghĩ, nên gọi là hống hách chẳng sợ ai, để rồi theo duyên bám cảnh, đạo học thô sơ, không thể quay về phản tỉnh, nên gọi là chạy rong khắp khe núi, qua đường này đường nọ. Chẳng có tuệ quán, chẳng biết hổ thẹn, cứ chủ trương sai lầm về thị phi nên gọi là có mây đen giăng qua miệng hang. Không biết suy nghĩ, bên trong không giữ được niệm, miệng nói lời không đúng, không theo kinh luật, đối với người nào cũng vậy, việc gì cũng thế, nên bảo rằng chẳng cần biết đến ai. Nếu cứ như thế thì chẳng có ích gì cho tâm đạo mà còn làm thương tổn đến đức thực của mình. Không tiến bộ về Đạo và trang nghiêm bản thân, chỉ lo cho đầy đủ ăn, mặc, ngủ, nên gọi là bước bước xâm phạm vào đám mạt tốt.



1b. Tăng sĩ, người đời tụ tập lãng xãng
bàn chuyện lung tung vô ích



2. Mới dất

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ HAI

MỐI DẮT
(Sơ Điều)

Phiên âm:

Ngã hữu mang thẳng mạch tị xuyên,
Nhất hồi bốn cạnh thống gia tiên,
Tùng lai liệt tánh nan điều chế,
Do đắc sơn đồng tận lực khiên.

Dịch:

*Ta có dây thừng xoắn mũi trâu,
Mỗi lần nó chạy, đánh roi đau.
Xưa nay tánh xấu khôn điều chế,
Nên kẻ chăn kia phải dãi dẫu.*

Giải:

Giữ thân hành động theo pháp luật thì không
bị sai suyền bao giờ.

Buông lung lười biếng tình cảm phát sinh thường xuyên đau khổ.

Kẻ sơ cơ sức yếu rất khó câu thúc được sự tán loạn, hôn trầm.

Phát tâm lập chí thì phải ra công khổ nhọc.

Luận:

Ví như viên ngọc ma-ni to lớn, thể tính sáng sủa, sạch trong mà bị các chất dơ bẩn bám vào, nếu người biết vật quý mà không dùng phương tiện mài giũa gạn lọc thì rốt rồi không được thanh tịnh. Cũng vậy, với pháp chân như, nếu không dùng phương tiện xông ướp thì cũng không được thanh tịnh. Há chẳng thấy mười lực⁽⁵⁵⁾ của Phật, có hai lực⁽⁵⁶⁾ quan trọng nhất: do nghiệp lực mà vào con đường sinh tử rồi do định lực mà ra khỏi sinh tử đó sao? Bài tụng bốn câu về “Mới đất” này đại ý như thế.



3. Chiu phép

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ BA

CHỊU PHÉP
(Thọ chế)

Phiên âm:

Tiệm điều tiệm phục tức bồn trì,
Bộ thủy xuyên vân bộ bộ tùy.
Thủ bả mang thăng vô thiếu hoãn,
Mục đồng chung nhật tự vong bì.

Dịch:

*Trâu dân chịu phép thôi lung chạy,
Vượt nước qua mây bén gót người.
Trẻ nắm dây thường quên nhọc mệt,
Trọn ngày chăm chỉ chẳng hề lui.*

Giải:

Như ngu tự ngộ, động và tịnh, thể vẫn an nhiên. Thăng thốt không rời, luyện tập lâu ngày thành tánh.

Cứ quyết chí mà gia tăng sự tinh tiến thêm một bước. Đây là kẻ phấn đấu không nghĩ đến thân, cứ chuyên tinh cho đến đạo.

Luận:

Như Hòa thượng Dũng Tuyên dạy: “Ta ở đây đã bốn mươi năm thế mà vẫn có lúc vẫn còn tẩu tác”. Hòa thượng Đàm Hối bảo: “Việc này thực hết sức khó, phải có tâm quý mới được. Nói tâm quý tức: thẹn với bạn bè gọi là tâm, thẹn với đạo hữu gọi là quý. Người ấy là ai, ta đây là ai, há ta chẳng có đủ các thứ chẳng?”

Đại phạm người hành đạo nên nâng cao ý mình, quyết liệt tâm mình, lấy việc xuất thế làm hoài bão, lấy việc sáng tâm làm cứu cánh của mình. Sáng lo nghiền ngẫm, tối lo suy tư, không lúc nào ngừng nghỉ. Sau đó chẳng biết chẳng hay, lướt mắt ngộ nhập”.

Nên bảo, có chuyện trời sinh đức Di-lặc, đất nảy đức Thích-ca chẳng? Không cầu mà tự đến, không làm mà tự nên. Bài tụng này ý đại khái như thế.



4. Quay đầu

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ TƯ

QUAY ĐẦU
(Hồi thủ)

Phiên âm:

Nhật cửu công thâm thủy chuyển đầu,
Điên cuồng tâm lực tiệm điều nhu.
Sơn đồng vị khảng toàn tương hứa,
Do bả mang thăng thả hệ lưu.

Dịch:

*Lâu ngày chịu phép mới quay đầu,
Tâm lực điên cuồng chuyển, chuyển nhu.
Người đất vẫn còn chưa chịu thả,
Giấy thùng giữ chặt, dăm lời đầu.*

Giải:

Lâu ngày dùng công phu làm cho thuần
thục dần,

Hai ma hôn trăm, tán loạn dần dần được
hàng phục.

Công phu đến đây rồi phải gia tăng tinh tiến,

Ngắm cảm roi, mật luyện tập không thể
buông lơi.

Luận:

Như kinh có dạy: “Lý nên ngộ liền, nhưn ngộ
xong nên bỏ hết. Sự không thể trừ ngay được, cần
phải đoạn dứt dần cho đến hết”. Nền ngài Quy
Sơn dạy: “Tuy được một niệm đốn ngộ tự tâm, vẫn
còn có tập khí từ vô thủy, chưa thể dứt ngay được,
nên cần phải tinh cần thì mới trừ xong. Hãy cứ tu
như thế thì mới trừ sạch được hiện nghiệp, lưu
thức. Cứ sạch tâm tư, bỏ lo lắng, xả cái cũ, thu cái
mới. Mặc áo vi diệu của thượng hạnh,⁽⁵⁷⁾ uống vị
huyền linh của đề-hồ.⁽⁵⁸⁾ Cứ như thế thì đạo lớn
mới được tu, được chứng. Duyên trần cảnh cứ mỗi
ngày mỗi tiêu”.

Nên ông Lý Văn Hòa có bài tụng rằng:

Học đạo tu thì thiết hán,

Thủ bả tâm đầu tiện phán.

Trực siêu vô thượng Bồ-đề,

Nhất thiết thị phi mạc quản.

Dịch:

Học đạo nên là kẻ vãng vãng,
Đầu tâm chop được, chẻ phanh ngang.
Nhảy lên thẳng tới Bồ-đề quả,
Hết thấy thị phi thật chẳng màng.
Hòa thượng Long Nha Tài có dạy:

Học đạo như toàn hỏa,
Phùng yên vị khả hưu.

Dịch:

Học đạo như dùi cây kiếm lửa,
Chưa ngừng khi gặp khói bay lên.
(Bài tụng Quay đầu này đại khái ý nghĩa
như thế).



5. Ngoan ngoãn

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ NĂM

NGOAN NGOÃN
(Tuần phục)

Phiên âm:

Lục dương âm hạ cổ khô biên,
Phóng khứ thâu lai đắc tự nhiên.
Nhật mộ bích vân phương thảo địa,
Mục đồng quy khứ bất tu khiên.

Dịch:

*Dưới bóng dương xanh khe nước xưa,
Buông buông, nắm nắm, mặc tình ta.
Cỏ thơm, chiều xuống vùng mây biếc,
Trẻ khỏi cần chăn, vẫn tới nhà.*

Giải:

Chốn phồn hoa huyền ảo, hoặc chỗ cảnh sắc thanh u, đều không bị ràng buộc vì cảnh, đến

đầu cũng thông dong tự tại. Trước mắt tuy có ngàn việc sai khác, nhưng trong lòng chỉ có một cảnh mà thôi. Sự tán loạn tâm đã dứt, cứ thuận hợp với cửa định.

Luận:

Hòa thượng Cao Phong dạy: “Cái pháp môn thuần phục này cũng như người bắn giỏi vậy. Đưa cung bắn một mũi tên vào không trung, rồi lấy mũi tên khác bắn vào đuôi mũi tên trước, các đuôi tên đều khít vào nhau. Các mũi tên sau đều bắn đúng vào đuôi mũi tên trước, đầu đuôi vừa khớp trên dưới một mối, vẫn ở trên không rất lâu mà không rơi xuống. Cho nên cái công phu tinh tiến thuần thực quyết chẳng do thần lực mà đến được”. Phàm việc dụng công tu học cũng phải được như thế. Nên biết người có công phu thuần thực thì đi xa ngàn dặm cũng chẳng kinh sợ, có vạn loài ma quỷ quấy nhiễu mà chẳng quay đầu là vì sao? Đó chính là vì có lòng thâm thiết vậy. Hòa thượng Kiêm Nam dạy: “Từ khi biết được viên ngọc sáng này thì Đế Thích, Phạm Thiên, Chuyển Luân Vương cũng đều chẳng cần”.

(Bài tụng *Ngoan ngoãn* này đại khái như thế).



6. Không ngại

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIÊN SƯ
VỀ TRANH THỨ SÁU

KHÔNG NGẠI

(Vô ngại)

Phiên âm:

Lộ địa an miên ý tự như,
Bất lao tiên sách vĩnh vô câu.
Sơn đồng ổn tọa thanh tùng hạ,
Nhất khúc thẳng bình lạc hữu dư.

Dịch:

*Thích ý nằm yên giữa đất bằng,
Cần chi roi đánh với giây ràng.
Cội tùng mục tử ngồi êm ả,
Tiếng sáo thanh bình vui thổi vang.*

Giải:

Mặc ý nổi chìm theo duyên phóng khoáng,

Không buông lung xa xỉ, mà chẳng câu thúc tiểu tiết.

Tắm lòng thanh thần đi vào núi rừng hoặc thành thị,

Chẳng có ai là tri âm, chỉ nhàn nhả tự biết mình.

Luận:

Đức Tam Tổ dạy:

Chớ theo duyên thấy có,

Chẳng dùng chỗ tưởng không.

Một tâm này chẳng hở,

Tự nhiên lòng trắng trong.

Nền ngài Triệu Luận có bảo: ‘Bậc thánh để tâm vào cái hữu mà không hữu, ở chỗ vô mà không vô. Nên hòa quang đồng trần⁽⁵⁹⁾ quanh quất trong năm đường, đi vẫn an nhiên, đến vẫn tự tại. Dừng đứng chẳng làm gì nhưng không có gì là không làm⁽⁶⁰⁾. Bậc thánh nhân ấy rũ tay mà dạy người, đi về trong năm loài mà tiếp hóa chúng sanh. Tuy có đến nhưng không hề có tướng đến đi. Như ngài Phật Quả thì: Chất phác, ngay thẳng. Ngài Diệu Hỷ thì: Rành mạch, linh động. Ngài Cao Phong thì: Đơn giản, tinh nghiêm. Ngài Huyền Trụ thì: Sáng tỏ, rục rờ. Nên bảo rằng cửa u huyền tuy mở ra đấy, nhưng sự ứng giải của các vị Thánh

không giống nhau. Nếu không có gốc thì không để lại dấu tích, không có dấu tích thì không bày tỏ được cái gốc. Gốc và tích tuy khác nhau nhưng cũng chính là cái một không nghĩ bàn được.

(Bài tụng *Không ngại* này đại khái như thế.)



7. Theo cuộc

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ BẢY

THEO CUỘC
(Nhậm vận)

Phiên âm:

Liễu ngạn xuân ba tịch chiếu trung,
Đạm yên phương thảo lục nhung nhung.
Cơ xan khát ẩm tùy thời quá,
Thạch thượng sơn đồng thụ chính nồng.

Dịch:

*Sóng xuân lặng chiếu liễu bên bờ,
Khói nhạt cỏ thơm xanh mơn mơi.
Ngày tháng, đói ăn cùng khát uống,
Mục đồng trên đá ngủ say sưa.*

Giải:

Việc ăn uống hàng ngày không bị say đắm
vào chỗ phồn hoa huyền ảo,

Nơi cảnh sắc thanh u, theo dòng mà nhận ra được tính.

Theo duyên mà tiêu trừ nghiệp cũ, không tạo ra oan khiên nữa,

Theo thời mà mặc áo là thuận với lẽ thiên chơn vậy.

Luận:

Hòa thượng Vô Nghiệp dạy: “Người xưa sau khi đắc ý thì ở chốn nhà cỏ, hang đá, nấu cơm trong chỗ gầy chân, trải qua hai ba chục năm, chẳng để ý đến danh lợi, chẳng nghĩ đến tài sản quý báu, quên phúc người đời, ở ẩn trong chốn rừng núi cao sâu. Vua đòi cũng không đến, chư hầu mời cũng không dự. Bên trong ngưng ý, bên ngoài quên duyên, chuyên tinh mà đến đạo”. Như ngài Vĩnh Gia dạy: “Thân nghèo, đạo chẳng nghèo. Nghèo là thân mang áo rách, đạo tâm thì vô giá trân châu”. Đây là cùng với đức Thích-ca, Di-lặc, Tịnh-danh⁽⁶¹⁾, Bàng Lão⁽⁶²⁾ chẳng hơn chẳng kém, chẳng hai chẳng khác. Thấy cùng một mắt mà thấy, một tai mà nghe, một thứ thọ dụng, một thứ biến hiện, thiên đường địa ngục, tùy ý tiêu dao, hang cộp cung ma, dọc ngang không ngại. Bay bổng tha hồ, tha hồ bay bổng.

Người xưa có bài tuyệt cú:

Vũ nội vi nhân khách,
Nhân trung tác dã tăng.
Nhậm tùng tha tiểu ngã,
Nhậm vận tự đằng đằng.

Dịch:

*Giữa đời làm nhân khách,
Cõi người, kẻ tăng quê.
Cười ta dù ai đó,
Mặc kệ cứ riêng bề.*

(Đây là ý đại khái của bài tụng *Theo cuộc*).



8. Quên nhau

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ TÁM

QUÊN NHAU
(Tương vong)

Phiên âm:

Bạch ngư thường tại bạch vân trung,
Nhân tự vô tâm ngư diệc đồng.
Nguyệt thấu bạch vân, vân ảnh bạch,
Bạch vân minh nguyệt nhậm tây đông.

Dịch:

*Trâu trắng thường trong mây trắng bay,
Vô tâm, người ấy lẫn trâu này.
Trăng xuyên mây trắng, hình mây trắng,
Mây trắng, trăng trong, đông lại tây.*

Giải:

Cảnh trí vốn ngấm chứa vị rỗng lặng,

Cảnh trí đều tịch lặng thì tâm và lý được an nhiên.

Trong chỗ rỗng lặng ngấm ẩn cái sáng suốt kỳ diệu,

Trong sáng suốt kỳ diệu ngấm ẩn cái rỗng lặng,
Sắc và không, tự bản thể vốn là một.

Luận:

Người xưa có bảo:

“Trúc biết, hoa vàng đâu phải cảnh.

Trắng trong, mây trắng hiện toàn thân”.

Đây chính là con đường chính yếu để quay về nguồn cội, khi công phu đạt đến chỗ này cần phải gia tăng tinh tiến. Nói rõ là đi mà không biết đi, ngồi không biết ngồi, không phân biệt Đông, Tây chẳng chia cách Nam, Bắc. Không còn thấy một pháp nào để gán tính vào đó. Quả thực giống như cái chùy sắt không có lỗ. Cái nghi và cái bị nghi, tâm bên trong và cảnh ở ngoài cùng quên mà cùng chiếu. Không không cũng là không. Đến được chỗ này thì cái nhấc chân lên, cái đặt chân xuống, coi chừng chớ làm lật biển lớn, đá đổ núi Tu-di. Co, duỗi, cúi, ngưỡng đều luôn để ý tới. Chọc mù mắt Tổ Đạt-ma, đập vỡ mũi Phật Thích-ca, những cử động và hành vi ấy đều không ra khỏi rừng Bồ-đề, ở mãi trong biển Hoa Tạng. Sáng

ngồi mà không hạt bụi nào không soi rọi. Ngày ngày như mặt trời di chuyển rực rỡ. Cần chi phải nhọc sức dùng biện tài vi diệu để tuyên dương, cần chi phải mượn thần thông mà hiển thị. Nếu đi, đứng, ngồi, nằm đều được coi như thế, thì thấy gì cũng là cơ duyên. Tuy ứng dụng có ngàn sai muôn khác, nhưng vẫn là cái tự tính của chân như, tuyệt nhiên bất động. Xưa có bài kệ:

Chỉ thử kiến văn phi kiến văn,
Vô dư thanh sắc khả trình quân.
Cá trung nhược liễu toàn vô sự,
Thế dụng hà phòng phân bất phân.

Dịch:

*Chỉ thấy nghe này chẳng thấy nghe,
Đâu thừa hình, tiếng để trình anh.
Trong đây nếu hiểu toàn vô sự,
Thế, dụng ngại gì phân, chẳng phân.*

Ngài Ngũ Tổ dạy:

Nhất Phật, nhị Phật, thiên vạn Phật,
Tổng thị tự kỷ vô biệt vật.
Tích nhiên thâm chủng thiện căn lai,
Kim nhật y nhiên đắc cự lực.

Dịch:

*Một Phật, hai Phật, ngàn vạn Phật,
Đều là Ta đấy chẳng gì khác.
Vốn mình trông lấy gốc lành kia,
Lực lớn đến nay ắt phải đạt.*

Hà Trạch thiền sư dạy:

*Bản lai diện mục thị chân như,
Xá lợi quang trung nhận đắc cừ.
Vạn kiếp mê đầu kim thử ngộ,
Phương tri tự tính tức Văn-thù.*

Dịch:

*Xưa nay mặt mũi chính chân như,
Trong ánh ngọc kia nhận được cừ.
Vạn kiếp mê lầm nay được ngộ,
Mới hay tự tính tức Văn-thù.*

Trên đây là ý đại khái của bài tụng “Quên nhau”.



9. Độc chiếu

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ CHÍN

RIÊNG CHIẾU
(Độc chiếu)

Phiên âm:

Ngưu nhi vô xứ, mục đồng nhân,
Nhất phiến cô vân bích chương gian.
Phách thủ cao ca minh nguyệt hạ,
Quy lai do hữu nhất trùng quan.

Dịch:

*Trâu kia đã vắng, mục đồng nhân,
Một đám mây đơn chốn núi xanh.
Trăng sáng, vỗ tay cao tiếng hát,
Quay về còn có một trùng quan.*

Giải:

Bỏ cái chấp vào kẻ khác, chứng được trí hiểu
“các pháp đều không” thì các nghi ngờ vi tế bật,
nhưng cái tình diệu vẫn chưa tròn đầy!

Thế mới biết quả thực đường về quê nhà vẫn còn ở nơi bờ sinh tử.

Cần phải biết rằng rốt ráo vượt khỏi sống chết ở bên kia núi xanh.

Luận:

Đó chính là cái “tâm không” riêng chiếu, không trở ngại với đạo. Cũng như người giả, ngựa gỗ, tình và thức đều không có. Như thế mới có thể rũ tay vào chỗ quán chợ, đổi thân thành loài khác. Nên biết rằng niềm vui này không phải là quên niệm, chú vào tình thức, mà đó chính là niềm vui “chân tịnh vô vi”.

Đấy cũng như cái vui của ông Nhan Hồi⁽⁶³⁾ trong đạo Khổng, ở nơi ngõ hẹp quê mùa, như cái vui của ông Tăng Sâm múa ở đài Vũ Vu mà về. Đấy là niềm vui “chân không vô sinh”.

Người xưa bảo: “Dù trai dù gái đều tu được cả; kẻ trí người ngu đều có phần”. Hễ cứ quay về tự phản tỉnh thì mới biết rằng bản thể vốn không. Nên bảo rằng: Ngọc sáng làm sạch bụi, đài linh bỗng nhiên sáng rực tựa gương. Tròng con mắt đã hết nhậm, thì mắt không còn hoa đốm.

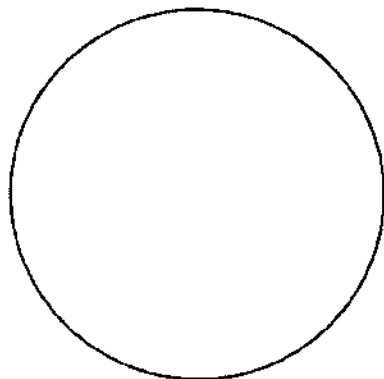
(Đó là ý đại khái về bốn câu tụng *Riêng chiếu*).

10. Cả hai đều vắng mặt

Khó gọi tên, khó miêu tả
Cả hai đều vắng mặt



Chỗ
thân
chưa
sinh
một
vòng
sáng



Mặt
thật
xưa
nay
trả
lại
ta

Bài tụng trong kinh Phật:

“Chư Phật tựa tấm gương tròn lớn,

Thân ta giống với ngọc ma-ni.

Pháp thân chư Phật nhập vào thể của ta,

Thân ta thường nhập vào thân chư Phật”.

BÀI TỤNG CỦA PHỔ MINH THIỀN SƯ
VỀ TRANH THỨ MƯỜI

CẢ HAI ĐỀU VẮNG BẮT
(Song mẩn)

Phiên âm:

Nhân ngư bất kiến yếu vô tung,
Minh nguyệt quang hàm vạn tượng không.
Nhược vấn kỳ trung đoan đích ý,
Dã hoa phương thảo tự tùng tùng.

Dịch:

*Chẳng thấy người, trâu; dấu mịt mù,
Ánh trăng trong suốt, thấy đều không.
Muốn tìm ý chính bên trong ấy,
Cỏ dại hoa thơm vẫn biếc nồng.*

Giải:

Tâm, pháp, cả hai đều quên hết,
Linh minh dứt sự đối đãi. Bản thể sáng sủa
không có chỗ y cứ.

Cái ý rõ rệt, chủ yếu này cùng với đạo là một thì mới biết được.

Chúng nhập vào cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Giải riêng: Dứt sạch năm ấm⁽⁶⁴⁾ và ba độc⁽⁶⁵⁾ nên bảo rằng: “Người và trâu không thấy, mật mờ chẳng còn dấu vết. Người và trâu đều không thấy chính là lúc trắng sáng. Nên bảo: Ánh trắng sáng bao trùm vạn tượng không. Trong cái tịch diệt này, không thể dùng ngôn ngữ mà giảng biện, cần phải tự mình chứng lấy thì mới được, không thể dùng cái tình thức mà đo lường. Đó là “cái ý rõ rệt chủ yếu trong ấy”. người xưa có dạy: “Mây tan, nước chảy đi lặng lẽ trời đất đều không”. Lại bảo: “Hoa đồng, cỏ nội tự xanh tốt”.

Luận:

Đó chính là cảnh giới viên giác ngậm chứa một vị không tịch của bản thể chân thực. Cái ý nghĩa này, cho dù có ngàn vị Thánh xuất hiện, có đủ biện tài vô ngại cũng không thể bàn cho rốt ráo được. Phóng ra một đường đạo mà hướng vào cửa “kiến hóa”⁽⁶⁶⁾, tạm dựa vào ngôn ngữ mà miễn cưỡng nói ra, đó chính là cảnh giới của hai vị Bồ-tát Văn Thù và Phổ Hiền. Tất cả chúng sinh tuy ở trong cảnh giới đó mà không tự biết, hàng tiểu thừa thì không thể đến đó được. Cái cảnh giới này

chẳng Thánh chẳng phàm, quả là khó thấy. Chỉ ngay trước mắt núi cao, biển rộng, cây bách ngấn, cây tùng dài, hoa đại, cỏ thơm, liễu lục, đào hồng, oanh ngâm, nhạn hót...Cứ thế mà suy thì sum la vạn tượng, chạm mắt gặp duyên. Núi sông nhà cửa đều đồng một thể, tuyệt chẳng phải là gì khác. Như Hòa thượng Khuê Phong dạy: “Tình túy diệu vời, linh minh sáng sủa, không đến, không đi, ngẫm thông tam tế (ba thời). Không trong, không ngoài, suốt khắp mười phương, không diệt không sinh, há bốn núi⁽⁶⁷⁾ có thể hại được chẳng?” Bỏ tính, bỏ tướng thì há năm sắc⁽⁶⁸⁾ có thể làm mù mờ được chẳng? Cho nên thể tính này là Phật tính mà tất cả chúng sanh vốn có, cũng chính là nguồn gốc phát sinh của cả thế giới vậy. Nên công phu của người học mà đạt tới địa vị tột đỉnh này, thì một lần được là được mãi mãi, một khi chứng là chứng mãi mãi. Nên bảo rằng “tâm không được đậu”, thấy rõ được mặt mũi của mình trước khi cha mẹ sinh ra. Đến được đất đại lạc này, làm được cái điều vô vi, vô sự, chính là vị đạo nhân chân thực, siêu việt. Nên bảo rằng sự việc một đời tham học đã xong rồi vậy.

(Đây chính là ý đại khái của bài tụng *Cả hai đều vắng bật*, kẻ đi sau nên biết).

TỔNG LUẬN VỀ TƯỚNG VIÊN GIÁC TỊCH QUANG VÀ THỂ CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU

Phàm đối với các vị mà một lần nhảy là nhập thẳng vào thì không cần nhọc công dùng roi vẩy gọi mà con trâu trắng cũng tự nhiên hiển hiện, không cần theo thứ tự mà trong nháy mắt “năng” và “sở” đều tiêu. Thế thì các hình vẽ trở thành đồ bỏ đi, các bài tụng cũng thành lời nói thừa, hướng chỉ là các lời trực luận, trực thuyết của sách này. Nếu bảo các vị ấy xem sách này thì họ phải phì cười mà thôi. Cứ thực mà luận thì nói cũng không được, im lặng cũng chẳng được. Dù cho cả nói lẫn yên lặng đều mất hết thì cũng chẳng ăn nhập gì. Thế thì sao việc hành hóa của chư Cổ Phật và phong thái của chư Tiên đức đều mỗi mỗi từ cái vô dục, vô y mà phát hiện ra? Hoặc đưa ra núi cao tiêu bảng rồi không thể vịn được, hoặc hài hòa dung hợp mà rồi cũng chẳng thấy gì. Rốt lại,

không thể an định vào chốn nào, không biết nên nắm vào đâu nào. Không thị mà cũng không phải không thị, không phi mà cũng không phải không phi. Được mà cũng không có cái gì được, mất mà cũng chẳng có cái gì mất. Chưa từng cách biệt một mảy may, chưa từng xê dịch một tơ tóc. Sáng sửa đường xưa, không thuộc huyền vi. Đưa thẳng ra ngay, chớp mắt qua mắt. Ở nơi không chính há rơi vào đường tà, không đi đường lớn há rơi vào đường nhỏ? Mắt, đầu không gặp, chạm mắt không xứng. Một niệm quán khắp khuếch nhiên không tịch. Cái tông yếu này ngàn thánh chẳng truyền, chỉ ngay đây mà biết. Tại đây siêu việt. Nên biết rằng: Pháp thân thì không có tướng, không thể dùng âm thanh mà cầu. Diệu đạo thì không có lời, không thể nhờ văn tự mà hiểu. Dù cho vượt Phật, vượt Tổ, cũng rơi vào tầng bậc. Dù cho nói diệu bàn huyền, rốt lại cũng chỉ dính đầu môi chót lưỡi. Cái tướng viên mãn này chính là diệu đạo nhất thừa tối thượng mà bậc trí tuệ có thể thực hiện. Công đức đầy đủ hưng thịnh vượt thẳng viên đốn, ánh sáng thanh tịnh chiếu khắp, cùng Phật không khác. Tự tính thanh tịnh tức là đức Phật Vô Cấu. Tự tính như như tức là đức Phật Tự Tại. Tự tính bất muội chính là đức Phật Quang Minh. Tự tính kiên cố tức là đức Phật Bất Hoại. Tất cả pháp thân của chư Phật đều không thể nói hết được, cũng chỉ

một chân tính mà thôi. Tính chính là tâm, tâm chính là Phật. Như Phật mới thành với Phật đã thành cũng không có hai thể. Chư Phật như là tượng Phật đúc bằng vàng đã thành. Chúng sinh như quặng vàng chưa thành tượng vậy. Đã thành và chưa thành đều chỉ là phân biệt trước sau, chứ cái thể vàng vốn luôn luôn không khác biệt. Vì thế kinh Viên Giác dạy: “Đã thành vàng rồi thì không thể trở lại thành quặng được. Trải qua vô tận thời gian, tánh vàng vẫn không hư hoại”. Tánh vàng này mọi người đều có sẵn, không ai là không có. Cho đến chúng sinh ở khắp mười phương đều có Phật tánh kim cương. Trời đất vạn vật đều mang lấy Pháp thân đức Như Lai của chúng ta vậy. Nếu như người học thành tựu được việc tu hành, đạt đến địa vị này mới hay rằng trời đất với ta cùng một gốc, vạn vật với ta cùng một thể. Khắp cả pháp giới là cái Như Lai tạng⁽⁶⁹⁾, khắp đại địa là cái Pháp Vương thân⁽⁷⁰⁾. Chính thật tế chẳng khác, cùng với chư Phật ba đời thành đạo một lúc. Chân không bình đẳng, mười sáu loại chúng sanh cùng vào Niết-bàn một ngày. Nên biết rằng pháp thân rất to lớn, hư không tuy rộng nhưng khó bao được cái thể ấy, đó là cái vi diệu của chân tâm vậy. Dù cho quỷ thần cũng không đo lường được cái cơ máy của nó. Cùng khắp cả đời vị lai chỉ là một đêm ngày, khắp cả biển vi trần cũng chỉ là cái

nháy mắt. Suốt từ xưa cho đến mãi mãi về sau, không có gì là nó không cất giữ hết. Suốt từ trên trời đến khắp dưới đất, không có gì là không được bao phủ. Vì thế Nhị Tổ dạy rằng: “Tràn đầy lồng lộng mà thành cái này đây, đời đời kiếp kiếp không thay đổi. Trời, đất có hư hại mà cái này không hư hại. Cái này chính là cái chân ngã, cái này chính là cái chân như, cái này chính là chân thể, cái này chính là chân không, cái này chính là thực tướng, cái này chính là đạo trường Bồ-đề, cái này chính là chân tịnh Niết-bàn, cái này chính là không dơ không sạch, cái này chính là không phải sắc, không phải không, cái này chính là cái Thánh trí tự giác, cái này chính là cái pháp luân vô thượng, cái này chính là cái diệu dụng và vô cùng khoái lạc của chư Phật, cái này chính là sạch phiền não, bản lai không tịch. Đó chính là tất cả nhân quả đều như mộng huyễn, đó là cái sinh diệt đã hết và tịch diệt là vui, đó chính là cái chân thể bất biến, bất hoại của kim cương, đó chính là cái nguyên thân bất sinh, bất diệt từ vô thủy, đó chính là cái không thể đo lường, không thể xưng gọi, không thể nghĩ bàn, công đức vô biên. Cái này chính là Pháp thân thanh tịnh, Báo thân viên mãn, ngàn vạn ức Hóa thân, chính là đức Phật Tỳ-lô-giá-na⁽⁷¹⁾.

Chư vị học đạo! Nếu chúng tử hiện hành chưa dứt, tập khí phiền não vẫn còn nồng nàn thì

ngay mắt sinh tình, tiếp xúc trần thế thành trầm trệ. Tuy hiểu được ý chỉ vô sinh mà sức mình chưa đủ thì không nên chấp rằng ta đã giác ngộ rồi. Tính phiền não vốn không, nếu phát tâm tu thì thành sai lạc. Tuy nhiên tính phiền não tuy là không, nhưng nó có thể sinh thọ nghiệp. Nghiệp quả tuy vô tính nhưng nó có thể sinh ra nhân khổ. Sự thống khổ tuy hư vọng, nhưng quả thực khó cam chịu. Như gặp bệnh không, thể của bệnh hoàn toàn là không thì cần chi phải mời thầy thuốc và uống đủ các thứ thuốc? Nên biết rằng lời nói và việc làm trái nhau, nhưng giả hay thực có thể xét được. Hãy đo lường căn lực của mình chứ đừng tự dối. Nên suy xét phải trái, cần nhất là thực kỹ càng. Do đó bảo rằng vạn pháp đều do từ tâm, hết thấy đều ở nơi ta. Trong đã hư nát thì rốt lại ngoài cũng không thực. Trong đã đạt đến chỗ tinh tế thì ngoài không thể thô thiển. Tâm còn phạm thì bị ba độc trói buộc. Tâm mà thánh thì sáu thần thông⁽⁷²⁾ tự tại. Tâm đạt được không thì một đạo thanh tịnh, tâm mà có thì vạn cảnh thao túng. Như tiếng dội trong hang động, kêu to thì tiếng vang lớn. Như gương chiếu hình, hình gãy thì ảnh nghiêng. Nên bảo rằng muốn cho bên ngoài được an hòa, bên trong hãy làm cho được thanh tịnh. Tâm trống thì cảnh lặng. Niệm khởi lên thì các pháp sinh ra. Nước đục thì sóng dơ. Ao trong thì trăng hiện.

Thiết yếu của việc tu hành cũng không ra ngoài điều này. Có thể bảo rằng: nắm được tâm mình thì lo gì không rõ được?

CHÚ THÍCH

1. *Năm Kỷ Hợi*: 1719, triều vua Lê Dụ Tông, Vĩnh Thịnh năm thứ 15.

2. *Tam nguyên*: Ba ngày rằm của tháng giêng, tháng bảy và tháng mười âm lịch.

3. *Vĩnh Thịnh 16*: Lê Dụ Tông, Canh Tý 1720, sau đổi là Bảo Thái nguyên niên

4. *Núi Tuyết*: Chỉ dãy núi Hymalaya (Hy-mã-lạp-son) ở phía Bắc nước Ấn Độ, quanh năm tuyết phủ.

5. *Ba thừa (tam thừa)*: Ba phương tiện tùy nghi thuyết pháp của đức Phật, ví như ba cỗ xe tùy theo căn cơ của chúng sinh mà sử dụng. Đó là:

- Thanh văn thừa: Theo lời Phật dạy mà tu Tứ Đế, đắc quả A-la-hán, nhập Niết-bàn.

- Duyên giác thừa: Tu theo lời Phật dạy, ngộ lý và diệt 12 nhân duyên sinh khổ, nhập Niết-bàn.

- Bồ tát thừa: Tu theo lời Phật dạy, cầu thành Phật, thực hành Lục độ, đưa toàn thể chúng sinh đến Niết-bàn.

6. *Nhất thừa*: Tức Phật thừa, cỗ xe độc nhất, bao gồm hết thầy pháp môn, theo đó tất cả chúng sinh đều sẽ thành Phật.

7. *Đốn giác viên thành*: Sự giác ngộ đầy đủ ngay tức khắc, khác với sự chứng ngộ từ từ.

8. *Đạt-ma*: Tức Bodhidharma (460-528), là Tổ thứ 28 Thiền tông Ấn Độ và là Sơ tổ của Thiền tông Trung Hoa. Con vua nước Hương Chi, phía Nam Ấn Độ. Xuất gia từ nhỏ, được thầy là Bát-nhã-đa-la truyền tâm ấn. Năm 520 theo đường biển đến Quảng Châu (Trung Hoa). Vua Lương Võ Đế được tin thỉnh đến Kim Lăng thuyết pháp, Ngài nhận thấy chưa đủ cơ duyên nên đến ẩn cư ở chùa Thiếu Lâm, núi Tung Sơn. Sau chín năm thiền định quay mặt vào vách, Ngài truyền tâm ấn cho đệ tử là Huệ Khả với yếu chỉ thấy tánh thành Phật. Theo truyền thuyết Ngài trở về Ấn Độ và không biết tịch vào năm nào.

9. *Thần Quang* (486-593): Tức thiền sư Huệ Khả, Tổ thứ hai Thiền tông Trung Hoa, người Lạc Dương, tinh thông ngoại điển, sau nghiên cứu Phật giáo. Năm 21 tuổi đến chùa Thiếu Lâm xin yết kiến Đạt-ma tổ sư, tự chặt tay để tỏ lòng thành cầu đạo. Cuối cùng được ấn chứng và trao y bát kế vị Tổ sư.

10. *Phổ Minh*: Chưa rõ gốc tích.

11. *Mười hai phần giáo điển*: Tức 12 loại kinh, chỉ toàn bộ cơ duyên và phương pháp giảng kinh của đức Phật, như ứng dụng, thọ ký, tự thuyết...

12. *Lô Biển*: Tức Biển Thước, đại danh y thời thượng cổ, người đất Lô (Trung Hoa) nên gọi là Lô y.

13. *Di Lạc*: Còn gọi là A-dật-đa hay Từ Thị. Theo đức Phật Thích-ca thì đây là vị Phật kế tiếp Ngài, sẽ mở pháp hội Long Hoa để độ chúng sinh.

14. *Tắm lòng lão bà (lão bà tâm)*: Thuật ngữ của thiền học để chỉ tắm lòng từ bi vô hạn của chư Phật, chư Tổ đối với chúng sinh như tắm lòng của bà già lo cho con cháu.

15. *Bốn hàng đệ tử của Phật, hay còn gọi là tứ chúng gồm có*: Tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, nam cư sĩ và nữ cư sĩ. Ở đây có lẽ chỉ vào hàng xuất gia là: Tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, sa-di và sa-di ni.

16. *Tập khí*: Thói quen đã huân tập từ nhiều đời kiếp, tất cả những cái đã xông ướp, thấm nhiễm vào người.

17. *Pháp thân*: Thân chân thật của Phật, tức là pháp tính hay lý thể tuyệt đối.

18. *Sắc uẩn, thọ uẩn*: Hai chi phần trong năm phần gồm thành cái gọi là Con người: sắc (vật chất, hình tướng), thọ (sự cảm thọ), tưởng (sự nghĩ tưởng), hành (sự vận hành), và thức (sự nhận biết).

19. *Tăng kỳ kiếp*: Tức a-tăng-kỳ, thời gian của một vận kiếp vũ trụ, rất dài lâu không thể tính được.

20. *Tổ cơ*: Tức cái mấu chốt do chư Tổ bày đặt ra để tùy căn cơ, trình độ mà dạy bảo.

21. *Vượt tâm, ngựa ý*: Âm chỉ tâm ý điên đảo, phóng túng không định tĩnh của chúng sinh như loài vượt, loài ngựa.

22. *Quy Sơn (771-853)*: Pháp danh Linh Hựu, Tổ dòng Quy Ngưỡng, đắc pháp với ngài Bách Trượng, mở pháp đường ở núi Đại Quy, tỉnh Hồ Bắc, nên thường được gọi là Tổ Quy Sơn.

23. *Giác vương*: Tức là Phật, vị đã giác ngộ hoàn toàn.

24. *Tứ ơn*: Bốn ơn lớn là ơn cha mẹ, ơn chúng sinh, ơn chính quyền và ơn Tam bảo.

25. *Ba cõi*: Cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Tất cả chúng sinh trong ba cõi này còn trong vòng luân hồi, sinh tử.

26. *Phổ Hiền*: Vị đại Bồ-tát tượng trưng cho đại hạnh, phát mười nguyện lớn để tu hành và cứu độ chúng sinh.

27. *Vĩnh Gia*: Tức Huyền Giác đại sư, người họ Đới ở Ôn Châu, Trung Hoa, thuộc phái Thiên Thai sau đắc pháp với tổ Huệ Năng.

28. Sách *Trung Dung* ghi: “Hỷ nộ ai lạc, chi vị phát vị chi trung. Phát nhi giai trúng tiết, vị chi hoà”. Nghĩa là những mối tình như vui mừng, hờn giận đau thương, khoái lạc khi chưa phát sinh nơi tâm ta gọi là Trung. Khi nó phát sinh một cách phải thế thì gọi là Hòa.

29. *Tám thức*: Duy thức tông chia cái biết ra làm tám bộ phận là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mật-na thức và a-lại-da thức.

30. *Sáu thức*: Cái biết của sáu cơ quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

31. *Thức căn*: Các cơ quan hiểu biết là năm giác quan và ý.

32. *Văn-thù*: Theo kinh điển Đại thừa, là một vị Bồ-tát tượng trưng cho trí tuệ, thường tham dự các pháp hội của Phật để tham hỏi và tán thán giáo lý của Ngài.

33. *Sáu trần*: 6 đối tượng cho sáu căn: sắc đối với mắt, tiếng đối với tai, mùi đối với mũi, vị đối với lưỡi, xúc đối với thân và pháp (ý niệm về các sự vật) đối với ý.

34. *Trực chỉ nhân tâm*: Nói đủ là: “Trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, tức phương pháp chỉ thẳng vào tâm người ta để người ta thấy rõ tính

chân thật mà giác ngộ. Đây là yếu chỉ của pháp môn đốn ngộ do Sơ tổ Đạt-ma truyền dạy.

35. *Tâm địa*: Cái mảnh đất tâm. Pháp môn tâm địa là phương pháp quán sát cái tâm, nơi sinh trưởng phiền não.

36. *Tứ đại*: Theo quan niệm về vật chất luận của Ấn Độ thời cổ và được đức Phật đồng ý thì tứ đại là bốn thành tố chính tạo nên vật chất là đất, gió, nước và lửa.

37. *Sáu đường*: 6 con đường luân hồi của tất cả chúng sinh hữu tình là: trời, a-tu-la, người, địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

38. *Ba cõi*: Là ba cảnh giới luân hồi của chúng sinh từ thấp đến cao: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.

39. *Năng sở*: Chủ thể và khách thể, cái tác động và cái bị tác động.

40. *A-nan*: Tức A-nan-đà một đại đệ tử của Phật Thích-ca. Tương truyền ngài là vị đệ nhất đa văn, tất cả kinh đức Phật thuyết, ngài A-nan đều thuộc lòng và đọc tụng lại trong kỳ kết tập đầu tiên sau khi đức Phật diệt độ.

41. *Sát-na*: Gốc chữ Phạn, chỉ một khoảng thời gian ngắn ngủi không được, ví như thời gian của một chớp mắt.

42. *Bất khả đắc*: Không thể được, không thể nghĩ bàn. Chỉ cái thể tính chân như tuyệt đối không thể hiểu được, đạt đến trong hoàn cảnh mê tình.

43. *Ba đường khổ*: Tức là ba cảnh giới bị dọa lạc dưới cõi người là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh.

44. *Kiến giải tương tự*: Cái thấy, cái quan niệm, về mặt ngôn ngữ thì có vẻ giống với những điều được ghi chép trong kinh điển, nhưng thực ra đó chỉ là hình thức chứ không phải chân thực.

45. *Nhà lửa*: Kinh Pháp Hoa ví thế giới này như ngôi nhà đang cháy, chúng sinh nên gấp rút tránh khỏi.

46. *Ngũ dục*: Năm thứ tham muốn ứng với năm giác quan là thích nhìn vẻ đẹp, thích nghe tiếng ngọt ngào nịnh hót, thích ngửi mùi thơm, thích ăn món ngon.

47. *Chánh pháp nhãn tạng*: Kho chứa chánh pháp, tro chân lý tối hậu, tuyệt đối. Đây chỉ sự mật truyền ý chỉ kể từ đức Phật Thích-ca đến Tổ Ca-diếp và cứ thế chánh pháp được chư Tổ truyền thừa không tìm thấy qua kinh điển văn tự.

48. *Căn, trần*: Căn là các cơ quan cảm giác và ý. Trần là các đối tượng bên ngoài tương ứng với các cơ quan ấy.

49. *Thể, dụng*: Thể là bản chất, dụng là sự thể hiện của bản chất ấy.

50. *Cửa bất nhị*: Tức “bất nhị pháp môn” là phương pháp tu tập theo lý “không hai”. Không phân biệt không chia chẻ sự vật theo những phạm trù của thế gian như có và không, xấu với đẹp, thiện với ác...

51. *Cõi chân như*: Cái chân lý thực thể, thực tính mà đời đời không thay đổi, đây chỉ cõi Phật.

52. *Trí bát-nhã*: Trí tuệ rộng lớn, tuyệt đối thành tựu được khi đã giác ngộ, khác với cái thức là sự hiểu biết, khi chưa giác ngộ.

53. *Mặt mũi xưa nay*: Tức “bản lai diện mục” chỉ cái thể tính trong lặng tuyệt đối từ vô thủy của con người nhưng vì vô minh, ái nghiệp ... che mờ nên không thấy được nó.

54. *Hàn Sơn*: Một thiền sư nổi tiếng đời Đường

55. *Mười lực*: là mười năng lực, trí tuệ của đức Phật gồm có: Tri thị xử phi xử, Tri tam thế nghiệp báo, Tri chư thiên giải thoát tam muội, Tri chúng sinh tâm tính, Tri chủng chủng giải, Tri chủng chủng giới, Tri nhứt thiết sở đạo, Tri thiên nhân vô ngại, Tri túc mạng vô lậu, Tri vĩnh đoạn tập khí.

56. *Hai lực*: Tức lực thứ hai và ba. Xem 55.

57. *Thượng hạnh*: Công hạnh, giới hạnh cao thượng của người xuất gia.

58. *Đề hồ*: Chất tinh của sữa, chỉ giáo lý của Phật vị huyền diệu cứu khổ chúng sinh.

59. *Hòa quang đồng trần*: Hòa cùng ánh sáng, chung với bụi bặm. Chỉ những bậc đã giải thoát, giác ngộ mà vẫn hòa hợp với trần tục.

60. *Lấy từ câu "vô vi, nhi vô bất vi"*: trong *Đạo đức kinh* của Lão Tử.

61. *Tịnh Danh*: Tức cư sĩ Duy-ma-cật ở thành Tỳ-xá-ly. Thời Phật Thích-ca tại thế, ngài Duy-ma cật nổi tiếng biện tài vô ngại, được các đại đệ tử của Phật rất kính trọng.

62. *Bàng Lão*: Tức cư sĩ Bàng Uẩn, sống vào thời nhà Đường bên Trung Quốc, đạt trình độ tu chứng rất cao, thường được tôn xưng là Duy-ma của Trung Quốc.

63. *Nhan Hối, Tăng Sâm*: Hai vị cao đệ của Đức Khổng Tử, đoạn văn này chỉ quan niệm nhân sinh của hai vị chủ trương sống thanh thần, không ham danh lợi quyền quý, chỉ trau dồi đạo đức tâm linh.

64. *Năm ấm*: Xem chú thích (18).

65. *Ba độc*: Tức ba căn bản bất thiện khiến chúng sinh bị luân hồi đau khổ là tham, sân, si.

66. *Cửa kiện hoá*: Kiện hoá môn. Chưa rõ ý đích xác là gì. Kiện nghĩa là mạnh mẽ, hoá nghĩa là biến hóa, hóa thành. Kiện còn là tên của loài cá chép (lý ngư hay kiện ngư). Có thể cửa kiện hóa là tỏ sự biến hóa, siêu việt, như tích cá chép hóa rồng chăng? Hay kiện hóa là phiên âm từ Gandharva (Kiện đạt, càn thất bà), tên của một loài quỷ thần, biến hóa xảo diệu, tạo ra ảo cảnh, để ngăm trở cõi vô thường sinh tử?

67. *Bốn núi*: Âm chỉ bốn biến cố lớn của đời sống chúng sinh là sinh, già, bệnh, chết.

68. *Năm sắc*: Năm màu chính là xanh, vàng đỏ, trắng và đen.

69. *Như Lai tạng*: Chỗ ẩn chứa cái mầm mống Như Lai (Tathaga-garbha), cái thể tính rốt ráo viên mãn vốn có của chúng sinh.

70. *Pháp vương thân*: Thân của vua pháp, tức thân của Phật hay Pháp Thân (Dharmakàya) chỉ cái chân lý tuyệt đối.

71. *Tỳ-lô-giá-na*: Tức là Đại Nhật Như Lai. Theo Mật tông, đây là vị Phật đại trí tuệ quán chiếu tất cả chúng sinh (như mặt trời soi sáng khắp nơi) để cứu độ.

72. *Sáu thần thông*: Là sáu khả năng vi diệu của bậc đạt ngộ, đó là: Thiên nhãn thông, Thiên

nhĩ thông, Túc mạng Thông, Tha tâm thông, Thần
túc thông, và Lậu tận thông.

Phụ lục I

BÀI TỰA TRANH CHẶN TRÂU (Trung Quốc)

Kinh *Di Giáo* có ghi: “Ví như việc chăn trâu, cầm gậy trông nom không cho nó buông lỏng xâm phạm lúa mạ của người”. Đó chính là cơ sở phát ra thuyết chăn trâu vậy.

Tiếp theo Mã Tổ hỏi Thạch Cửng⁽¹⁾:

Ông hiện đang làm công việc gì?

Đáp: Chăn trâu.

Hỏi tiếp: Trâu làm gì mà phải chăn?

Đáp: Có lúc nó tuôn vào đám cỏ, phải dùng dây xỏ mũi kéo trở lại.

Người biết cách chăn giỏi vậy.

Ngài Đại Quy An Công ở tại Quy Sơn⁽²⁾ bảo rằng: Ta nương theo núi Quy cư trú nhưng chẳng học thiền của Quy Sơn. Chỉ chăn giữ một con trâu tơ.

Lại việc Bạch Vân Đoan công⁽³⁾ đến gặp Quách Công Phụ hỏi rằng: Trâu đã thuần chưa?

Do mình tự chán hay dạy bảo người khác chán, từng thấy ghi chép nhiều lần rõ ràng xưa đến nay. Về sau lại có vẽ thành tranh, ban đầu chưa chán sau rốt cả hai cùng biến mất, trình bày liên tiếp thành mười đề tài, từ đen đến trắng dần, cho đến lúc không còn gì, sáng láng vô cùng.

Phổ Minh lại thêm bài tụng cho từng bức tranh. Phổ Minh chưa rõ là người ở đâu? Tranh và tụng không biết có phải do tay một người làm ra không? Nay không bàn đến.

Chỉ xem bản vẽ thấy hình ảnh rõ ràng mà ý tưởng sâu sắc. Các bài tụng thì lời giản dị, mà ý cao xa. Người học giữ gìn bên mình mà làm duyên tốt để xét rõ đạo đức, sự nghiệp. Cúi xuống kiểm tra điều gì mình nắm bắt được, trông lên biết việc gì mình mong cầu mà chưa đạt đến. Mới mong tránh cái lỗi được thì ít mà tưởng đầy đủ rồi, để sinh lòng kiêu căng, tự phụ. Tức bổ ích, tốt đẹp nhiều lắm vậy. Nhân bản sách cũ mà khắc in lại.

Ngoài ra có bộ tranh lần lượt từ “tìm trâu” cho đến “vào chợ” cũng vẽ thành mười bức, đến nay phần lớn giống nhau chỉ khác nhau chút ít. Cùng với giáo lý không sai khác để tuần tự tu tiến, có thể so sánh mà biết. Tất cả đều phụ lục vào sau để thuận tiện tham khảo.

Ví bằng có người chỉ một bước nhảy là đến đích thì không phải nhọc nhằn cầm roi kéo lại, mà trâu trắng vẫn hiện ra rõ ràng tự nhiên, không rơi vào giai cấp, chỉ trong chớp mắt “năng sở” cả hai đều mất. Lúc đó thì tranh vẽ trở thành hàng hóa tầm thường, bài tụng hóa ra lời nói thừa thãi. Xem đến tôi không cưỡng lại được mà phát ra tiếng cười lớn vậy.

Vạn lịch Kỷ Dậu (1608), ngày Phật đản (mồng tám tháng tư), hậu học Châu Hoằng kính viết tựa⁽⁴⁾.

CHÚ THÍCH

1. Mã Tổ (709-788): Tức thiền sư Đạo Nhất, người Giang Tô đời Đường, là đệ tử của thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng.

- Thạch Cung: Tức thiền sư Huệ Tạng, nguyên là thợ săn. Được Mã Tổ khai thị bèn ném bỏ cung tên, cạo tóc xin theo Mã Tổ xuất gia cầu đạo.

2. Đại Quy An Công: Tức thiền sư Đại An (?-883), Được Tổ Bách Trượng khai thị, sau đến phụ tá thiền sư Linh Hựu tại Quy Sơn. Sau khi Linh Hựu tịch, đại chúng thỉnh Đại An kế thế trụ trì giáo hóa đồ chúng.

3. Bạch Vân Đuan Công: Tức thiền sư Nghĩa Đuan ở núi Bạch Vân, Thư Châu đời Tống là pháp tử của thiền sư Dương Kỳ Hội và là thầy của Ngũ Tổ Diễn.

4. Châu Hoằng (1532-1616): Tức Vân Thê đại sư, tự là Phật Tuệ, hiệu Liên Trì. Ban đầu học Nho sau xuất gia theo Phật trụ trì chùa Vân Thê ở Hàng Châu. Biên soạn được 32 tác phẩm, viên tịch năm Vạn Lịch thứ 43 thọ 81 tuổi. Được suy tôn làm tổ thứ 8 của Tịnh Độ tông.

Bộ tranh *Mục người đồ* do cư sĩ Phan Thế Khương
khắc lại theo bản in của Hội Phật học Huế
năm 1933



1. Chưa chắn (Vị mục)



2. Mới chăn (Sơ điều)



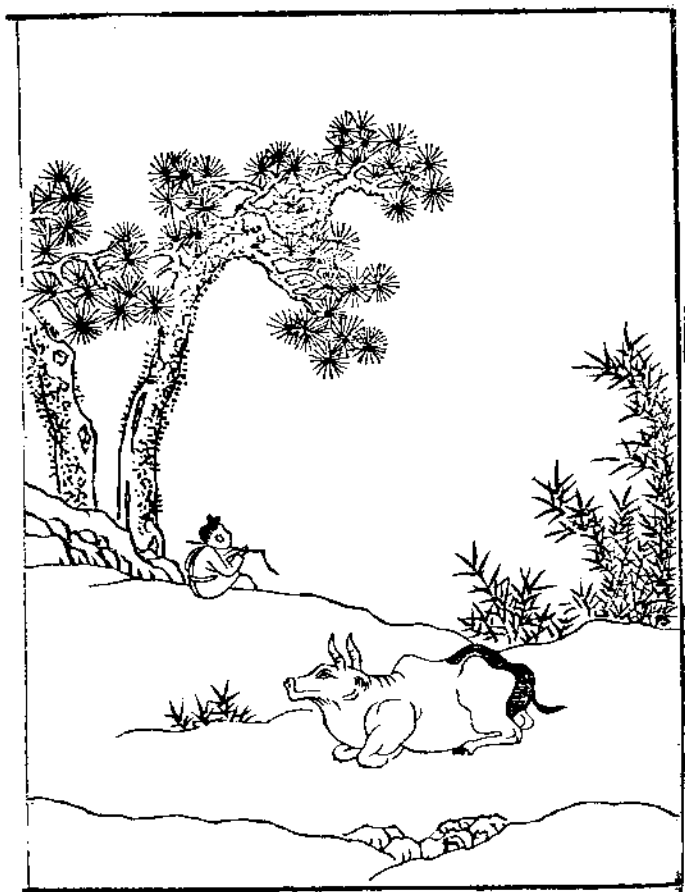
3. Chiu phép (Thọ chế)



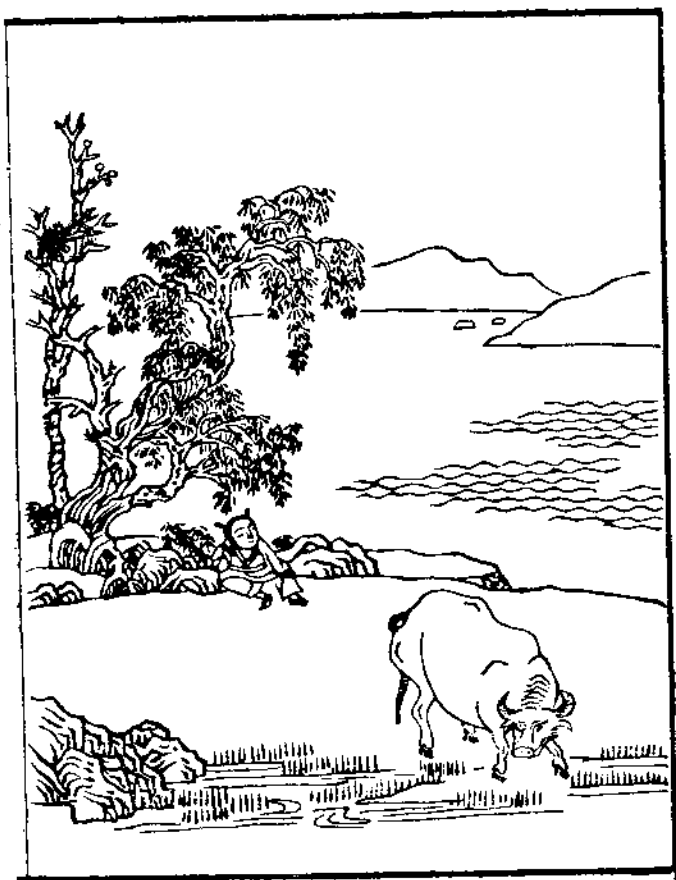
4. Quay đầu (Hồi thủ)



5. Ngoan ngoãn (Tuần phục)



6. Vô ngại (Vô ngại)



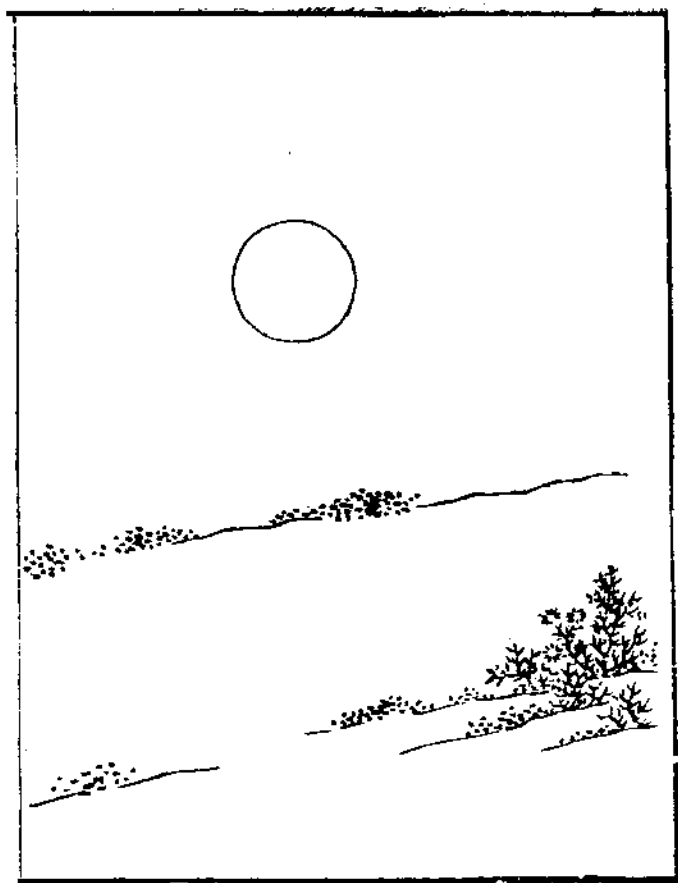
7. Theo cuộc (Nhâm vận)



8. Quên nhau (Tương vong)



9. Riêng chiếu (Độc chiếu)



10. Cả hai đều vắng bật (Song mẫn)

Phụ lục II.

THÍCH GIẢI MỤC NGƯU ĐỒ

Tâm Minh Lê Đình Thám

Mục ngư đồ là một con đường tu diễn ra bằng những bức vẽ, vẽ một người mục đồng tìm bắt con trâu, và chăn dắt con trâu càng ngày càng thuần thục, rồi trâu thường theo người, trâu và người đều thanh tịnh, lần lần đến khi cả trâu và người đều dung hiệp vào một vành tròn sáng suốt, tức là đại viên cảnh trí, là thường trú chơn tâm. Có nhà lại thêm sau hai bức vẽ nữa để chỉ rõ cái diệu dụng của chơn tâm sau khi giác ngộ.

Trong các bằng Hội viên của Hội An Nam Phật học thì mô phỏng theo các bức vẽ lối thứ nhất, vì phía trên đã có tượng Phật làm tiêu biểu cho cái diệu dụng hoàn toàn của tự tâm.

Mấy năm trước đây, chúng tôi đã có ấn tống *Mục ngư đồ* bằng chữ Nho, nhưng vì lời lẽ vẫn tắt,

lý nghĩa sâu xa, nên phần đông độc giả quyển ấy tỏ ý phàn nàn không được hiểu rõ; vậy hôm nay chúng tôi xin thích giải lại bản *Mục ngữ đồ* bằng Quốc âm để cho toàn thể đạo hữu nhận rõ một con đường tu hành của đạo Phật.

Các pháp tu hành của đạo Phật vẫn nhiều nhưng trong bước đầu không ngoài giới, định và huệ.

Theo lối tu về Giới tội, mục đồ tức là giới thể, con trâu tức là nhục dục; các sự phiền não, mê lầm, các điều phiền não, các sự dục vọng dong ruổi trong đường luân hồi, gây ra những nghiệp dữ làm cho thiện căn càng ngày càng suy kém. Đến khi nghe được giáo pháp của Phật, biết sự lầm lạc, phát tâm trì giới thì cái giới thể mới phát hiện, cái giới thể tức là người mục đồng vậy. Giới thể thân phục các vọng niệm, giữ thân không làm điều dữ, rồi giữ tâm không nghĩ điều dữ, đến khi tu tập lâu đã thuần thục thì thân và tâm đều yên lặng, không vọng động nữa, lần lần mỗi ngày mỗi thêm, toàn thể thân tâm tức là thể, không còn gì ra ngoài giới thể thì chỉ có mỗi mình giới thể chứ không còn có thân tâm nữa. Song giới thể theo Đại thừa Phật giáo có tam tụ tịnh giới là: nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Khi luật nghi không thiếu, chỉ tùy một giới thể rồi thì người tu hành theo nhiếp thiện

pháp giới mà quán sát các danh tướng đối đãi toàn là huyền hoá, tiêu diệt cái tướng giới thể vào nơi chân như, rồi theo nhiều ích hữu tình giới phát khởi các diệu dụng của chơn như mà làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đến khi diệu dụng đó được viên mãn tức là thành Phật.

Theo lối tu về Định thì con trâu là vọng tướng, mục đồng là thiền định: lấy thiền định đối trị vọng tướng từ thô tướng cho đến tế tướng, đoạn cho hết các cội gốc vọng tướng thì chỉ còn trí chánh quán; nhưng sở đoạn đã diệt thì năng đoạn cũng hết, sở quán đã tiêu thì năng quán cũng không thể một mình, nên tướng quán trí cũng tiêu diệt vào chơn như tự tánh; khởi lên dụng của chơn như cho đến chỗ hoàn toàn, tức là thành Phật.

Lối tu về Huệ thì con trâu là phân biệt, mục đồng là chánh trí, lấy chánh trí thâm phục tâm phân biệt, đến khi phân biệt tức là chơn không thì chỉ còn chánh trí mà thôi. Chánh trí là chơn như trí. Chơn như trí đối với chơn như lý, nhưng ngoài trí không có lý, ngoài lý không có trí nên cả trí và lý đồng dung hiệp trong một tâm chơn như. Phát khởi vạn hạnh theo tâm chơn như cho đến chỗ hoàn toàn tức là thành Phật.

Nói tóm lại, lối tu của Mục Ngưu đồ tức là đem Giới – Định – Huệ của đạo Phật mà uốn

đẹp các sự phiền não, mê lầm. Các bức vẽ của mục牛郎 đồ cốt để chỉ những tầng bậc trong đường tu tập.

Minh họa về các bức vẽ của Mục牛郎 đồ

1. Vị mục



Bức vẽ thứ nhất mô tả lúc bắt đầu tu tập. Khi ấy con trâu thì lưng đã lâu ngày, con người thì mới bắt đầu chăn, nên phải có chí cương quyết, tìm con trâu mà bắt cho được.

2. Sơ điều



Trong bức vẽ thứ 2 thì người đã xỏ mũi trâu, nhưng trâu còn lung lãng, muốn rứt chạy, người phải nắm dây cho kỹ, cầm roi giữ thế mới khỏi bị trâu báng, khỏi bị trâu giựt dây chạy trốn. Lúc này là lúc khó nhất, lỡ chân một bước là không thể gượng lại, lắm khi đến nỗi bị trâu lôi kéo.

3. Thọ chế



Trong bức vẽ thứ 3 thì con trâu đã chịu phép, không dám vùng vẩy nhưng con người cũng còn phải nắm mũi trâu không rời, đi đâu thì dắt trâu đi theo, vì sợ thả lỏng thì khó bề dạy bảo.

4. Hồi thủ



Trong bức vẽ thứ 4 thì con trâu hơi thuận, lúc nào cũng xoay đầu theo chủ, và người mục đồng cũng đã rảnh rang tuy lúc nào cũng cần coi ngó.

5. Tuần phục



Trong bức vẽ thứ 5 thì con trâu đã thuần thục, mục đồng đi đâu thì trâu đi theo đấy, mặc dầu ngao du sơn thủy, nhưng trâu vẫn không rời một bên mình.

6. Vô ngại



Trong bức vẽ thứ 6 thì trâu đã khôn ngoan, không lúc nào cần phải chặn giữ, ngó ngang, mục đồng mặc sức tiêu diêu nhưng trâu vẫn không hề trái ý.

7. Nhậm vận



Trong bức vẽ thứ 7, mục đồng rảnh rang an nghỉ, trâu thường hầu hạ một bên, hiền lành như nhau, không còn việc gì phải chăn nữa.

8. Tương vong



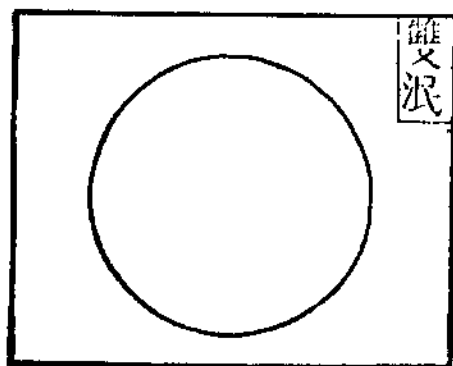
Trong bức vẽ thứ 8, trâu và mục đồng an vui trong cảnh thanh tịnh, không cần để ý đến nhau, nhưng lúc nào cũng đồng ý với nhau.

9. Độc chiếu



Trong bức vẽ thứ 9, trâu đã đồng ý với người thì trâu tức là người, người tức là trâu, nên không còn có trâu và chỉ có người trong cõi thanh tịnh sáng suốt.

10. Song mẫn



Trong bức vẽ thứ 10, trâu đã không còn thì mục đồng cũng không thành mục đồng, nên tướng người cũng tiêu mất, duy một thể chơn như sáng suốt.

Đến thể chơn như sáng suốt này tức là chứng đến bậc Bát địa Bồ-tát, từ đó phát khởi diệu dụng, thuyết pháp độ sanh, trau dồi sai biệt trí nhưng không lúc nào rời chân như. Đến khi diệu dụng được hoàn toàn tức là thành Phật.

Người tu hành theo *Mục ngưu đồ* cốt nhất phải giữ gìn cho con người được mạnh mẽ, phải biết con trâu là thế nào để bắt mà chăn dạy; bắt được rồi phải siêng năng chăn dạy trong lúc ban đầu, chịu khó, chịu nhọc cho đến khi trâu thuần thục thì mới chắc khỏi bị lằm đàng lạc nẻo.

PHẬT DẠY CHĂN TRÂU

Tuệ Sỹ

Không hung hăng tàn bạo, bản tánh vốn thuần hậu dễ sai khiến, siêng năng và nhiều nhẫn nại; nhưng lại hay làm bậy do sự si ngốc. Đó là đặc tính của trâu, mà cũng là đặc tính của chúng sinh. Phật không nhất thiết coi chúng sinh như trâu bò. Kinh Phật mà nói đến trâu, là nói đến bản tính si ngốc, vô trí nơi mỗi loài chúng sinh. Hiệu của Phật là Điều ngự sư, nên ngài là một người chăn, hay một người đánh xe khéo léo, đưa chúng sinh đến thành trì an lạc của giải thoát.

Sự si ngốc của chúng sinh không chỉ có một. Nó si ngốc tùy theo loại, nên cũng có cấp bậc, có mỗi cách điều phục riêng biệt. Từ các hàng phàm phu, cho đến các hàng Thanh văn, Bồ tát, và cả đến các thiên sư, ngoại hạng, mỗi hành động và mỗi nỗ lực cho hành động, đều được ví với các cách chăn trâu.

TRÂU CỦA PHÀM PHU:

Kinh *Pháp cú*, bài kệ I, phẩm Song yếu, nói:

“ Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm là chủ, tâm tạo tác tất cả. Nếu ai nói năng hay hành động với tâm bất thiện, khổ não sẽ đi theo như bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe.”

Trong bài kệ này, nghiệp được ví như con vật kéo xe, mà nguyên ngữ Pàli là *vahato*, không nhất thiết phải là trâu. Nhưng cũng có thể nói đó là trâu.

Nghiệp được ví là trâu, vì tất cả nghiệp tạo tác đều được điều động bởi vô minh, cũng như con trâu được điều động kéo xe vì sự si ngốc của nó.

Kinh *Pháp cú*, bài kệ 135, phẩm Đạo trường, nói:

“Nhu người chăn trâu cầm gậy lừa đàn trâu ra đồng cỏ. Cũng vậy, tuổi già và sự chết xua đuổi mạng sống ra đi.”

Mạng sống, hay tuổi thọ của mỗi chúng sinh, được ví như một con trâu, tuổi già là cây gậy, đồng cỏ là sự chết, và thằng chăn là nghiệp lực. Đời sống của chúng sinh bị nghiệp lực xua đuổi đi tới sự chết bằng tuổi già, như con trâu bị thằng chăn xua đuổi ra đồng cỏ bằng cây gậy. Con trâu nhắm tới đồng cỏ, sự sống nhắm tới sự chết. Chúng sinh không tự chủ trong hành động, cũng như trâu không tự chủ trong sở thích của nó.

TRÂU CỦA THANH VĂN:

Tần-bà-ta-la, quốc vương xứ Ma-kiệt-dà, thỉnh Phật và năm trăm đệ tử Phật cúng dường trong ba tháng. Vương dọn sữa tươi cúng Phật và chúng Tỷ kheo tăng, nên cho gọi những người chăn trâu ngày ngày mang sữa tươi đến. Sau ba tháng, quốc vương thương cảm những người này, muốn cho họ đến hầu Phật. Họ đến hầu Phật, sung sướng được chiêm ngưỡng dung nhan của Phật. Nhưng không biết gì để thưa hỏi. Vì họ là những người chăn, nên chỉ biết việc chăn mà thôi. Họ đem việc đó hỏi Phật, chăn thế nào cho có hiệu quả thiết thực. Phật dạy :

Nếu biết giữ mười một điều thì người chăn có thể làm cho bầy trâu mạnh khoẻ và nhiều thêm.

Nhân đó, Phật cũng dạy các thầy Tỳ kheo phải biết mười một pháp, để cho thiện pháp được tăng trưởng.

Đây là mười một điều tâm niệm của người chẵn, tương xứng với mười một điều tâm niệm của thầy Tỳ kheo :

1) Biết sắc. Biết các sắc của trâu: sắc đen, sắc trắng, sắc tạp.

Tỳ kheo cũng thế. Biết hết thấy sắc pháp đều là tứ đại và tứ đại sở tạo.

2) Biết tướng. Biết trâu có tướng tốt hay không có tướng tốt. Do so với các bầy trâu khác mà biết. Tỳ kheo cũng vậy. Thấy tướng thiện nghiệp thì biết là người trí, thấy tướng ác nghiệp thì biết là người ngu.

3) Biết mổ xẻ. Khi trâu bị các trùng độc hút máu, các vết thương lở ra. Biết mổ xẻ thì trừ được các điều có hại. Tỳ kheo cũng vậy. Thấy cái đó là ác, thì biết là loài trùng độc hút máu thiện căn làm vết thương của tâm lở thêm ra. Biết trừ đi thì được an ổn.

4) Biết che vết thương. Hoặc lấy vải, hoặc lấy lá cây, che các vết thương, không để cho ruồi muỗi châm chích. Tỳ kheo cũng vậy. Niệm pháp chánh quán để che vết thương

lục tình, không để cho các trùng độc phiền não tham dục, sân nhuế, ngu si châm chích gây ra vết thương.

- 5) Biết nhóm khói. Nhóm khói là để trừ các loài ruồi muỗi. Trâu nhìn xa thì nhằm chỗ đó mà về nhà. Tỳ kheo cũng vậy. Đúng như điều được nghe thuyết để trừ các loài ruồi muỗi kết sử, lấy ngọn khói chánh pháp để dẫn chúng sinh về trong nhà vô ngã, thật tướng, tánh không.
- 6) Biết đường tốt. Biết con đường đi về của trâu tốt hay xấu. Tỳ kheo cũng vậy. Biết con đường Bát thánh có thể đi đến Niết-bàn, lia con đường xấu chấp đoạn chấp thường.
- 7) Biết chỗ trâu thích hợp. Biết nơi nào thích hợp cho trâu sinh sôi nảy nở, ít bệnh. Tỳ kheo cũng vậy. Khi giảng thuyết Phật pháp thì được pháp hỷ thanh tịnh, các thiện căn thêm lên.
- 8) Biết đưa qua sông. Biết chỗ dễ lội xuống, dễ đi qua, không có sóng dữ, không có trùng độc. Tỳ kheo cũng vậy. Thường đến chỗ của những Tỳ kheo đa văn mà hỏi pháp, tâm sáng hay tối, phiền não nặng hay nhẹ, khiến cho được vào bến tốt, an lành mà được độ thoát.

9) Biết an ổn. Biết chỗ ở có hay không có cạp beo, sư tử, ác trùng, độc thú. Tỳ kheo cũng vậy. Biết bốn niệm xứ là chỗ an ổn, không có ác ma, độc thú, phiền não. Tỳ kheo vào ở chỗ đó sẽ được an ổn, không lo ngại.

10) Biết giữ sữa. Trâu mẹ thương yêu trâu nghé nên lén cho sữa. Nếu biết giữ sữa còn lại cho trâu mẹ hoan hỷ, trâu con không bị khát sữa. Như vậy, chủ trâu và người chăn trâu ngày ngày có thêm điều ích lợi. Tỳ kheo cũng vậy. Bạch y cư sĩ cung cấp các thứ y phục, ẩm thực, nên biết tiết lượng, không để khánh kiệt; đàn việt sẽ hoan hỷ, tín tâm do đó không dứt. Mà người thọ nhận sẽ không bị thiếu hụt.

11) Biết nuôi trâu dầu đàn. Con trâu nào lớn nhất, có thể giữ được cả đàn trâu, nên phải giữ gìn không để tiêu tụy. Uống thì cho dầu lạc, trang sức thì cho vòng hoa, tiêu biểu thì lấy sừng sắt cọ mài, vuốt ve khen ngợi... Tỳ kheo cũng thế. Trong chúng tăng có bậc đại nhân có uy đức, hộ trì chánh pháp, hàng phục ngoại đạo, có thể khiến cho tâm chúng được gieo các thiện căn, nên tùy sở nghi mà cung kính cúng dường...

Những người chăn trâu sau khi nghe Phật giảng các cách chăn trâu cặn kẽ như vậy, rất lấy làm thán phục. Họ kinh ngạc, không tưởng được một hoàng tử suốt đời chưa từng chăn trâu, mà lại biết rành rẽ về các cách chăn trâu như vậy. Họ nói với nhau rằng, trong nghề của mình, biết nhiều lắm ba hoặc bốn chuyện. Dù đến bậc thầy chăn trâu cũng chỉ biết năm hay sáu chuyện là cùng. Phật lại biết cả mười một cách, quả ngài là bậc Nhất thiết trí. Theo họ, Nhất thiết trí, một danh hiệu thường được dùng tôn xưng đức Phật, có nghĩa là cái gì cũng biết, cả đến việc chăn trâu cũng phải biết.

TRÂU CỦA BỒ TÁT:

Trước đây, trong quyển tranh chăn trâu, do An Tiêm xuất bản, tôi có cho in các bài văn ngắn của các cao tăng Trung Hoa thời xưa, và trích dịch 30 bài thơ, vừa xướng vừa họa, cũng của các cao tăng Trung hoa, về tranh chăn trâu. Nay nhân dịp này, tôi dịch ra đây mười bài thơ khác, trích trong quyển *Tịnh độ chúng tâm tập*, của Vạn Liên, đời Thanh trước thuật.

Đại thừa lấy việc chăn trâu dụ cho việc luyện tâm. Cái tâm đó, nguyên lai thuần hậu, nhưng đã

bị đánh lạc mắt, để nó chạy rong, buông lung theo sở thích không biết gì đến những hiểm nguy rình rập, cho nên phải tìm lại, và chế ngự cho thuần tánh. Từ khi tìm trâu để chăn cho đến khi việc chăn thành tựu, trải qua mười giai đoạn,

1) TÌM TRÂU

Giá điều tuần lĩnh thảo ly ly
Hoa lạc lâm gian bát nhân mi
Đáo thử dĩ tương trôn thế cách
Na biên ưng bả tục tình di
Trùng trùng hàng thọ hàm thù thắng
Yết yết dư hà đỉnh tú ti
Mịch biến Khê sơn vô tích thú
Hồn nhiên đại khởi nhất đoàn nghi.

*Núi cao cây cỏ mịt mù
Vén mây tìm lối hoa rừng mà qua
Chợ đời một cõi cách xa
Tình đời thôi hãy gác ra cõi ngoài
Chập chùng biết mấy hàng cây
Ráng chiều vời vợi vẻ ngày lên cao*

*Nầy non kìa suối tìm dâu
Lòng ôm một nỗi mấy bầu hoài nghi*

2) THẤY DẤU

Thanh phong xuy phá bích vân yên
Trực thượng cao phong tuyết đánh biên
Khê lộ điều điều lai nhãn đế
Đề ngân ẩn ẩn đáo ngân tiền
Tương phùng tợ suyển từng sao nguyệt
Tạc hiển như khuy tỉnh lý thiên
Truy hướng Qui sơn cử diện mục
Giá hồi y cựu bất năng xuyên

*Gió lành thổi dạt mây mờ
Trèo lên tuyết đỉnh trơ vơ tuyết vờ
Liếc chừng con suối chảy xuôi
Dấu chân thấp thoáng dây rồi phải chẳng
Tuông chi thông réo vờn trắng
Vẽ chi đáy giếng mà trong bóng trời
Non Qui chắc có mặt mây
Rồi ra chẳng biết đường dây mối nào*

3) THẤY TRÂU

Ngư nhi nhất kiến tự vong ưu
Đầu giốc tranh vanh tượng ngoại du
Bất hưởng cốc trung hồ bất trụ
Vô âm dương xứ hoán vô hư
Chân hình lộ địa tiền sinh ngộ
Thật trí huy thiên xuất thế lưu
Không bả tị thành nan hạ thủ
Ngưng mâu trực thị cánh thâm u

*Thấy trâu lọ phải ưu sầu
Sừng chông chênh chếch ra màu xa khơi
Kêu vang hốc núi dội lời
Mà đâu thanh khí cho hoài công lao
Duyên đời rồi sẽ gặp nhau
Trí lay trời rộng cõi nào sánh ngang
Làm sao xỏ mũi tay thùng
Tròn xoe con mắt trông chừng xa xa*

4) ĐƯỢC TRÂU

Đốn triệt thiên nhiên thân ngoại thân
Dã hồ tinh mị cảm đồng luân

Ngang đầu cố thị hòa thân chuyển
Ổn bộ du hành thoát tục trần
Đạp khước hoá thành tam bách chủng
Canh lai pháp địa thập phần xuân
Đoan đoan tị khổng thâm thâm quán
Bảo thọ âm trung hảo dưỡng thần

*Rõ ràng vóc dạng rồi nha!
Chồn kia cáo nọ không là giống chi
Ngẩn đầu quay lại bước đi
Thong dong dạo bước mơ gì trần ai
Ba trăm quán trọ qua ngay
Về nơi đất pháp công cày nên xuân
Sít sao mũi buộc dây thùng
Cây cao bóng rủ kẻ lưng giắc hòe*

5) CHẶN TRÂU

Địa khoát thiên cao nhiệm mục đồng
Khê nam kê bắc dữ kê đông
Nhân ca nhất khúc tri không hữu
Tinh khán thiên kinh dẫn dị đồng

Hàm trạch phong gia mao ốc cổ
Triệu Châu chỉ thú minh hoa dung
Quát kim huấn luyện thù tiêu tức
Biến lịch u lâm khí tượng hùng

*Mục đồng đất chở trời che
Này nam, này bắc, này khe mấy dòng
Nghêu ngao mấy khúc Có Không
Độc kinh mấy quyển Dị Đồng dửng dưng
Nhà tranh mái cũ quen chùng
Chén trà lão Triệu mà chưng hoa ngàn
Dạy trâu nào phải nhọc nhằn
Quyền uy đây cả một vùng cỏ cây*

6) CUỐI TRÂU

Nhị thập dư niên trụ thử san
Xuất san hung thử thủy an nhân
Cao phao thoa liệt tùy phong vũ
Hảo diệu tiểu ca dật hứng ban

Hoa vũ phi lai do phá huyết
Vân lâm qui khứ thiếu đồng ban

Bát khai phách tử thành tiêu sái
Ổn tọa bồ đoàn triển tiểu nhan
Hai mươi năm lẻ non này
Mới yên tắc dạ từ đây già từ
Tung nón lá, gió đong đưa
Cao lời thấp giọng chi thua lão tiều
Mưa hoa cánh áo dập dềnh
Rừng mây trên đó ngược chiều dưới ni
Dang tay phách nhịp đi đi
Ngồi chơi nệm cỏ mặt hi cười cười

7) QUÊN TRÂU

Đắc thủ công huân diệc thị vô
Vong tình tuyệt lự nhất thân cô
Du du độc tọa văn đề diểu
Tịch tịch không hoài quyển trú đồ
Tự tích dĩ phùng chân tục thú
Nhi kim bất cố súc thì đồ
Hồn dung cư chỉ thùy vi chủ
Tất cánh tiêu dao một thử mô

Xong rồi công khó thành chơi
Quên tình quên nghĩa cho người lẻ loi
Ngồi nghe chim hót chơi vơi
Tranh chiều rủ xuống đất trời lạnh tăm
Ngày xưa Chân, Tục xăm xăm
Bây giờ một dứt mấy tăm cũng thôi
Nếp nhà bỏ đó mặc ai
Tiêu dao một chuyến cho đầy ước mong.

8) VẮNG HẾT

Tịch diệt trần hoài khởi chánh tràng
Đốn dung minh ám thú phi thường
An nhiên thoát sải thành du viễn
Trực hạ trừng ngưng tuyết ẩn tàng
Ngọc lậu điều tàn thiên địa hiểu
Kim thương ninh tĩnh quốc dân khang
Ưu du vẫn khế đoan hô xuất
Nhất vị tiêu dung giác tánh vong

Từ nay cõi Đạo nức lòng
Lẽ thường sáng tối ôm tròn, lạ thay!

Nhờ nhờ tách bước cõi ngoài
Màu trong tiếng lặng tuyết vời chìm xa
Canh tàn trời đất sáng ra
Quảng thương liêng giáo quốc gia thái bình
Rong chơi theo tiếng tâm tình
Vẻ chi giác tánh mà mình đeo mang

9) VỀ NGUỒN

Thượng hạ giao huy thấu triệt thanh
Qui phạm phong chánh lỗi chu hành
Nguyên tuyên cổn cổn tri hà hứa
Trí hải thâm thâm thùi cảm bình
Đồng triệt thiên tâm thuyên biểu lý
Đoan tư chí thú ức tung hoành
Đoàn loạn bản trí nan đồng thưởng
Chiếu khí xung hòa vạn hủy sanh

Một màu trên dưới trong xanh
Cánh buồm thuận gió con thuyền lên dênh
Suối nguồn như thác đổ ghềnh
Sâu xa biển Trí ai bình cho xuôi

Tỏ bày cao vút lòng trời
Dọc ngang chi đó thú này trong tay
Tròn xoe gốc cội khôn hay
Hơi xông ngui ngút phủ đầy cỏ hoa.

10) VÀO CHỢ

Đại triển gia phong độc lộ ki
Thanh sơn khước chỉ dã vân phi
Giang hà thủy mãn triển thành khoát
Tĩnh lý xuân thâm nguyệt sắc vi
Tọa đối lục dương tiêu tức hảo
Hành khan bạch cổ tự tri qui
Sư nhi tận sở phiên cân đầu
Bất xuất lão tăng kim lữ ...(?)

Rõ ràng một bóng thối nhà
Núi xanh chỉ thấy la đà từng mây
Phố thị rộng, nước sông đầy
Màu trắng mờ nhạt xuân dày ruộng nương
Ngồi xem vẽ biếc cảnh dương
Con trâu trắng trắng thuộc đường vắng lai

*Mấy lần sư tử ra oai
Làm sao hơn nổi áo thầy mà mong.*

TRÂU CỦA THIỀN SƯ:

Thiền sư không biết tụng kinh, chỉ biết gánh nước, đốn củi, vo gạo nấu cơm. Chăn trâu có nhiều phép tắc, sư làm sao nổi? Việc của mình thiền sư không thông, nhưng lại thông việc của người khác. Bây giờ thử coi các thiền sư có trâu hay không, và có, thì chăn bằng cách nào?

1) Có thầy tăng hỏi thiền sư Nam Tuyền:
“Một trăm năm nữa, hoà thượng đi về đâu?”.

Sư đáp: “Đi làm một con trâu”.

Sư Phần Dương Thượng Chiêu làm bài tụng:

Loại trung nan biện yếu phân minh
Đối giác phi mao tốt vị tinh
Hàm thủ thảo lai phương định động
Đầu đầu vật vật tự chân linh

*Phải biết cùng loài thì khó biết
Mang lông đội sừng giống nhau hết*

Ngậm cỏ đưa về rồi mới hay

Trông trước trông sau ra giả thiết.

Ý muốn nói, hòa thượng Nam Tuyền cũng một loại với trâu. Trâu thiết hay trâu giả, mang cỏ đến nhử nơi móm sẽ rõ.

2) Thiền sư Dược Sơn, trong buổi văn tham không đốt đèn. Sư nói: “Ta có một câu, đợi cho trâu nghe sinh con rồi sẽ nói cho quý vị biết: “Bấy giờ có một thầy tăng bước ra, lên tiếng: “Nghe sinh con rồi. Chỉ có hoà thượng không chịu nói đó thôi”. Sư kêu thị giả mang đèn đến. Thầy tăng đó rút lui vào trong chúng.

Thiền sư Phật Nhãn Thanh Viễn làm bài tụng:

Độc ngư sinh tử phả tương am

Lưỡng nhân thông hồng sắc tợ lam

Bả hỏa chiếu lai vô mịch xứ

Đại gia phổ thỉnh nhất thời tham.

Trâu nghe để con biết nhau quá

Hai mắt đỏ kè mặt như chàm

Mang lửa rọi vào chuồn mắt nhá!

Cả bọn xin giảng một thời tham (cứu).

3) Thiền sư Triệu Châu Tông Thắm hỏi thiền sư Nam Tuyền: Có biết người nào đi đâu không? Nam Tuyền đáp: “Đi đến nhà thí chủ ở trước núi làm một con trâu. Tông Thắm nói : “Cảm ơn sư chỉ cho biết”. Nam Tuyền bảo: “Đêm rồi canh ba trăng rọi cửa” (rọi cửa sổ : ăn trộm chắc!)

4) Thiền sư Qui Sơn Linh Hựu dạy chúng tăng : “Lão tăng, một trăm năm sau, xuống nhà thí chủ dưới núi làm một con trâu. Hồng bên trái viết năm chữ (mà tiếng Việt lại thành bảy chữ) : Ông Thầy Chùa Qui Sơn tên Đó. Bấy giờ, nếu gọi nó là ông thầy chùa Qui Sơn, thì lại là con trâu. Mà gọi con trâu, té ra là ông thầy chùa Qui Sơn tên Đó. Phải gọi là thứ gì mới được? Ngưỡng Sơn bước ra lay rối bỏ đi”

Thiền Sư Đạo Ngộ Ngộ Chân tụng :

Thủy hồ Qui Sơn trực triệt ki
Phân minh nhân loại hiển u kỳ
Lưỡng biên xuất ngữ phân thân xứ
Dạ diệu đầu lâm hiểu phục phi.

*Con trâu, Qui Sơn, thiệt mù tịt
Rõ ràng là người mới là kỳ
Bên này bên kia có chữ hết
Chim đêm về rừng sớm bay đi.*

5) Thiền sư Hoàng Bá Hi Vận, một hôm, cùng đi dạo với quan Tướng quốc họ Bùi, thấy bác thợ cày cày ruộng, bùn lún sâu, trâu đi không được. Bác đánh nó, quan họ Bùi động lòng trắc ẩn, Sư bảo : “Đét cho đau nữa đi!” Họ Bùi nói: “Ông bạn quý, sao lại nói được như thế?” Sư bảo: “Cái thứ hai chân, cày làm sao được”.

Thiền sư Thuỷ Am tụng:

Vận sư Bùi tướng lão bà tâm
Bất cố nề thâm dữ thuỷ thâm
Thống bổng độc chuy hành dị loại
Túng giao bì hạ huyết lâm lâm.

*Sư Vận, tướng Bùi, tâm bà nội
Chẳng kể bùn sâu hay nước sâu
Gậy đau, chày độc hành khác loại
Cái nào cũng máu nhuộm da trâu.*

6) Đầu tử Đồng thiền sư, có thầy tăng hỏi: “Con trâu trắng sờ sờ ra đó, như thế nào?” Sư bảo: “Rào rào”. Thầy tăng lại hỏi: “Nó uống hút cái gì?” Sư bảo: “Ken két”.

Thiền sư Huệ Giác tụng:

Lộ địa bạch ngư khởi vấn đoan
Tuỳ cơ chả chả xỉ nha hàn

Bất tri ẩm hám thị hà vật
Nghiết nghiết trực giao thương hải càn.

*Trâu trắng sờ sờ bày chuyện kháo
Cứ tuy rằng lạnh kêu rào rạo
Chẳng biết uống hút cái thứ gì
Ken két làm cho biển khô ráo*

NGUYÊN TẮC CHỮ HÁN

Thập mục ngữ đồ

(Xin đọc ngược từ cuối sách)

終不實、內細外終不麗、心亢則三毒縈纏、心
聖則六通自在、心空則一道清淨、心有則萬
境縱橫、如谷應聲、語高而響大、似鏡鑑像、形
曲而影斜、故曰欲外安和、但內寧靜、心虛境
寂、念起法生、水濁波昏、潭清月現、修行之要、
靡出於斯、可謂但自心、何疑不辨者耳

牧牛圖頌論解卷下終

諸學道者、如或現行未斷、煩惱習氣又濃、寫
目生情、觸塵成滯、雖了無生之旨、其力未克、
不可執云、我已悟了、煩惱性空、若起心修却
為顛倒、然則煩惱性雖空、能令受業、業果無
性、亦作苦因、苦痛雖虛、只麼難忍、如遭空病、
病體全空、何求醫人、偏服藥餌、故知言行相
違、虛空可驗、但量力、根、不可自滿、察念防非、
切宜仔細、故云萬法由心、一切在我、內虛外

這箇總是自覺聖智、這箇總是無上法輪、這
這總是佛之妙用、快樂無量、這箇總是煩惱
業淨、本來空寂、這箇總是一切因果皆如夢
幻、這箇總是生滅、已寂滅為樂、這箇總是
金剛不變不壞之真體、這箇總是無始不生
不滅之元神、這箇總是不可量不可稱、不可
思議無邊功德、這箇總是清淨法身、圓滿報
身、千百億化身、毘盧遮那佛

莫測其機、窮未來際、為一晝夜、盡微塵海、為
一刹那、前乎古而後乎今、無不是這箇總持、
上乎天而下乎地、無不是這箇克塞、故二祖
云、輪圓圖之、圖成這箇、世々生々不變遷、天地
有壞、這箇不壞、這箇總是真我、這箇總是真
如、這箇總是真體、這箇總是真空、這箇總是
寔相、這箇總是菩提道場、這箇總是涅槃真
淨、這箇總是不垢不淨、這箇總是非色非空、

續經無窮時金性不壞原此金性人人亦有
個不無以至十方衆生皆有金剛佛性而
天地萬物咸囿我如來之法身耳如學人修
成到此地位方知天地與我同根萬物與我
一體遍法界是箇如來藏盡大地是箇法王
身毫際無差與三世佛而一時成道真空平
等十六類生而同日涅槃當知法身其大也
虛空雖廣難包其體故真心其妙也鬼神亦

之功滿德隆、直超圓頓、淨光普照、與佛無殊、然自性清淨、便是無垢佛、自性如、便是自在佛、自性不昧、便是光明佛、自性堅固、便是不壞佛、一切諸佛法身俱有、說不能盡、惟一真性尔、性即是心、心即是佛、如舊佛新成、亦無二体、諸佛如已成像之金仙、衆生如未成像之金礦、如成與未成、各分前後、則金體始終更無差別、故圓覺經云、既已成金、不復為

越纖毫、不曾移易絲髮、明々古路、不屬玄微、
覲面擎來、瞥然便過、居不正位、豈落邪途、不
趨大方、那陷小徑、回首不逢、觸目不對、一念
普觀、廓然空寂、此之宗要、千聖不傳、直下了
知、當處超越、湏知法身無相、不可以音聲求、
妙道無言、不可以文字會、縱使超佛越祖、猶
落階棲、直饒說妙談玄、終掛唇脣耳。
此圓相者、乃最上一乘之妙道、智士可以行

不落階級、而刹那能所雙泯、則圖成滯貨、頌
成剩語、豈况直說直論者哉、若使此輩覽之、
當發一笑尔、據寔而論、語也不得、默也不得、
直饒語默兩忘、亦沒交涉、何故此古佛光明、
先德風彩、一一從無欲無依中發現、或孤峻
峭拔、竟不可攀、或含融混合了、竟無所觀、終
不揅定一處、亦不繫係兩頭、無是無不是、無
非無不非、得亦無所得、失亦無所失、不曾隔

生發之根源也、故學人工夫到此極則地位、
一得永得、一證永證、故謂之心空及第、見徹
父母未生前面目、到此大安樂地、做此一箇
無為無事、乃出格真道人也、故云一生參學
事畢者也、此隻泯四句頌、意緊如此、後進者
當知

總論圓覺寂光之相、真空妙有之體

夫一超直入之士、無勞鞭撻、而天然露地白牛、

境界不聖不凡也、難可見、祇在目前、山高海
濶、栢短松長、野花芳草、柳綠桃紅、鶯吟鶴唳
等、以此而推、森羅萬象、觸目遇緣、器界山河、
皆同一體、盡非他物、

如圭峯和尚謂、冲虛妙粹、炳煥靈明、無去無
來、冥通三際、非中非外、洞徹十方、不滅不生、
豈四山之可害、離性離相、含五色之能育、故
此體是一切衆生本有之佛性、乃一切世界

寂滅性中、不在語言詮辨、直須親證始得、不
可以情測度、故曰其中端的意、古人謂雲散
水流去、寂然天地空、故云野花芳草自叢生、
論云、此乃圓覺境界、冥合真體一味空寂、此箇
消息、設使千聖出興、又具無礙辨才也、說不
及、放一線道、且向建化門中、畧憑話會、強而
言之、此是文殊普賢大人境界、一切衆生、雖
在其中而不自知、諸小乘人、不能趣向、此之

普明禪師頌雙泚第十 句解云

人牛不見杳無踪 心法雙忘雙泚

明月光含萬象空 灵明絕待照体無依

若問其中端的意 此端的意同道方知

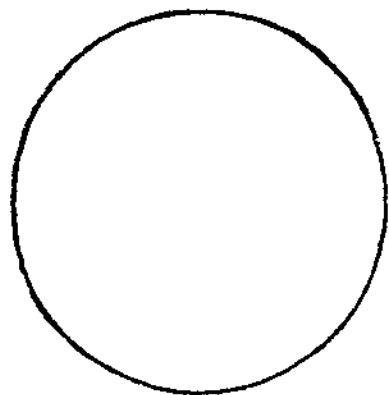
野花芳草自叢々 證入不思議境界

又別解云

了五陰三毒故曰人牛不見杳無踪人牛俱
不見正是月明時故云明月光含萬象空此

○還我本來真面目

難
名
難
狀
泯



○未生身處一輪明

佛經頌云

諸佛似一大圓鏡
我身猶若摩尼珠
諸佛法身入我體
我身常入諸佛軀

之樂、亦如孔門顏回陋巷之樂不改、曾參舞
雩咏而歸咸佩此真空無生之樂、古人謂是
男是女、總堪修若智若愚皆有分、但能迴光
返照、方知本體原無故云、皎顯清塵、靈臺煥
然有鏡、明眸了翳、迴漢晴尔無花、此獨照四
句、頌意緊如此

普明禪師頌獨照第九 句解云

牛兒無處牧童閒 離依他執證法空智

一片孤雲碧嶂間 細惑已盡精妙未圓

拍手高歌明月下 始得家鄉寔信還在生死呀頭

歸來猶有一重關 生死向上事須知更在青山外

論云此乃心空獨照不礙於道亦如幻人木馬

情識皆空方能垂手入廬轉身異類者須知

此樂非忘念迂注情識之樂乃是真淨無為



且真如之性湛然不動。尔古偈云。祇此見聞
非見聞。無餘聲色。可呈君箇中。若了全無事
體。用何妨分不分。此相忘四句。頌意緊如此。
五祖云。一佛二佛千佛萬佛。總是自己無別
物。昔年親種善根來。今日依然得渠力。

荷澤禪師云。本來面目是真如。舍利光中認
得渠。萬劫迷頭。今始悟。方知自性即文殊。

南北不分、不見有一法可當情、如箇無孔鐵
鎚相似、能疑所疑、內心外境、隻忘隻照、無、
亦無、到這裡、拳足下足處、切忌踏翻大海、踢
倒須彌、折旋俯仰時、照顧觸瞎達磨眼睛、
磕破釋迦鼻孔、如此拳動、施為不出菩提之
林、長處芒藏之海、晃々而無塵不透、朝々而
遊日騰輝、豈勞妙辨以宣揚、何假神通而顯
示、若如此行住坐卧、觸目遇緣、雖應用千差、

普明禪師頌相忘第八

句解云

白牛常在白雲中

境智冥合一味空寂

人自無心牛亦同

境智俱寂心慮安然

月透白雲之影白

空寂中內隱靈明
靈明中內含空寂

白雲明月任西東

色空照体本同年

論云、如古人謂翠竹黃花非外境、白雲明月露
全身、此乃還源之要道、或工夫到此田地、愈
加精進、直教行不知行、坐不知坐、東西不辨

大休大歇



千思頓歇
一念空諸

忘相



而不來、諸侯請而不赴、內息意外忘緣、而專
精至道者、如永嘉云、身貧道不貧、貧則身常
披縷、縷道則心藏無價珍。即與釋迦誦、勤淨
名、龐老、不增不減、無二無別、同一眼觀、同一
耳聞、同一受用、同一出沒、天堂地獄、任意消
遙、虎穴魔宮、縱橫無礙、騰々、仁運、仁運騰々、
古吟一絕云、字內為閑客、人中作野僧、仁從
他嘆我、仁運自騰々、此仁運頌、意緊如此

普明禪師頌仁運第七

句解云

柳岬春波寂照中

繁花喧鬧處日用常不迷

淡烟芳草綠茸々

景色青幽處隨流認得性

饑餐渴飲隨時過

隨緣消舊業更不造新殃

石上山童睡正濃

仁運著衣裳但順天真尔

論云、如無業和尚謂、古人得意之後、茅茨石屋、

向、折脚鑪中煮飯吃、過二三十年、名利不干

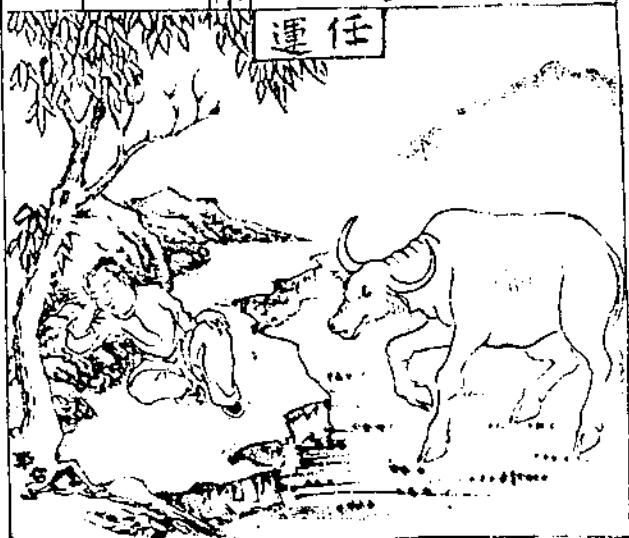
懷、財寶不為念、大忘人世、深隱跡、炭叢、君王命

泉石自娛

著實尋推端心窮照



任運



泊尔而來、恬淡無為而無不為、此聖人垂手
為人、周迴五趣、接化眾生、雖往來而無往來
之相也、如佛果之渾厚端莊、妙嬉之條達浩
澹、高峯之簡煉精嚴、幻住之詳明璀璨、故曰
幽閑雖啟、聖應不同、非本無以垂跡、非跡無
以顯本、本跡雖殊、而不思護一也、此四句無
礙頌、意緊如此

普明禪師頌無礙第六 句解云

露地安眠意自如 任意浮沉隨緣放曠

不勞鞭策永無拘 無散誕奢甚無拘束小節

山童穩坐青松下 寬性寬懷任山林任城市

一曲昇平樂有餘 沒知音者閑雅只自知

論云、如三祖謂、不逐有緣、勿住空恣、一種平懷、泯然自盡、故肇論云、是以聖人慮有不有、居無不無、所以和光同塵、周旋五趣、寂然而往、

和光同塵



內正念此持外不規小節

無礙



不墜、蓋是精進純熟之功、決非神力所致、凡
學做用功、亦復如是、當知工夫純熟底人、千
里輿來驚不起、萬般魔境不回頭何也、此乃
有切心中事、此馴伏頌、意緊如此
劔南和尚云、自淺識得此明珠、釋梵輪王俱
不要

普明禪師頌馴伏第五句解云

綠楊陰下古溪邊 繁花喧闌景色清幽處

放去收來得自然 不為物累到處如然

日暮碧雲芳草地 目前千差心間一境

牧童歸去不須牽 散心已止隨順定門

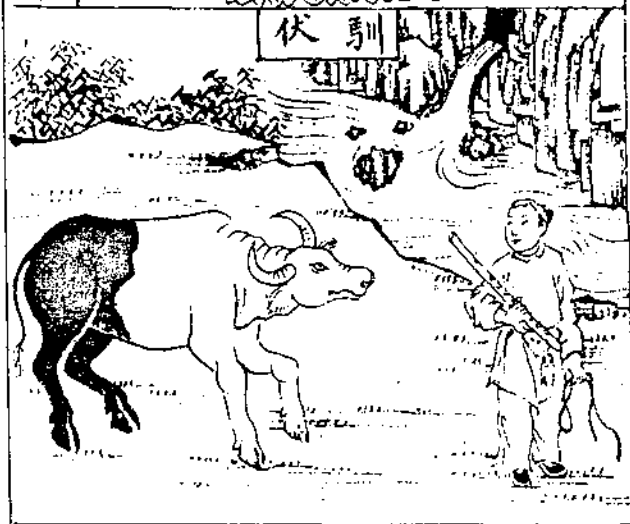
論云、如高峯和尚謂此馴伏一法、譬如善射人、
仰箭射空、復以後箭射前箭筈、々々相承、箭
箭中筈、首尾相資、上下貫串、住於空中、經久

第四輕安

純亦不已之又久銳究精參



馴伏



須教渠淨除現業流識尔、然洗心滌慮吐故
納新、穿上行之妙衣、嚼醍醐之玄味、乃尔大
道要時修時證、塵緣則日損日消、故李文和
頌云、學道須是鐵漢、手把心頭便判、直超無
上菩提、一切是非莫管、此迴頭四句頌、意槩
如此

龍牙才和尚頌云、學道如鑽火、逢烟未可休、

普明禪師頌迴首第四 句解云

日久功深始轉頭 久久用功漸淳

顛狂心力漸調柔 昏散二魔漸伏

山童未肯全相許客 工夫到此愈加精進

猶把芒繩且繫留 潛鞭密練無可少怠

論云、如經謂理須頓悟、乘悟併消、事非頓除、今次第盡、故為山云、雖得一念頓悟自心、猶有無始習氣、未能頓盡、必須精勤、方能除遣、且



人也、我何人也、而我無宿種乎、大凡行人、須
高尚其志、決烈其心、以出世為本懷、以明心
為究竟、朝而研暮而思、無時而解息、然後不
覺不知、瞥尔悟入、故云焉有天生稱勤、地涌
釋迦、不求而自至、無為而自成、此受割四句
頌、意緊如此

晉明禪師頌受制第三

句解云

漸調漸伏息奔馳

如痴似兀動靜體安然

渡水穿雲步步隨

造次弗離久習方成性

手把芒繩無少緩

可決志自加精進一步

牧童終日自忘疲

奮不顧身專精至道者

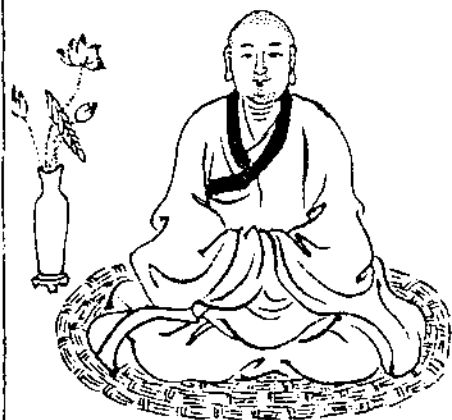
論云如涌泉和尚謂我四十年在這裡尚自有

時走作曇晦和尚曰此事極不容易須生慚

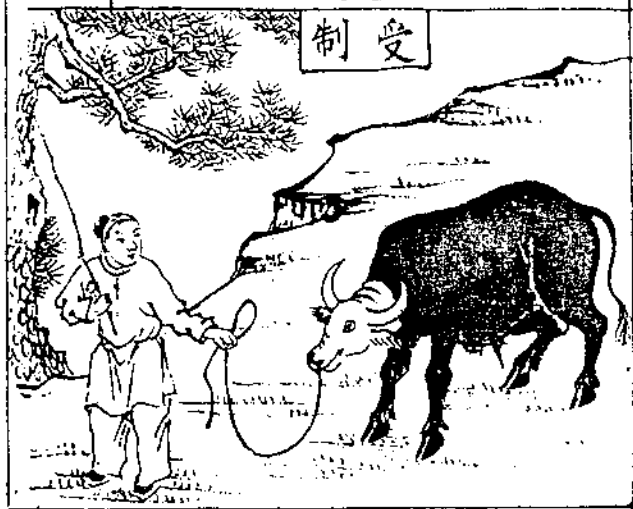
愧始得慚愧者慙於良朋愧於道友曰彼何

第二靜慮

廢寢忘食難能為力



受制



得淨豈不見佛十力中二力最大、因業力故
入生死、又因定力故出生死、此初調四句
頌、意緊如此

普明禪師頌初調第二 句解云

我有芒絛驀鼻穿 律身行已刻々不差

一回奔競痛加鞭 急悔情生時々痛剗

從來劣性難調制 初機挾劣昏散難拘

猶得山童盡力牽 發心立志下苦用功

論云譬如大摩尼寶體性明淨而有鑛穢之垢

若人雖念寶性不以方便種々磨治終無得
淨亦如真如之法不以種々方便勲習亦無

初靜慮



傾表罵臆下苦用功

初調



處一方有自恃陵他故云生得頭角又能開
大口說大話出言無度故云恣咆哮又復攀
緣塵境道學生疎不能返照故云奔走溪山
路轉遙又無慧觀無慚無愧邪見是非故云
一片黑雲橫谷口反不知籌量內無克念口
出非言不涉經律人々亦尔個々皆然故云
誰知如斯為是無益道心并傷定德無進道
嚴身要三常克足故云步步犯佳苗



僧俗散心間講話語羅多

別句解云

失戒律情存粗糙

逐聲利不能返省

無明暗覆昧却真心

攀心動念即乖法度

論云故雖年高而無戒

德空覆高心不肯親

附良朋惟知倨傲獨

於黑業、造作種々深懃、若出家人、則不然、再
故寒山詩云、上人心猛利、一聞便知妙、中流
心清淨、審思云甚要、下士鈍暗痴、頑皮最難
裂、直待血淋頭、始知自摧滅、看取開眼賊、開
市集人決、新屍死棄如塵、此時向誰說、男兒大
丈夫、一刀兩段截、人面禽獸心、造作何時歇、
此其先聖激勵如此、有智者記之

律上不畏天條、下不信地獄、暗不怕鬼、神明
不惧王法、惟以恃強陵弱、故云生獍頭角而
又誇弄英雄、頑痴之暴、故云恣咆哮、又復結
黨作惡、遂隊成群、弄波塵境、業識茫茫、故云
奔走溪山路轉遙、只因無明障蔽心田、故云
一片黑雲橫谷口、因貪起嗔、因嗔起痴、造種
種罪、不顧傷他、故云誰知而又耽荒五欲、故
云步步犯佳苗、以上句解等言、此乃世間膠

未牧有總別二意、總者一切貴賤曰總、別者
有在家出曰、家別

普明禪師頌未牧第一 總句解

生得頭角恣咆哮 強橫頑愚而能誇弄

奔走溪山路轉遙 犇逐塵境不肯回頭

一片黑雲橫谷口 無明覆心顛倒重障

誰知步步犯佳苗 舉心動念即乖法度

論云、乃一切愚頑強橫之徒、情同猿馬、不規法



汚故為黑色

問云何牛後額白曰此乃天然露地白牛之真色

問云何先亡牛曰此乃五根既返元故為先亡牛

問云何人牛俱不見曰此乃聖凡情盡五蘊皆無久後般若智圓心境雙亡故為人牛不見問云何圓相出現曰還我本來真面目也

立然後用行、古德云、心本空境本寂、約體之理、則差而無差、就用之功、則不別而別、一二無礙、方入不二之門、體用不乖、始蹈真如之境、是上圖為體、下圖為用也。

問云何嘉苗、曰此乃塵中五欲、故為嘉苗。
問云何芒繩、曰此乃戒律堅持、故為芒繩。
問云何鞭策、曰此乃志氣堅剛、故為鞭策。
問云何牛兒初黑、曰此乃久耽塵境五欲染。

非于色聞聲不是聲香臭不分甘苦不別麤
細一體而成自然之智矣是謂六識為牧人
也

問云何以五識為牛曰此五識各司其用各
依其體祇因內之根外之塵相偶而生焉故
罪業所由起也正如學人能轉識為智乃成
所作之功矣是謂五識為牛兒

問有甚麼見識圖上更加圖曰用從體起體

逃物外之禪、金鎖頓開、無論自他解脫、疑團
既剖、何須彼此籌量、故云雖源無二路、方便
有多門、蓋此圖乃直指之圖、本為初機中下
之設、但大乘根器利智之流、不在此話也

論云、教中謂祇因境風吹動、致令起湧波浪、波
水雖殊、其性一也、然水能載舟、波能覆舟也

且此圖故以六識為牧、五識為牛

問云何牧、曰正如學人能轉則妙觀察智、見色

蓋祖道隨宜、再順世而終寂、敢不捨慈懷、追
至于斯、孰能忘矣、且正法眼藏、乃佛祖之所
彰傳、大甘露門、寔學人之所期向、廓修尔觀、
孰謂超凡入聖、泯然無跡、本來徹地通天、我
佛之旨、難測難思、自性之功、全終全始、如垢
心不歇、即菩提、垢淨心明、本來是佛也、
蓋佛祖隨宜設教、且前脩後進、輩各受其賜、
焉、然率性修身、以達受寰中之道、樂天知命、每

牧牛圖頌論解卷下

越南畿內 比丘廣智法聰論解

將解此牧牛圖頌故設問答例此以明之

欽聞祖道初興妙菩提分新兩土真風特露法
達磨首創于東仰惟祖道西來密示單傳之
旨靈機頓扣元空無聖之心折蘆勁渡九年
面壁功高隻履還歸千載道隆永遠恩霑溥
洽禪林克荷滋培慧鏡高懸學地彌新覺照

不植臭草、無益賞心、徒增厭惡耳。故永明和尚云、身居苦海中、賴有鉄羅漢、苦海既出離、捨筏登彼岸。故云、若人內懷聖胎者、則發言殊異、果敢故、無猶豫之辭是也。如或有人閱過此論者、以僕言為當、速須改悔、生大慚愧、發大勇猛、自肯承當、令生不了、更待何時、故云、從凡入聖、未有不修而得者。若欲明本分上事、今生取辨者、當看下文、直解十頌、詳其始末也。

故、三智慧廣大友、能出迷津故、四總持文字
友、能決疑難故、五寂寞枯槁友、能恬進取故、
六謙卑忍辱友、能消我慢故、七直心忠告友、
能抑諸過故、八勇猛精進友、能成道果故、九
輕財好施友、能破大慳故、十仁慈覆物友、能
摧人我等執故、若無如是淨侶、即當屏人獨
處、自辦道業、以佛像為師、以輕論為侶、其餘
他嬉戲之徒、寧絕勿通、如公園中、雖無桂花、

輕視戒律處、一一皆當遠離故、何則是等撓
道、與魔何異、如此離遠諸處、一切道業即當
成辦故、又有古云、一切悟機、非友不發、一切
惡法、非友不止、如儒云、以文會友、以友輔仁
之意者、譬如風性雖空、由栴檀林吹香而來、
風有妙香、或經糞穢而來、其風便臭、友亦如
是、是以行道求友者、當嚴別淨穢、一山林間
適友、能止燥心故、二嚴持戒律、友能淡五欲

焉、吾末如之何也已矣、古云把手牽他行、不
得、惟人自肯、乃相應、故為山啟發云、伏望興
決列之志、開持達之懷、舉措看他上流、莫檀
隨於庸鄙、今生便湏決斷、想料不由別人、或
繁花喧鬧處、當遠、或歌樓酒肆處、或恩羹熟
遊歷處、或詩壇場文社社、鬪章摘句處、或譏刺古
今較長競短處、或講無義味道學處、或義解
家鬪名相矜小智處、或宗乘狂解妄譚頓悟、

蘇子瞻、道學如胡康侯、張子韶等、皆列于傳、燈、凡如此輩者、便未云一切無礙、况於今時、狂解之人、滯名執相、即是有漏凡夫、若撥果排因、即是空見、外道也、又或自己障深、慧淺、師授不明、邪入骨髓、而喪其真、或戒法荒疎、網常紊亂、而犯其禁、或教理未彰、謬譚非美、而落外道、或行願不修、遂入邪徑、而墮魔著、嗚呼、欲人之無惑者難矣、吾雖不敏、而寔悲

却增是惡取邪空、非善達法體、況今代悟門
一脈、雖云不絕、而中國禪學之士、如稻蔴竹
藁、於妙悟者、見地幾人、如云前代唐宋以來、
有二三在家居士、路途端直可以流通此法、
然既為居士、不同沙門釋子、猶有戒律縛身、
方寘身子火宅之中、浸心于煩惱之海、雖于
當幹世事、或內依稀、得一入門、而道力甚淺、
或有文翰手筆、風流艷冶、如黃魯直白樂天

剋證自然足救頭、重寔而不重虛、貴行而不
貴說、涉有而不住有、行空而不著空、從小善
而積殊功、仗微因而成大果、况又今時之人、
無明煩惱熾然不斷、欲以相似見解、消其惡
業、冀出三塗、無有是處、向使此等之人、不得
以少為足、常以如說修行、終不騁口頭禪客
尔、若以相似見解圖為快口者、如蟲食木偶
得成衣、此等似鳥言空、全無其旨、煩惱不滅、我慢

我是覺了解悟之人、業不能係、夫謂業不能係、非謂有而不有、正以無而自無、生既隨境即動、况死安得不隨業受生乎、故云眼前一念瞋相、即是怪蟒之形、眼前一念貪相、即是餓鬼之種、無形之因、念甚小、有形之果、報甚大、一念之微、識田持之、歷千萬劫、終不遺失矣、故古德云、前賢往哲、志大心淳、究理而時刻不忘、潛行而神靈莫測、曉夕如臨、深履薄

道人不宜行俗習之事、如此之習、稱為博學
佛果鄙而不修、片善豈宗而當作、使後生小
子專逞聰明、惟尋見解、終有所知、即為一起
直入、更復何言、輕狂傲慢、貢高恣睢、口無擇
言、身無擇伴、不念世間情欲、無涯隄之尚溢、
如何以圓活之語、大破因果之門、自誤人、
安免淪墜、若不為魔所攝、定當永墮三途、刀
山劍樹報其前因、披毛帶角酬其後果、莫云

說非、甚至以火性為氣魄、以我慢為承當、以誦詐為機用、以妄語為方便、以致肆為遊戲、以穢言為解粘、讚嘆破律無功行之人、侮弄絕超有定步之士、偏顛理路、故窮玄極妙、莫之踰跡、盡刻行門、故從意任心、無復規矩、口言念佛、誦經禮拜為小乘執相、令人修習、已乃宴然、或經年不拜一佛、經年一禮不懺、經年不轉一經、反有世間不必有外記之書、行

相似之解即愕然云、馳求已歇、我是無事道人、識得煩惱如幻、則肆情以恣煩惱、識得修行本空、執仁意以壞修行、謂檀本空反捨檀而取慳、謂忍本空反听情而真忍、或言戒則曰本無持犯、何必重持而輕犯、或言禪則曰本無定亂、何必捨亂而取定、聽情順意蹈有譚空、且道愛憎毀譽之火、終觸之而即高、生老病死之風、微吹之而已動、爭人爭我、說是

堂再作魯公、隋因之後、隨緣流轉、故云道有
消而無長、業有加而無減、或般若緣深、不落
三途、而出房入房、亦大辛苦尔、況今時末法
之人、根器亦^多下劣、因苦出家、發心既不真、
工夫又不純、一偶于佛祖機鋒、知識言語、或
悟得本來成佛處、當下即是處、意識行不到、
語言說不及處、一切不可得、即不可得、亦不
可得處、將古人語句和會、無不相似、既得此

穢滅、悟者常須覺觀、迷者勤加折伏、其或愛
鎖貪枷、亦當慟年惜月、故孔子云、困而不學
民斯為下矣、一切賢聖、稱心而行、法性無邊、
行海叵量、是故或一刹那中、行滿三祇、或恒
河沙劫、未成一念、皆因人有賢愚、根有利鈍、
悟有遲疾耳、或已悟入、休歇太早、智不入微、
道難勝習、一念不盡、即是生死之根、業風所
牽、復入胞胎、後有、如五祖戒後身東坡、青草

始勤而中輟，悅於須臾，厭於時久，欲望與諸
祖同儔，不亦狂矣！此初調一法，畧敘數言，留
為同志者鑑，庶不落空邪！見法門幸甚，某亦
幸甚。惟其調收一章，大槩如此，學者當知之。
說竟

初調直論

夫積劫情塵，多生愛海，似飢餓之苔花，若吞珠
之泥繡，無礪不吐，去垢方明，欲得心淨，除非

終不出此心、若離此心別無玄妙矣、然後
雖有次第工夫、不過是成就這箇而已、以上
等語、是修行之方法、成仙證聖之要術、入道
入德之圓門也、昔阿難多聞絕持、積歲不登
聖果、息緣返照、暫時即證無生、無生蓋凡夫之心、
終日趣外、逾遠逾背者、無生夫學道之士、不患
不成、惟患不勤、苟能專精而勤、未有參而不
悟也、設使立志不堅、信道不篤、朝為而夕改、

未能盡心、安能知性、未能明心、安能見性者
也、故知明心是生死海中之智楫、見性是煩
惱病中之良醫、如得明心見性之後、時以境
界淨治自心、時以精進堅固自心、時以忍辱
坦蕩自心、時以覺照潔白自心、時以智慧明
利自心、時以佛知見開發自心、時以佛平等
廣大自心、若明此心、則頓超生死、而圓證涅
槃、若昧此心、則永劫輪迴、而遺失真性、故始

出續終不更染塵泥、似木既灰、豈有再生枝
葉、一得永得、盡未來際、永脫攀籠、長居聖域
者矣、然此最上一乘大道、若根器利者、一超
直入如來地、若根器鈍者、將如之何、必由下
學而上達的工夫、漸次引入法門可也、使之
行一步自有一步效驗、升一級自有一級規
模、亦是行遠自迤、登高自卑之意、若不知入
門下手做工夫、安能遽到了手極則地位、若

流轉、寓目生情、取舍萬端、無時暫暇、致使起
惑造業、循環六道、不能得出、究竟冥初、皆一
妄迷真之咎耳、故知三界唯心、迷人心外求
法、至人見境是心、境即是心之境、心即是境
之心、對境不迷、逢緣不動、能所互成、一體無
異、若能達境唯心、便是悟心成道、覺盡無始
妄念、攝境歸心、出纏真如、離垢解脫、永合清
淨本然、則不更生、山河大地諸有為相、如金

開、了然見性、此所謂皮膚剝落盡、一真將次見矣、工夫至此、自然精神朗發、智慧聰明、心性靈通、廣大自在、是知一切諸聖、皆從此心地法門方便而入、得成為佛為祖、為人天師、凡夫不能證者、由不識自心、故佛經云、一切衆生從曠劫來、迷倒本心、不自覺悟、妄認四大為身、緣慮為心、譬如百千大海不認、但認一小浮漚耳、以此迷之復迷、妄中復妄、隨境

念既消、自六識而下、莫不皆消、即文殊所謂、
一根既返元、六根成解脫、既無六根、則無六
塵、既無六塵、則無六識、既無六識、則無輪迴
種子、既無輪迴種子、則我一點真心、獨立無
依、空々蕩々、光々淨々、而萬劫常存、永不生
滅矣、此法直指人心、千了萬當、何等直截、何
等簡易、但能培養本源、觀照此心、久則油然_清然
心空、浩然凝定、寂然不動、靜然無思、豁然心

是樞機、目為盜賊、欲伏其心、先搥其目、蓋弩之發動在機、心之緣引在目、機不動則弩住、目不動則心住、當知妄念起於識根、聞境成妄、非寔有體、在衆生時、智劣識強、但名為識、當佛地時、智強識劣、但名為智、祇轉其名、不轉其體、初一心源廓然湛寂、由知見立知、妄塵生起、故有妄念、若知見無見、斯即涅槃、則智性真淨、復還妙湛、洞徹精了、而意念消、意

之辨、逸、互、常要逆聽此牛之導、縱、至若運用
施為、念、不離此牛、以至行住坐卧、心、常
在此牛、不可刹那忘照、率尔相遺、神光一出
便收來、遣次弗離、常在此管照、如子思所謂
不可須臾離也是矣、又先存之以虛其心、次
忘之以廓其量、隨處隨時、無礙自在尔、然學
人只要逆除六識、尤在知所先後、意雖為六
識之主帥、眼寔為五賊之先鋒、故先德云、心

之則先死始悟之則輪迴息欲息輪迴莫若
體乎至道欲體至道莫若觀照本心欲照本
心應須普眼虛鑑常教朗月輝明每向定中
慧照時々保得此七情未發之中時々全得
此八識未染之體外息諸緣內絕諸妄舍眼
光凝耳韻調鼻息緘舌氣四肢不動使眼耳
鼻舌身之五識各返其根則精神魂魄意之
五靈各安其位二六時中眼常要內觀此牛

為子而不覺，是以世尊教人，先斷無始輪迴根本者也。此根既斷，則諸識無依，復我元初常明本體。然而大道茫茫，當從處下手，是知齊襟必攀願，整綱要提綱。昔祖師門下，指出修行正路一條，教人打從源頭做起。若源頭潔淨，天理時時現前，識念自然污染不得。譬如如果日當空，翳翳滅跡，此一心地法門，是古今千聖不易之道。故背之則凡，順之則聖。迷

識形中妄心名之曰識心本無知由識故知
性本無生由識故生生身種子萌蘖於斯開
有漏花結生死果令人妄認方寸中有箇昭
昭靈々之物渾然與物同體便以為元神在
是殊不知此即死々生々之識神却又輪迴
之種子尔故景岑和尚云學道之人不悟真
祇為從前認識神無量劫來生死本痴人喚
作本來人嗟夫世人以奴為主而不知認賊

初調直說

此初調一則、乃僧家之本分、不干世俗之事、據永嘉集云、夫欲修道、先須立志、又明慕道志儀、事師儀則、彰明軌訓、次除去憍奢意、以息妄心、擾動、次淨三業、仔細檢責、戒身口意、令麁過不生、方能調伏身心耳

原夫真心無妄、智性本明、妙湛元精、由妄翳起、俄然晦昧、失彼元精、粘湛發知、故轉智為

佛祖之深心、備彰經論之大意、希懷舊執、廣
改前非、同躋先聖之遺蹤、共稟覺王之慈勅、
無虧本志、免負四恩、齊登解脫之門、共入寔
行之徑、成諸佛業、滿大菩提、塞邪徑而闢正
途、堅信根而拔執刺、越三有之苦津、入普賢
之願海、渡法界之飄蕩、進涅槃之大城、仰惟
佛眼、證此微誠、普為時人、敬引茲集、尔

所以道學日鄙、勲修日廢、法門日墜、凡此之流、故不肯收也。

以上十種之人、雖云出家、而無絕塵之行、徒為男子之身、而無丈夫之志、故祖為山云、可惜一生空過、觸事面墻耳、但以終朝擾之、竟夜昏之、墮無知坑、坐黑暗獄、不達卽事卽理之旨、空念破病破執之言、智者深嗟、愚人做效、既成途轍、頓奪尤難者、是故廣引。

深鵙鵒夜撮蚤察秋毫、盡出瞑目之不見丘
山、蓋分定也、如此之人、為自足計、故無遠謀
生既無益於時、死亦無聞於後、凡此之流、故
不肯收也

十者骹擲樗蒲、群會屯聚、情而不收、何則、祇
希目前之小利、懷苟且之計謀、又云、求道之
迂濶、不若求利之切當、由是競習浮花、計較
毫末、是以莫肯為周歲規之、計况生死之慮乎、

智不足、識見不明、而若是耶、佛智裕和尚曰、
駿馬之奔逸、而不敢肆足者、啣轡之禦也、意
識之流浪、而不敢攀緣者、覺照之力也、嗚呼、
以佛法作人情、寔搖尾乞憐者、是無覺照耳、
此等之人、故不肯收也、

九者、聾、瞶、癩、惰、偷、安、而、不、肯、收、何、則、祇、因、自
負、自、棄、而、然、故、先、德、云、人、之、才、器、自、有、大、小、
成、不、可、教、故、曰、楮、小、不、可、懷、大、綆、短、不、可、汲、

七者追攀人事、日精日專、惰而不牧、何則、法
句喻經云、如累香之帝、繫魚之索、爾夫物本
淨、皆因緣以興罪福、友賢明則道義日隆、友
愚暗則殃福日集、猶如帝索、近香則香、近臭
則臭、漸染翫習、各不自覺、故先德云、休々々
及早修、晴乾不肯去、直待雨淋頭、此等之人、
隨順業輪、已喪道本、故不肯牧也、
八者以佛法作人情、惰而不牧、何則、祇因才

如芭蕉水沫、無常似焰影電光、雖漚啖而反
作冤讐、每將養而罔知恩報、廣誚責非一、難可
具言、若不審此深慙、遂乃廣絃保護、迷斯為
是而不進修、則智行兩虧、理事俱失、須先厭
惡知非、而慾火潛消、苦切對治了本、而真元
自現耳、凡此之流、皆因內無智照、喪本驟末、
朝隨群動、暮隨群動、汨亂真源、昏濁性水、凡
如此者、故不肯收也。

路頭向甚處去、寔乃徒入空門、虛生浪死、如此之流、為衣食故、為求安樂故、如此出家、可悲可痛、豈不知寶積經云、觀身有四十種過患、或云貪欲之獄、恆為煩惱之所繫縛、臭穢之坑、常被諸蟲之所啖食、似行廁而五種不淨、若漏囊而九孔常穿、嗔恚毒蛇、起害心而傷殘慧命、愚痴羅刹、執我見而吞噉智身、猶惡賊而拳世皆嫌、類死狗而諸賢並棄、不墜

福謝、天人厭之、為師友累、如此之人、故不肯收也、

六者身雖出家、不肯安心入道、隨順法空、唯保幻軀、裝模做樣、墮而不收、何則、故天和尚云、近世有等出家、雖曰離俗、俗習不除、盡曰出塵、塵緣不斷、經教固不知、叅禪又不會、心猿易走、意馬奔馳、作隊成群、打開過日、非但虛消信施、亦乃埋沒己靈、眼光落地之時、

隨緣任運、非是無作、錯認祖機、執礫為玉、
誠可哀憐、此等錯解、即不肯收也、

五者依阿權勢、墮而不肯收、何則、祇不知廉
耻、務名譽矜豪、忘道德廢法律、捨執度、任私
情、而致然也、反譏淳素為鄙樸、反獎囂浮為
俊敏、是以恣情逸欲、不知羞耻、自能諂奉勢
位、倚託于權貴之門、圖取聲利、允此之流、不
體道本、沒溺愛河、欲海、自甘沉墜、一旦禍盈

顛倒、疑誤後人、當知執空破相、皆是魔屬、任
尔一切空、生空、死空、爭奈閻羅大王空、不得
何、誠可憫尔、此等之人執空、卽不肯收也、
四者隨緣墮、而不肯收、何則、古人云、隨緣消
舊業、任運著衣裳、但順天真、萬行自圓、攀足
下足、誰非淨業、何用種々作為、又先德云、卽
心卽佛、何假修行、此等之人、如犬逐塊尔、不
識祖師門中一期之語、因病施藥、是故當知

人稍窺法空、聞人誦經念佛禮拜、作種種行門、卽曰法離名字、若徇假名權說、轉益虛妄。此等之人、心口相違、尠、豈不見楞嚴經云、若彼定中、諸善男子、見色陰消、受陰明白、自謂已足、則有一分大我慢、魔入其心、腑、謂三昧、却一念能越、心中尚輕十方如來、何況下位聲聞緣覺、不禮塔廟、輕慢經像、此是金銅土木、却謂肉身真常、不自恭敬、却崇土木、寔為

明人學涉獵教典、記注章句、執法身之假名、
析名相之分齊、東緝西補、竟月窮年、各爭己
見、無寔行履、是故當知、饑兒過屠門而大嚼、
止益饒心、無救枵腹、此等之人、務口頭禪客、
雖記注章句、心懷我慢、以驕凌物、此僧中第
一粗行、况無寔功行、徒增口業、深可憐憫、
如此之人、故不肯收也、
三者痴空墮、而不肯收、何則、古人云、學道之

句、隨語生解、隨解發毒、放恣狂言、罪不可得
故、但騁口頭解脫、則乘戒俱失、全不修行、故
永明和尚云、帶習尚被業境牽、現行豈逃緣
縛、如云、千日學解、不如一日持戒、如何貪語
解之虛名、受泥犁之寔禍、欺已誑人、枉遭論
墜、祇是狂吠之徒、可憐憫尔、此等之人、卽不
肯收也、

二者支離墮、而不肯收、何則、祖師云、多有聰

慣憐羈旅之人、落地寒生、備識窮途之苦、無法可救、是見必訶、貴幸順佛言、莫依魔教、僕今分明說破、說破又被人憎、古云當言不避截舌、是以畧舉此土僧中、有五墮五墮、共十種人、未肯收也、

一者狂妄縱恣、墮而不肯收、何則、教中云、有等魔民、專逞狂慧、不肯持戒修行、妄取經中相似語言、曰煩惱卽菩提、姪怒痴卽梵行之

喧、但說人間雜話、饕餮因循、荏苒人間、遂成
踈野、反顛應赴之流、以圖利養、忘却初心、辜
負出家之志、爾何時息意忘緣、迴光返省、而
肯收耶、等類而推、總云未收也、

未收直論

夫一切迷情、依諸見起、履之則為稠林、溺之則
為熱海、如蚕作繭、佳處為受縛之因、似蛾赴
燈、依光明作喪生之本、故先達云、拋家蕩子、

圃工商、一切人等、生涯活計、插秧下種、運水
搬柴、或洗染縫紉、紡綿績苧、收晒舂磨、執捉
施為、辛勤顧管、奔波勞碌、日所用湏^挑曉夜尋
思、千方百計、若說當家之事、微細多端、筆不
能盡、祇因業根深重、日裡茫々、如何收得、上
自天子、下至庶人、姑置之勿論、至若此土、
佛門四輩弟子等、宿資少善、生人道、幸遇遺
風、得出家、披緇削髮、濫膺恭敬、喫了聚頭、喧

舉矣、自天子未收者何、此乃身居富貴、子女
玉帛、珍寶庫藏、日應萬機、何暇而迴光返省
且能收耶、以至王侯之位未收者何、皆因子
女玉帛、妻妾閹心、又有征伐之權、侵凌之謀
因此故不能收也、至若公卿士大夫等、媚權
寵祿、名譽矜豪、或浚民之膏澤、以充寔之、只
圖貴顯一身、因此故不能收、至如士子、苦志
寒窗、圖取功名榮貴、何暇而能收耶、以及農

有心必佛、祇因一切衆生、具有如來智慧德相、皆因妄想執著而不證得、是以於法菩提塲、卽說華嚴經、乃一乘圓頓微妙法門、開示衆生見性成佛、真秘典者也、又大學孔氏之遺書云、自天子以至於庶人、一是皆以修身為本、然此法門、前云未牧者、猶云未覺、未覺卽未修、未修乃未牧也、如教中云、自天子以至庶人、則其中王侯公卿士大夫等、可知兼

故奮起念頭妄為之註以公通識仍於帑上
陳言又復贅為直說畧引數條或至理未明
謬譚非義願賜懺悔倘或言辭閤理乞廣流
通庶不負此願也曰聖人空費老婆心知音
不在頻頻攀茲於未收初條聊為拈出祇因
迷時須假三乘教悟後方知一字無音

釋迦如來直往雪山捨萬乘尊榮受六年饑凍
於臘月八日夜觀明星初成正覺嘆曰奇哉

言不貴無益之虛譚、安貴醒人之警語也、古
人有云、因疑致問、離匣之寶劍、為斬不平、引
荅破疑、出鼎之靈丹、欲療既病、諸仁者、各請
立地定著精神、一念迴光、豁然自照、何異空
中紅日、獨運無私、盤內明珠、不撥自轉者、此
時若不究根源、直待當來問弼、勒何太遲也、
僕雖庸昧、學問荒疎、行解涼薄、通見牧牛圖
頌、是道人本分上事、然文畧義幽、意深像顯、

牧牛圖頌論解卷上

越南畿內 比丘廣智法聰論解

未牧直說

誓首圓滿徧知覺 皈依十二修多羅

南無十方諸賢聖 同震威光俯照臨

弟子
伸言

嘗謂藥不必參苓丹石。愈病者良言不必雄譚。

博論。啟迷者妙。故庸醫之所棄者。盧扁之所

取也。任士之所輕者。智士之所重焉。是知立

辨為據而間附己意一二。欲方便少補。以便
初機。何當撰集耶。譬如病無一證。藥無苟方。
故云病除藥貴。雖便溺藥即是甘露。異證苟方。
雖參苓化為鴆毒。豈謂玉屑珊瑚是無上妙
藥耶。倘若佛門弟子。初機者。貴修身而有鑑。
尔逞狂慧。必有忽焉。則某亦難逃笑哂。吾無
強諸。故序

時

永盛十五年己亥臘八佛成道日謹識於海天佛國

誘引之。會編充棟者。今此法門牧牛圖。未知
出於何手。而亦倣于佛經。聚以祖教品。列為
十。始於未牧。終於雙泯。其牛初黑漸白。以至
於無。粲然盡白。而普明禪師復一一係之以
頌。其為圖也。像顯而意深。其為頌也。言近而
旨遠。誠學人之嘉惠。裨益良多。方便不少。然
惟其圖者。乃直指之法門。而惜缺無直引。業
雖不揣固陋。竊取古人成語。復採摭經文。徵

直指示惟頓惟圓。或天上或人中。不背教主。若若趣若沉淪。尤親佛意。纖塵不礙。雖覆暗亦覩光明。眾德圓常。縱無緣皆當攝授也。迨至達磨西來。開九年之面壁。後以單傳直指。以心印心。復出二祖神光。立雪參請。斷臂安心。故云繼嗣得人。再自此而下。祖々相承。或寤寐真詮。或揄揚覺路。或說法語。或為小參。或為開示。或為警策。或為嚴銘。種々警進而

牧牛圖自序

夫佛祖出興者。皆因利生願重。愍物情深。故有多門施設。雖云人人本具。一性圓明。皆因無明妄念。遽再輪迴。何常返省。於是時

釋迦文佛。捨皇宮而直往雪山。示六年之苦行。後乃說法利生。闡大哀之洪慈。拔幽根於重劫。一極悲心。發窮源之真唱。極昏迷於失性。故三乘教法。隨機而橫說。豎說。於一乘妙道。

拙辭不足以瀆

辨

聖覽。臣竊窺祖機精蘊。假以牧牛之為。

聖學淵深。問及詞牛之智。臣等不揣固陋。具疏
恭進以聞。

永盛十六年五月十五日

牧牛之為。且於此時不詳申句。今者謹將舊本句解重加披閱。或理解未瑩。增改數語。或支蔓不切。即行刪除。新編一本。圖上加圖。裝帙進呈。伏望

聖上萬機有暇時一披閱。或言句中錯解者。伏乞抹塗。或言句中切當者。願廣流通。庶使學人於舊習不至遺亡。或新知日益開豁。以便後來修進之士。寔為有補。然於句解中淺近

天恩浩蕩。問及俗家之緣。佩

聖德弘敷。譚及出家之事。前捨業已幾年。志
林泉曾為何業。臣伏見

佛心天子。每不忘付囑金言。革故鼎新。使佛地
規模輪奐。得便軍民。觀有誠瞻有主。假以種
因。曉諭黎元。罪可滅福可臻。共培後果。寶鈔
靡算。每三元供以為常。佛法志殷。每四季給
之不缺。臣等下情不勝欣喜之至。又蒙問及

進聖牧牛圖頌疏上

鎮海官寺僧法聰號廣智

謹具題於己亥年三月蒙

聖駕幸臨彌陀之日。乃眾僧俯伏接駕之時。臣

特蒙召入沐

聖心眷愛。賜坐賜茶。仰

聖意惟容。問終問始。臣情悚惧。隨荅隨申。眼不

敢瞻。叩首頌首。荷

十牧牛圖誦論解

■ THẬP MỤC NGUỒN ĐỒ

Chịu trách nhiệm xuất bản: Quang Thắng

Biên tập nội dung: Xuân Lưu

Sửa bản in: Phương Hiến

Bìa: Uyên Nghi

In 1.000 cuốn, khổ 14x20cm

tại Xí nghiệp in Fahasa

774 Trường Chinh, Q.Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

Số đăng ký kế hoạch xuất bản:

449-2007/CXB/43-16/PĐ

Cục xuất bản ký ngày 14 tháng 06 năm 2007

In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2008

